

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Thúy**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG – 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC  
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
CONTAINER VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Thúy  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG – 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Thị Thúy

Mã SV: 1354010373

Lớp: QT1306K

Ngành: Kế toán – Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Container Việt Nam.

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp
  - Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Container Việt Nam.
  - Đề xuất giải pháp Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Container Việt Nam.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Số liệu về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Container Việt Nam năm 2012.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - Công ty Cổ Phần Container Việt Nam.
  - 11, Võ Thị Sáu, P. Máy tơ, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Container Việt Nam.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên: .....

Học hàm, học vị: .....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn: .....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

## PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu

### 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi

### 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....  
.....  
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

**Cán bộ hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.2 Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
<i>1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.</i>	4
<i>1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .....	4
1.2.1.2 . Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	15
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	17
1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	19
<i>1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí</i> .....	24
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	24
1.4.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp.....	30
1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính .....	35
1.2.2.4 Kế toán chi phí khác.....	38
1.2.2.5. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	40
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	43
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	46
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	46
<i>1.4.1. Hình thức Nhật kí chung:</i> .....	46
1.4.2. Hình thức Nhật kí – sổ cái.....	48
1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:.....	49
1.4.4. Hình thức Nhật kí – chứng từ: .....	50
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính: .....	51

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

<a href="#">Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</a> .....	12
<a href="#">Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lí</a> .....	13
<a href="#">Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp</a> .....	13
<a href="#">Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng</a> .....	14
<a href="#">Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ</a> .....	14
<a href="#">Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</a> .....	16
<a href="#">Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác</a> .....	18
<a href="#">Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại</a> .....	22
<a href="#">Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại</a> .....	22
<a href="#">Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán</a> .....	23
<a href="#">Sơ đồ 1.11: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên</a> .....	28
<a href="#">Sơ đồ 1.12: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kì</a> 29	
<a href="#">Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí bán hàng</a> .....	33
<a href="#">Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí quản lí doanh nghiệp</a> .....	34
<a href="#">Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí tài chính</a> .....	37
<a href="#">Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí khác</a> .....	39
<a href="#">Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành</a> .....	42
<a href="#">Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh</a> .....	45
<a href="#">Sơ đồ 1.20: Trình tự kế toán theo hình thức sau Nhật kí chung</a> .....	47
<a href="#">Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật kí – Sổ cái</a> .....	48
<a href="#">Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ</a> .....	49
<a href="#">Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật kí – chứng từ</a> .....	50
<a href="#">Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính</a> .....	51
<a href="#">Sơ đồ 2.1:Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty</a> .....	55
<a href="#">Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty</a> .....	58
<a href="#">Sơ đồ 2.3:Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính</a> .....	60
<a href="#">Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần</a>	
<a href="#">Container Việt Nam</a> .....	63



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP Container Việt Nam .....	74
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty CP Container Việt Nam. ....	92
Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CP Container Việt Nam.....	98
Sơ đồ 2.10 Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty CP Container Việt Nam. ....	113

<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM.....</b>	<b>132</b>
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM. ....	132
3.1.1. Kết quả đạt được: .....	132
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:.....	132
3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	133
3.1.1.3: Về ứng dụng công nghệ thông tin:.....	134
3.1.2. Hạn chế:.....	134
3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng.....	134
3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng.....	135
3.1.2.3. Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	135
3.1.2.4 Chưa lập dự phòng phải thu khó đòi.....	135
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Container Việt Nam. ....	137
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện: .....	137
3.2.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện: .....	137
3.2.3 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Container Việt Nam. ....	138
3.2.3.1 Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng.....	138
3.2.3.2 Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng.....	139
3.2.3 Giải pháp về áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán .....	142
3.2.4. Giải pháp về lập dự phòng phải thu khó đòi. ....	143

## LỜI MỞ ĐẦU

Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất xã hội. Nền sản xuất ngày càng phát triển, kế toán ngày càng khẳng định được vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính chung của nhà nước và doanh nghiệp. Trong những năm qua nhờ có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện về cơ chế quản lý kinh tế cũng như đường lối chính sách kinh tế xã hội, hệ thống kế toán Việt Nam đã có những đổi mới, ngày một hoàn thiện và phát triển.

Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một điều tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì thế, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là phần hành cơ bản của công tác hạch toán kế toán đã khẳng định được vai trò của mình.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nên trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: **”Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam”**.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

***Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

***Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam.***

***Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam.***

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô, các cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

**CHƯƠNG 1:****NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

✓ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

✓ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.


✓ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

## **1.2 Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### ***1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.***


#### ***1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***


##### **➤ Khái niệm**

 **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

##### **➤ Phân loại doanh thu**

*Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:*

 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

 **Doanh thu bán hàng nội bộ:** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

✚ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kì hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu và tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Doanh thu hoạt động tài chính gồm:*

✓ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ;...

✓ Cổ tức lợi nhuận được chia;

✓ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

✓ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

✓ Lãi tỉ giá hối đoái;

✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

✓ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác;

✚ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

✓ Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

✓ Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

✓ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;

✓ Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

✓ Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoãn lại;

✓ Các khoản tiền thưởng của khách hàng;

✓ Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:*

✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:*

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**❖ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lí của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có);

✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;



✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

✓ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

✓ Đối với hàng hóa nhận bán đại lí, kí gửi theo phương thức bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

✓ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

✓ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

✓ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kì nhận trước tiền.

❖ Các phương thức bán hàng:

✓ *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và kí vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bán

giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

- Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

✓ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

✓ Phương thức bán hàng qua đại lí: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lí) xuất hàng giao cho bên nhận đại lí (bên đại lí) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lí sẽ được hưởng thù lao đại lí dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✓ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kì tiếp theo và phải chịu một tỉ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu

được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

✓ Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

✓ Phương thức tiêu thụ nội bộ: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

✓ Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

✓ Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

✓ Hợp đồng kinh tế

✓ Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng

✓ Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

 **TK511 – “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

*Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 5 tài khoản cấp 2*

✓ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

✓ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

✓ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

✓ Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

✓ Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản

- Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK511	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng, thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kì kế toán;</li> <li>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</li> <li>- Doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kì;</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kì kế toán.</li> </ul>
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 511 không có số dư cuối kì**

**TK512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ”**

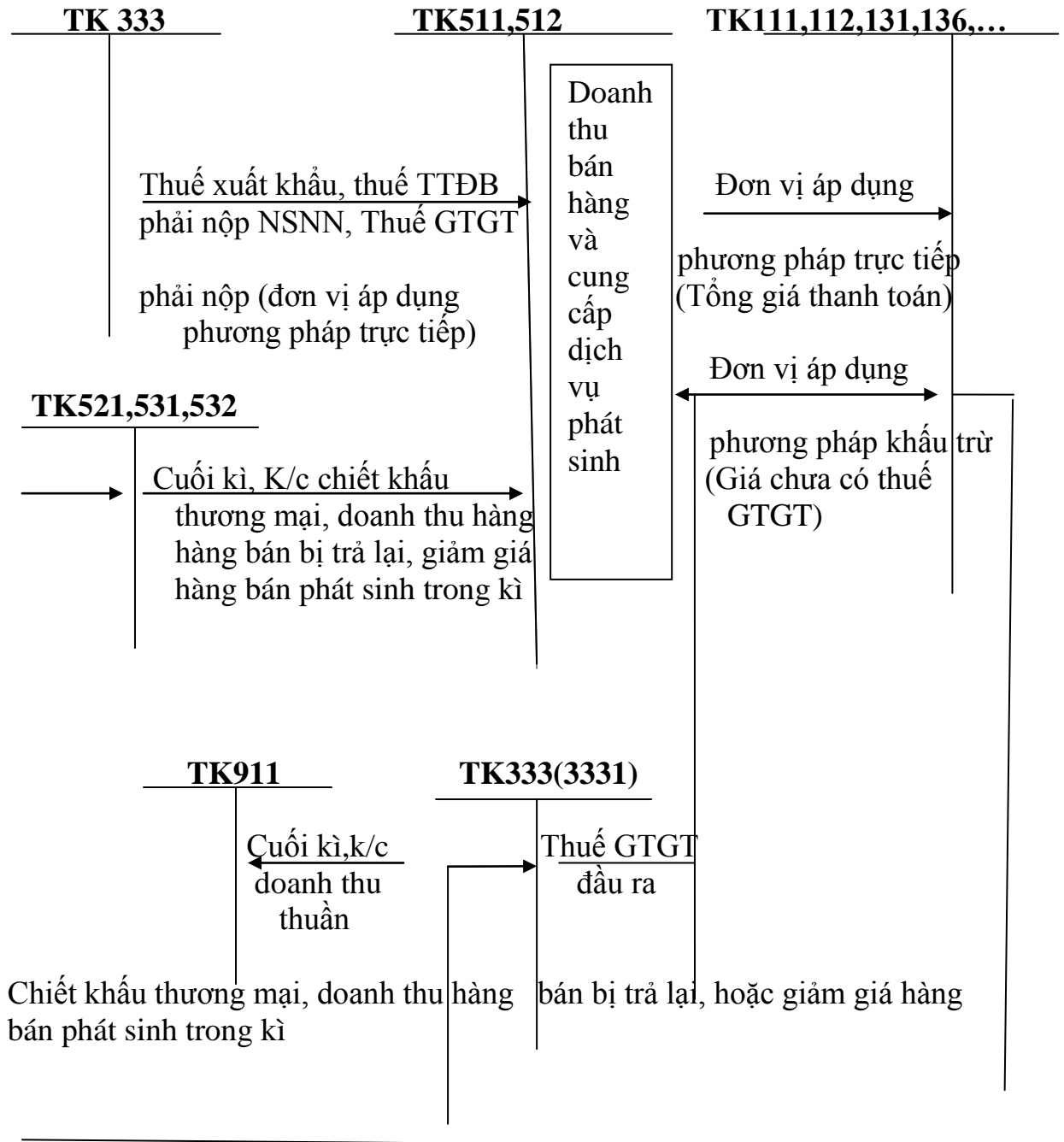
- ❖ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:
  - ✓ Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa
  - ✓ Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
  - ✓ Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ❖ Kết cấu của tài khoản 512

Nợ	TK512	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã được chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng bán dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kì kế toán;</li> <li>- Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;</li> <li>- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;</li> <li>- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK911 – “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kì kế toán.</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

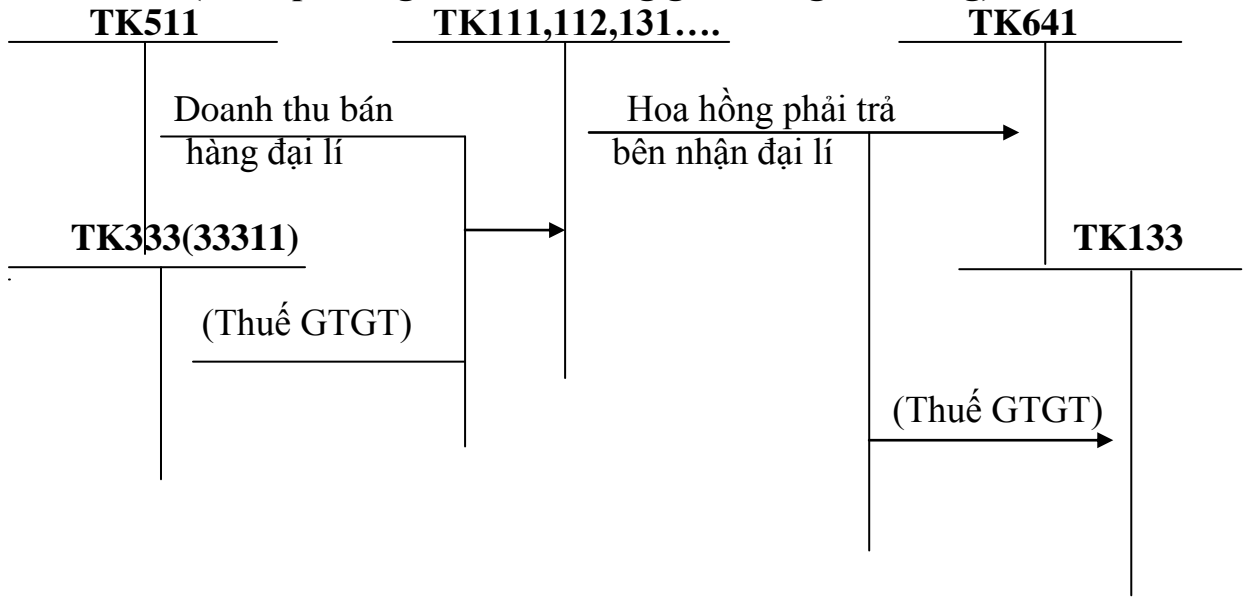
**TK 512 không có số dư cuối kì**

➤ Phương pháp hạch toán:

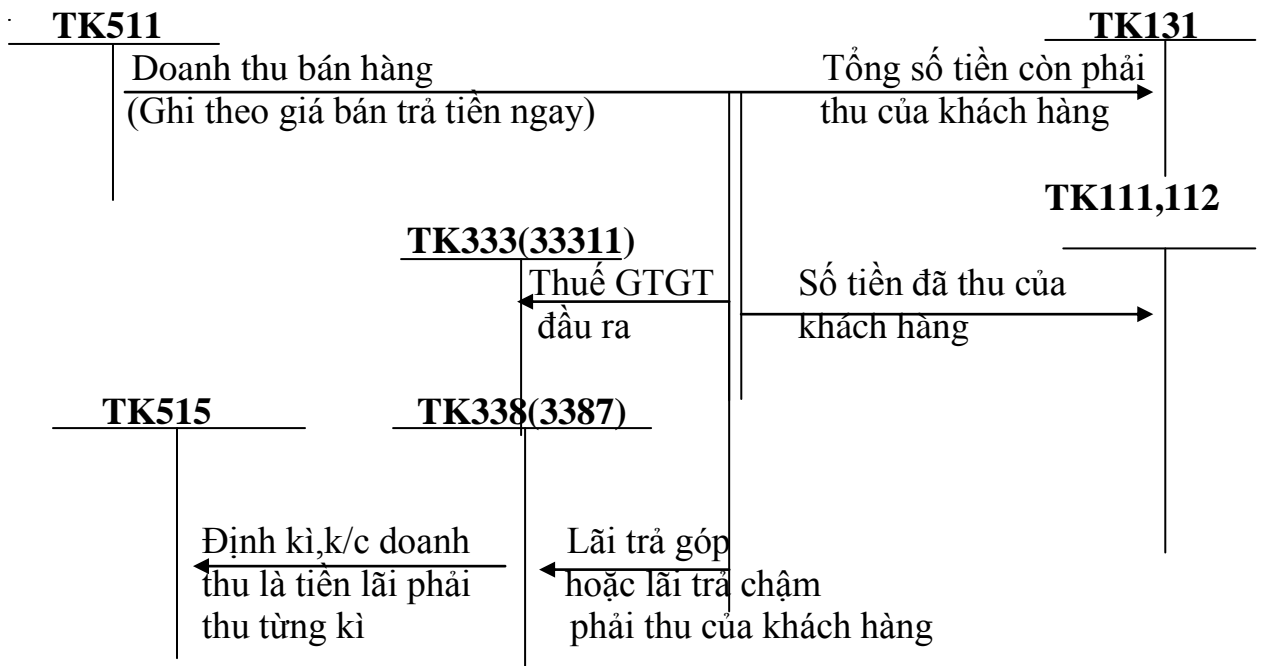
Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



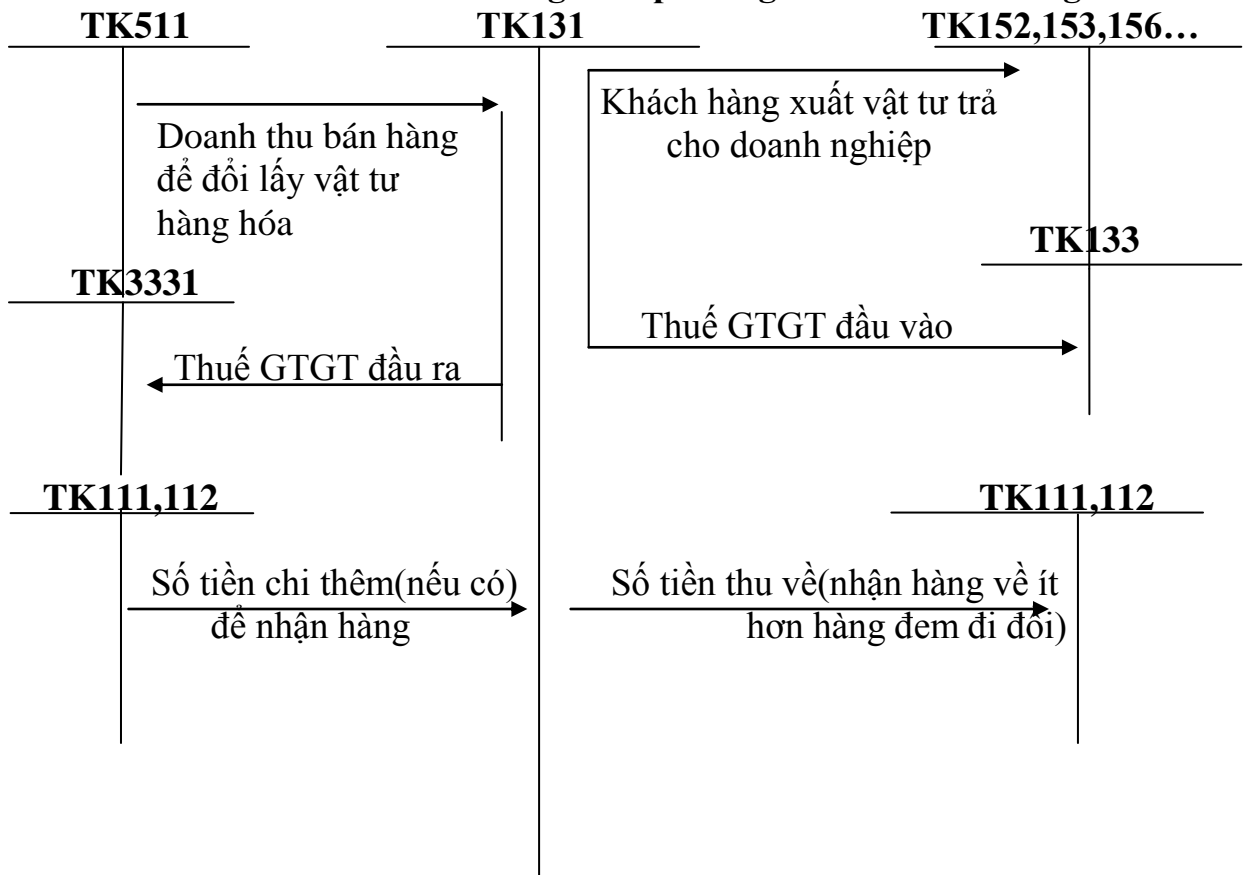
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



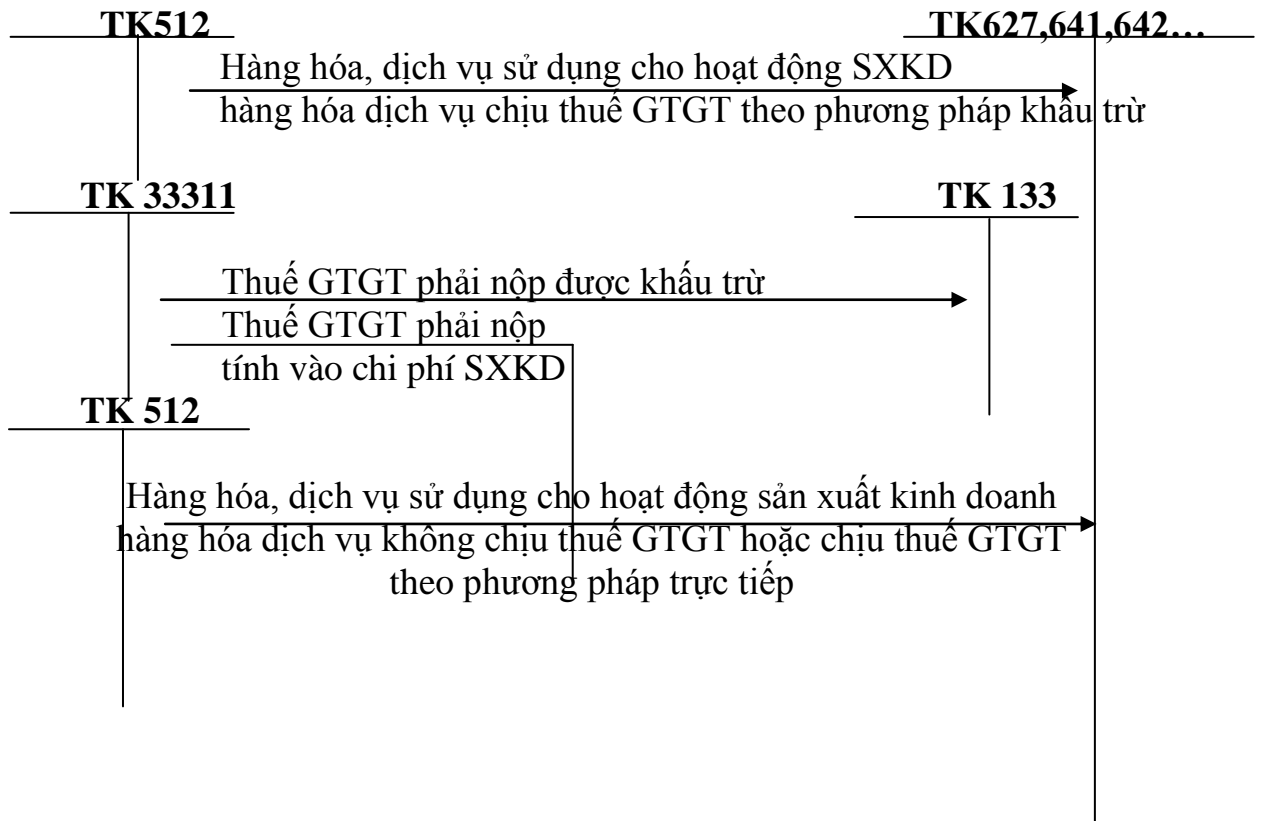
**Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp**



**Sơ đồ 1.4: Kết toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ**





**1.2.1.2 . Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

❖ **Chứng từ sử dụng**

- ✓ Giấy báo lãi
- ✓ Giấy báo có của ngân hàng
- ✓ Bản sao kê của ngân hàng
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

**TK515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

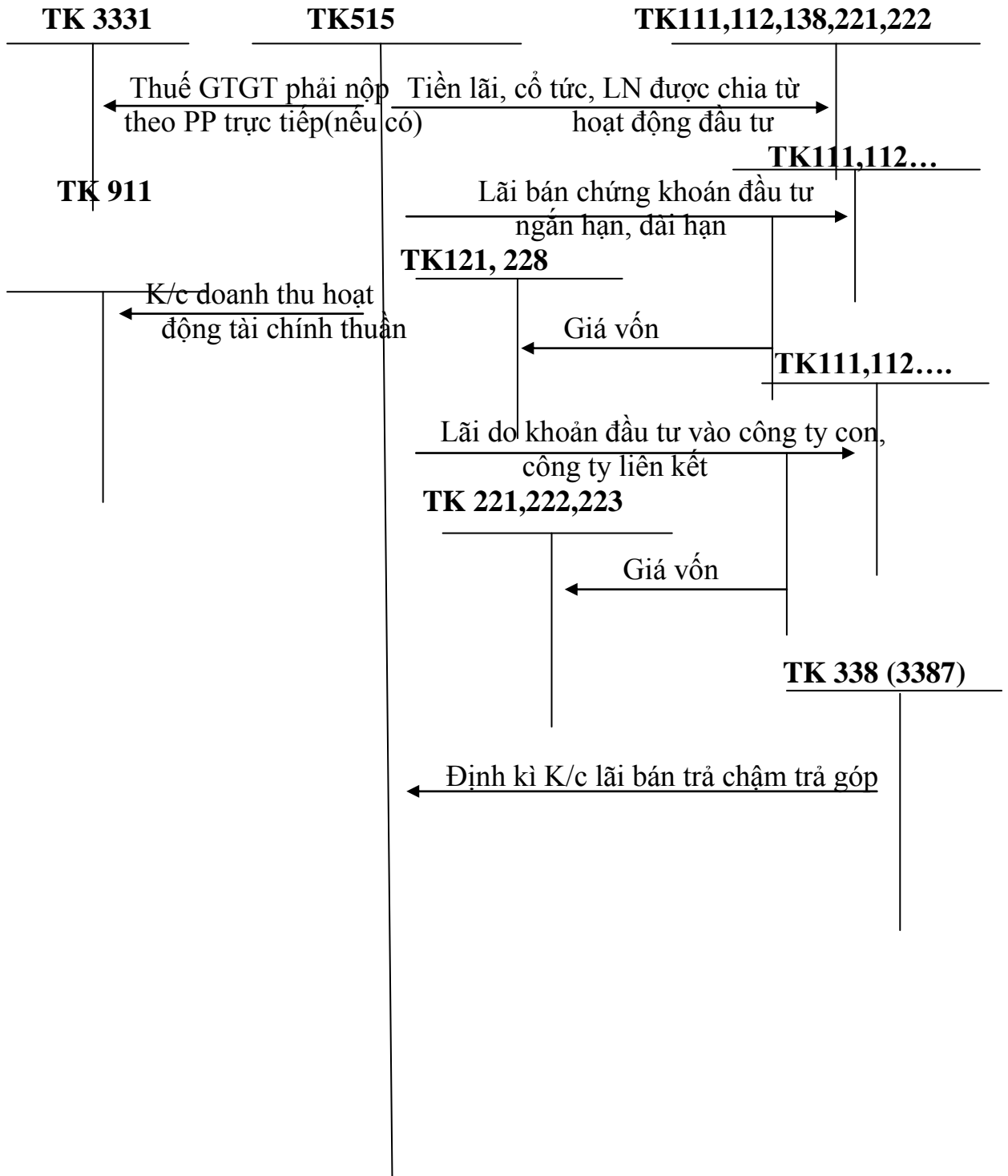
❖ **Kết cấu của TK515:**

Nợ	TK515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911-“Xác định kết quả kinh doanh”	- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì hoạt động kinh doanh; - Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 512 không có số dư cuối kì**

❖ Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



**1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác****❖ Chứng từ sử dụng**

- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- ✓ Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

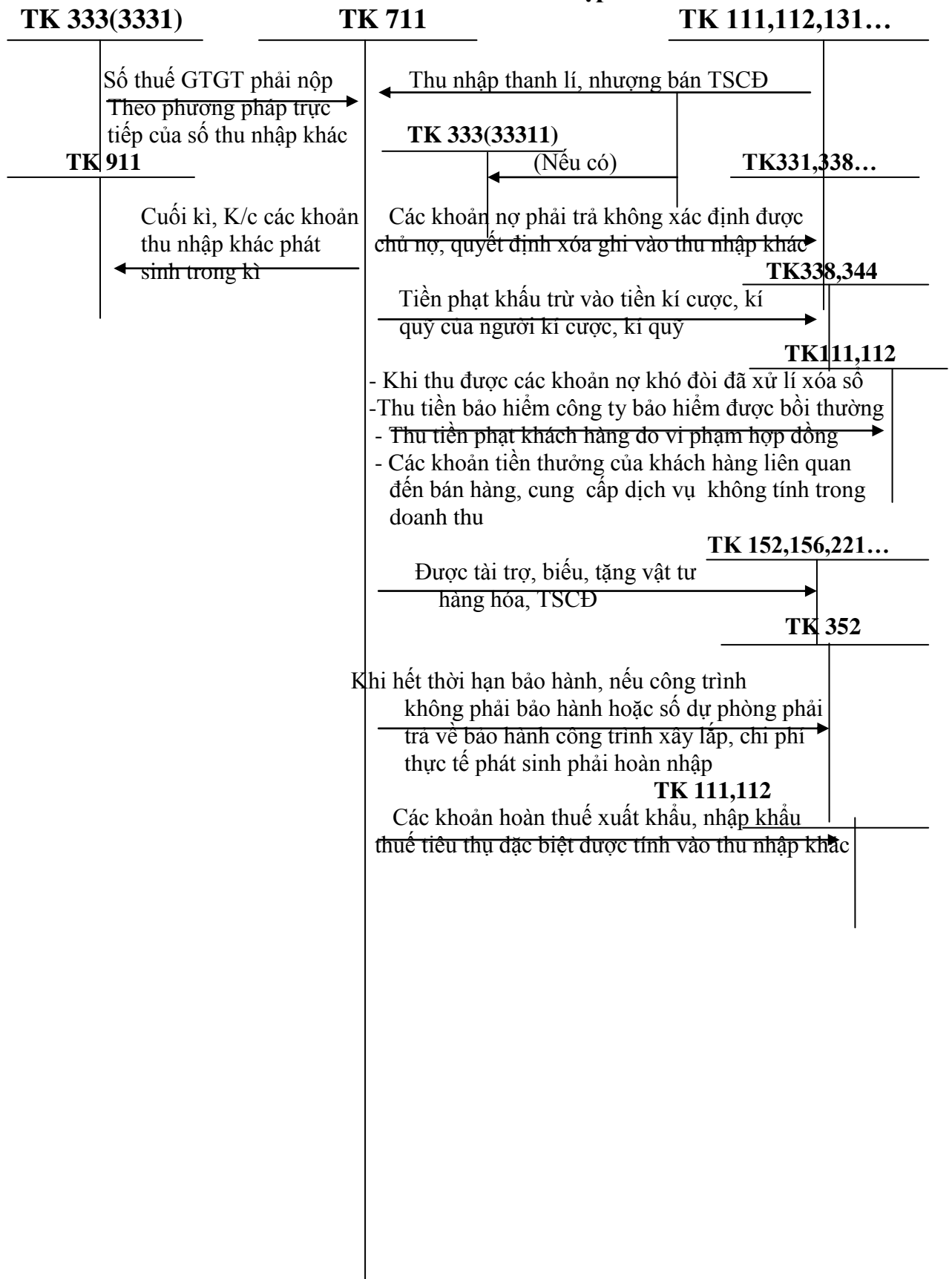
**❖ Tài khoản sử dụng****TK711” Thu nhập khác”****❖ Kết cấu của tài khoản 711**

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</li> <li>- Cuối kì kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì sang TK911” Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì.</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 711 không có số dư cuối kì**

❖ Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác**



**1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu****❖ Khái niệm****✚ Chiết khấu thương mại**

✓ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

✓ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

✓ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại

**✚ Hàng bán bị trả lại**

✓ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

✓ Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lí do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (Nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (Nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

**✚ Giảm giá hàng bán**

✓ Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

**+** **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- ✓ Thuế tiêu thu đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.
- ✓ Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}$$

❖ **Chứng từ sử dụng**

- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- ✓ Hợp đồng mua bán
- ✓ Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Các chứng từ liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

• **Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”**

❖ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- ✓ Tài khoản 5211 – Chiết khấu hàng hóa
- ✓ Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- ✓ Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ

## ❖ Kết cấu của TK521

Nợ	TK521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kì hạch toán.
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 521 không có số dư cuối kì**

- **TK 531 “Hàng bán bị trả lại”**

## ❖ Kết cấu của TK531:

Nợ	TK531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại hoặc phát sinh trong kì sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần trong kì báo cáo.
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 531 không có số dư cuối kì**

• **TK532: “Giảm giá hàng bán”**

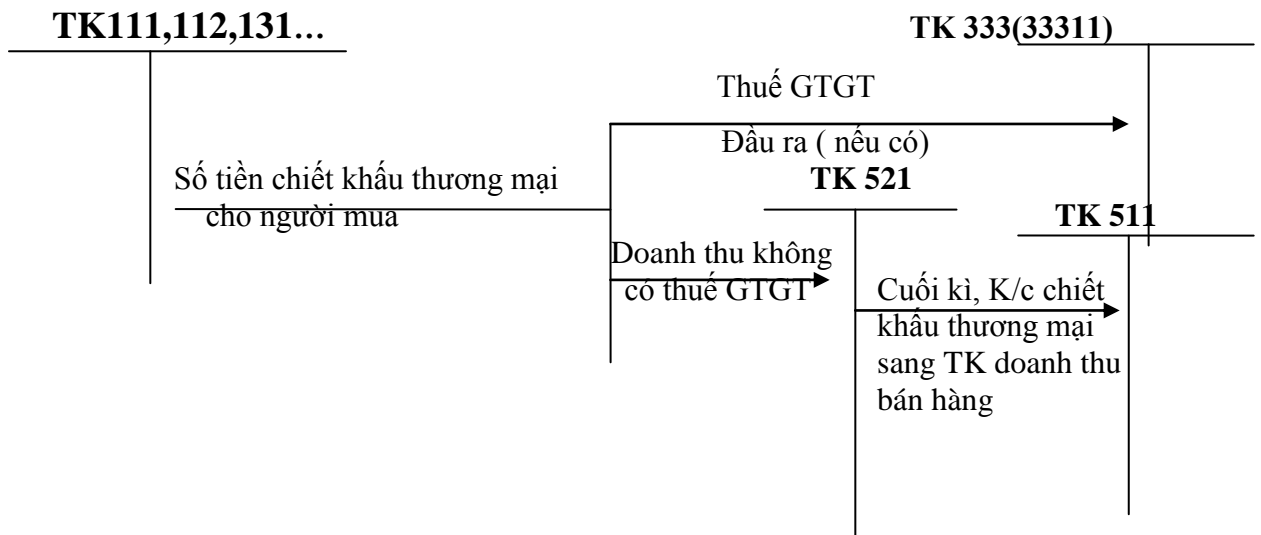
❖ Kết cấu của TK532

Nợ	TK532	Có
<p>- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.</p>	<p>- Cuối kì, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512.</p>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 532 không có số dư cuối kì**

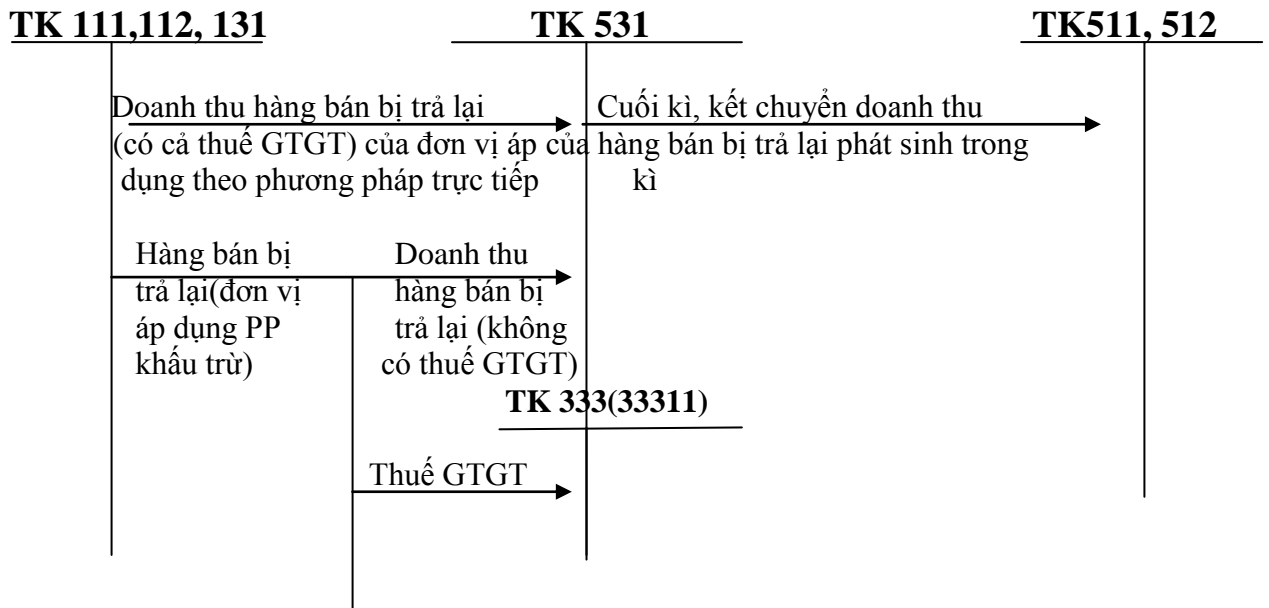
➤ Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại**

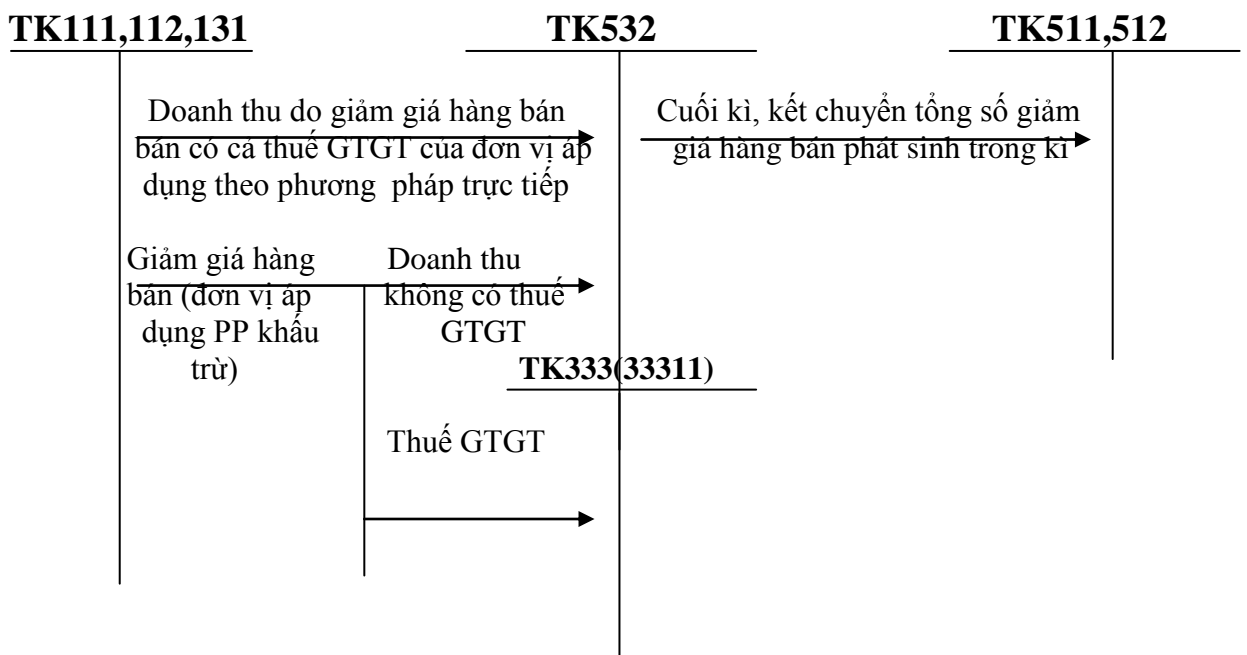


**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại**





**Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán**



### 1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí

#### ✚ Khái niệm

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

#### 1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

##### ✚ Khái niệm

**Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kì đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kì.

##### ✚ Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

###### ❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

- ✓ Phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kì} + \text{Trị giá SP, HH trong kì}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kì} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kì}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kì, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- ✓ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do

đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

❖ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kì là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kì. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kì hoặc gần đầu kì, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kì hoặc gần cuối kì còn tồn kho.

❖ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kì là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kì hoặc gần đầu kì.

❖ *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

✚ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

**TK 632 “ Giá vốn hàng bán”**

① **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

❖ Kết cấu nội dung TK632:

Nợ	TK632	Có
<p><b>Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ;</li> <li>- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;</li> <li>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</li> <li>- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> </ul> <p><b>Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</li> <li>- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</li> <li>- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kì;</li> <li>- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kì;</li> <li>- Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kì.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</li> <li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>	<b>Tổng số phát sinh có</b>	

**TK 632 không có số dư cuối kì**

**② Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì:**

✓ Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 – “Mua hàng”

<b>Nợ</b>	<b>TK632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kì;</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK911</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 632 không có số dư cuối kì**

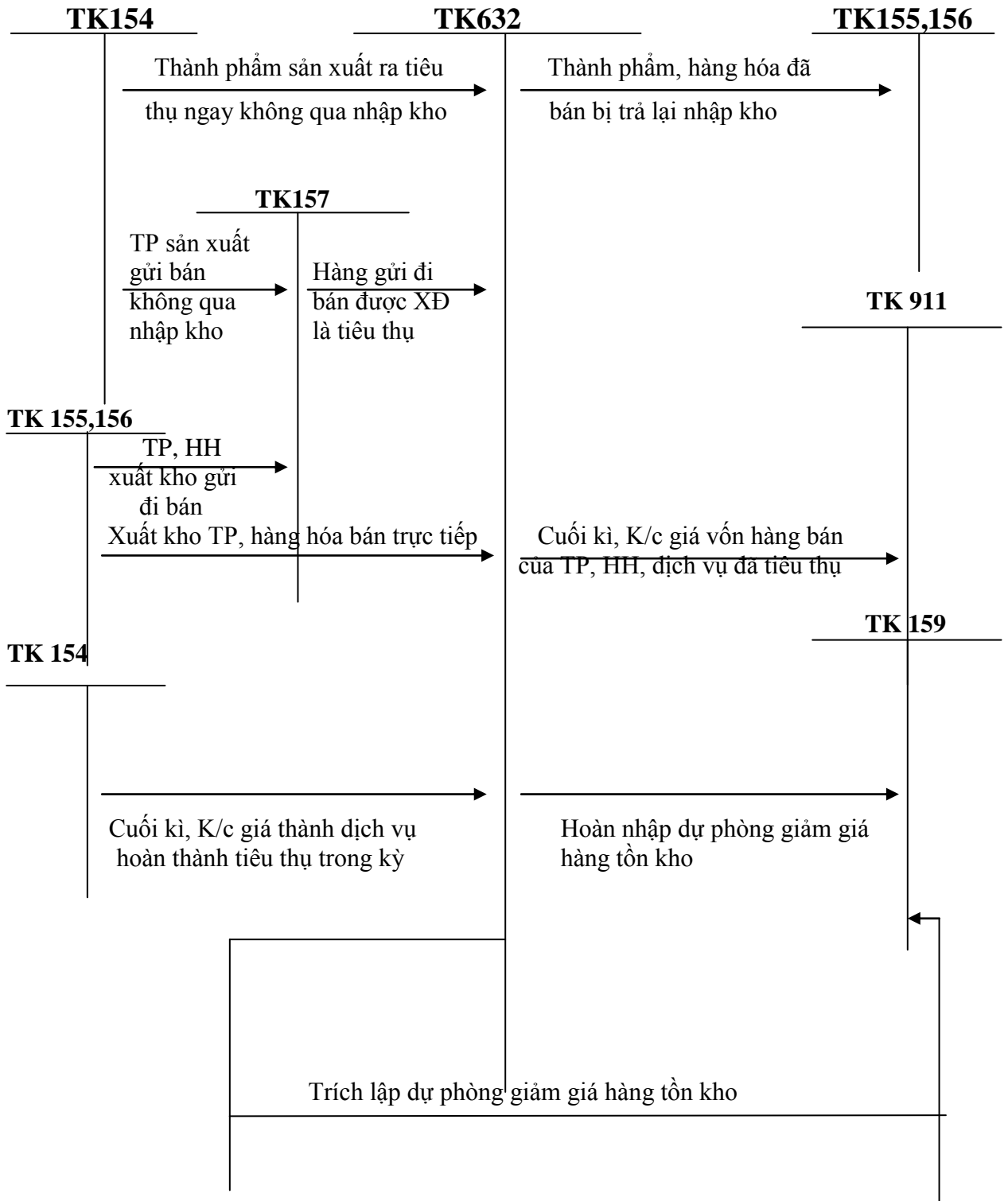
✓ Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 – “Giá thành sản xuất”

<b>Nợ</b>	<b>TK632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kì;</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</li> <li>- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kì vào bên Nợ TK155;</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;</li> <li>- K/c giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kì vào bên Nợ TK911.</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

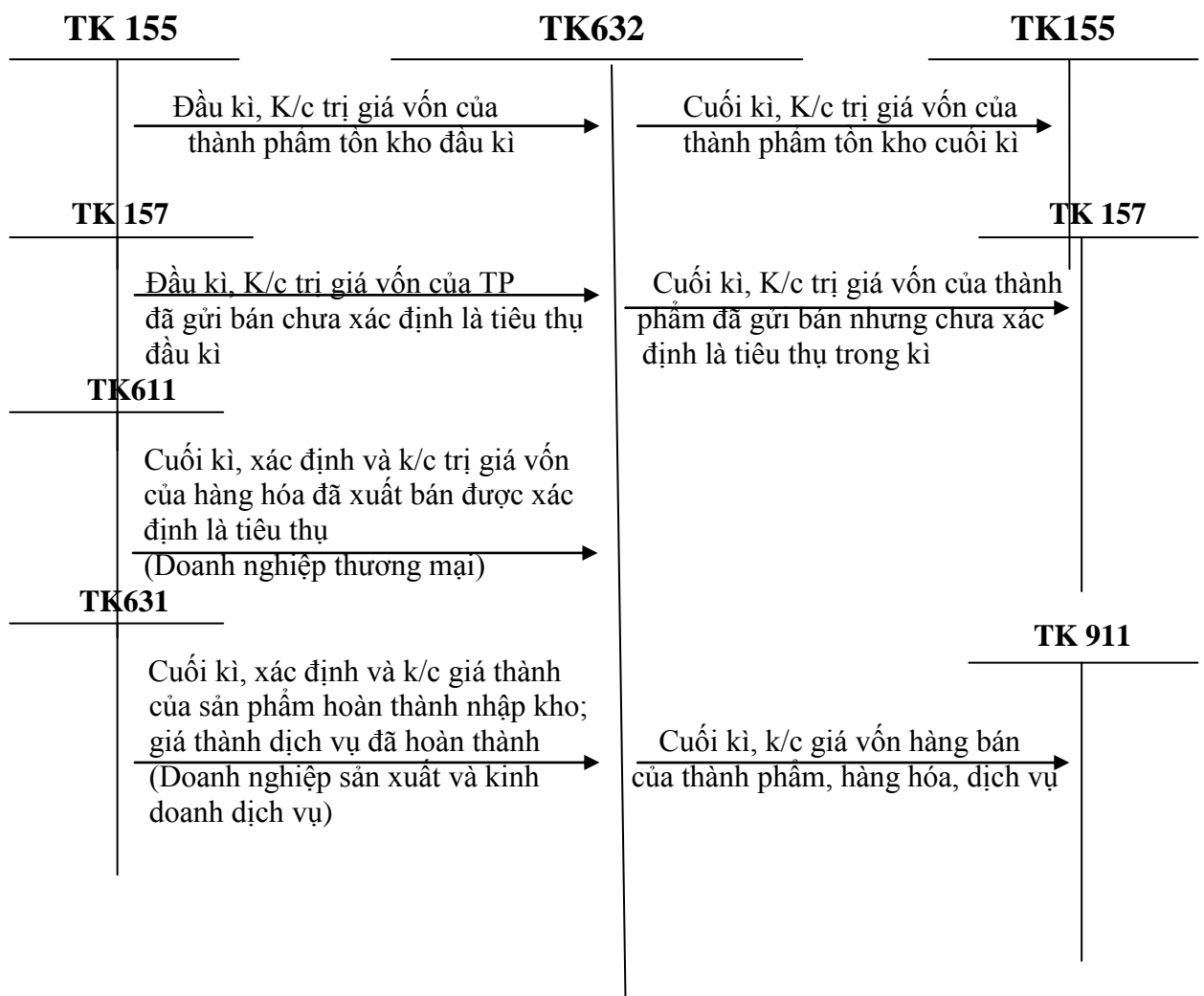
**TK 632 không có số dư cuối kì**

➤ Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.11: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.12: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



### 1.4.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### ✚ Khái niệm

✓ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp, Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuê; phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### ✚ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- ✓ Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- ✓ Phiếu chi (Mẫu số 02 – VT)
- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng

#### ✚ Tài khoản sử dụng:

- **TK 641 “Chi phí bán hàng”**
  - Các TK cấp 2:
    - ✓ Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
    - ✓ Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
    - ✓ Tài khoản 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
    - ✓ Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
    - ✓ Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành
    - ✓ Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài



✓ Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

• **TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

▪ Các TK cấp 2:

✓ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

✓ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

✓ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

✓ TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

✓ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

✓ TK 6426: Chi phí dự phòng

✓ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

✓ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

❖ Kết cấu của TK 641

Nợ	TK641	Có
<p>- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.</p>		<p>- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kì.</p>
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 641 không có số dư cuối kì**

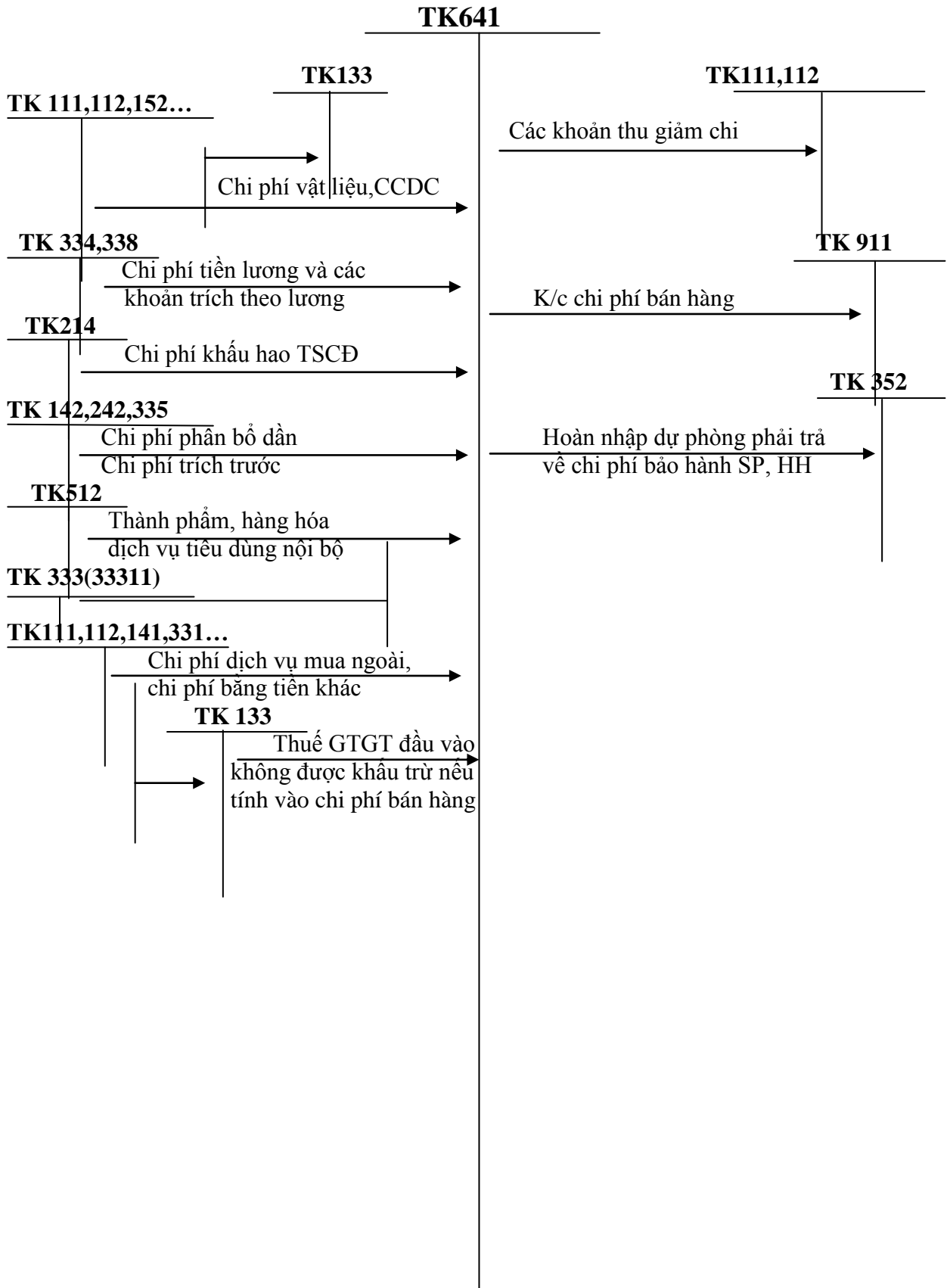
❖ Kết cấu của TK642

Nợ	TK642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này lớn hơn số dự phòng đã lập trước kì chưa sử dụng hết);</li> <li>- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kì trước chưa sử dụng hết);</li> <li>- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

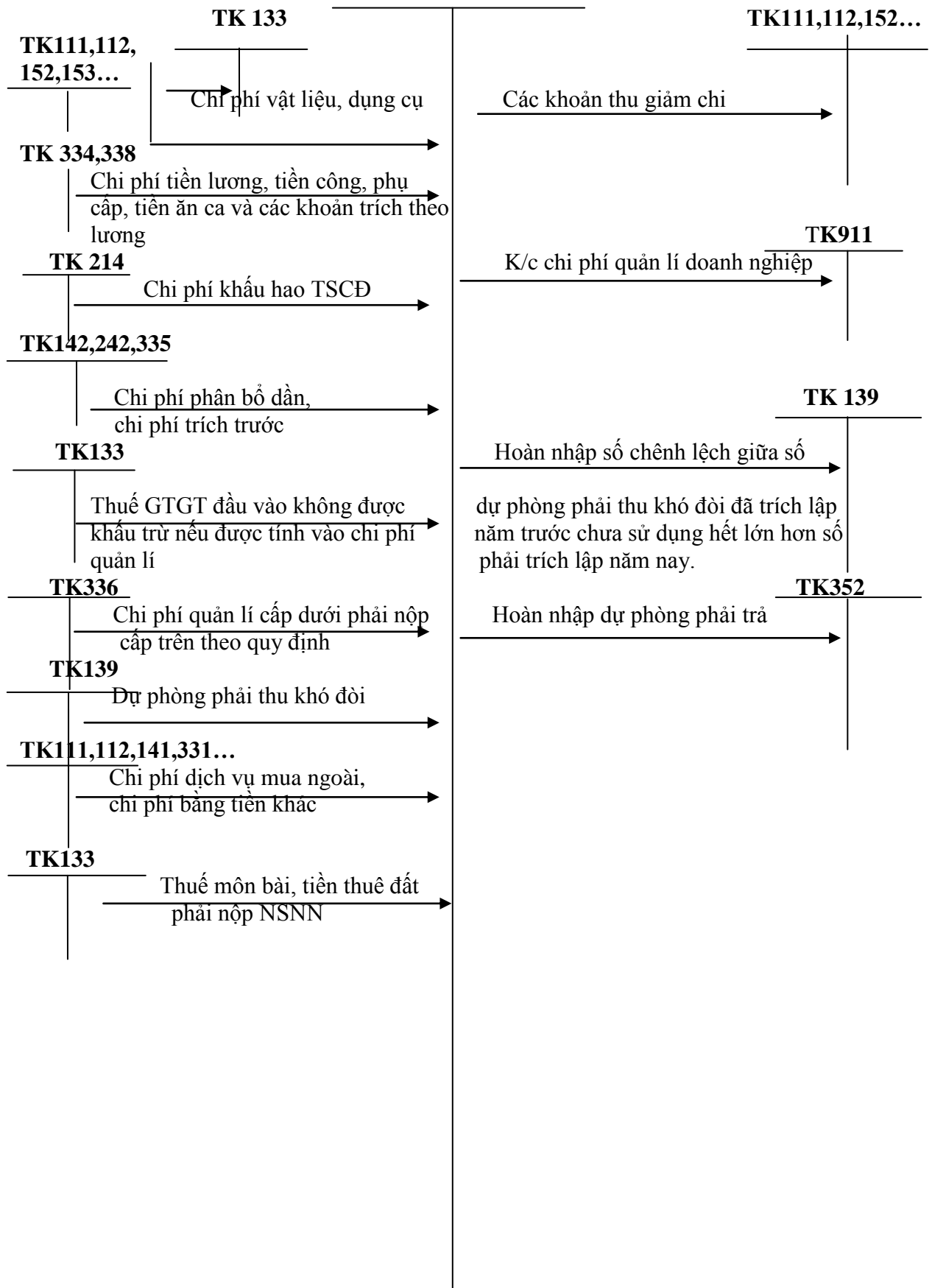
**TK 642 không có số dư cuối kì**

➤ Phương pháp hạch toán:

**Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí bán hàng**



**Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**  
**TK642**



### 1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính

#### ✚ Khái niệm

**Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỉ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

#### ✚ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

#### ✚ Tài khoản sử dụng:

- ❖ TK635: Chi phí tài chính

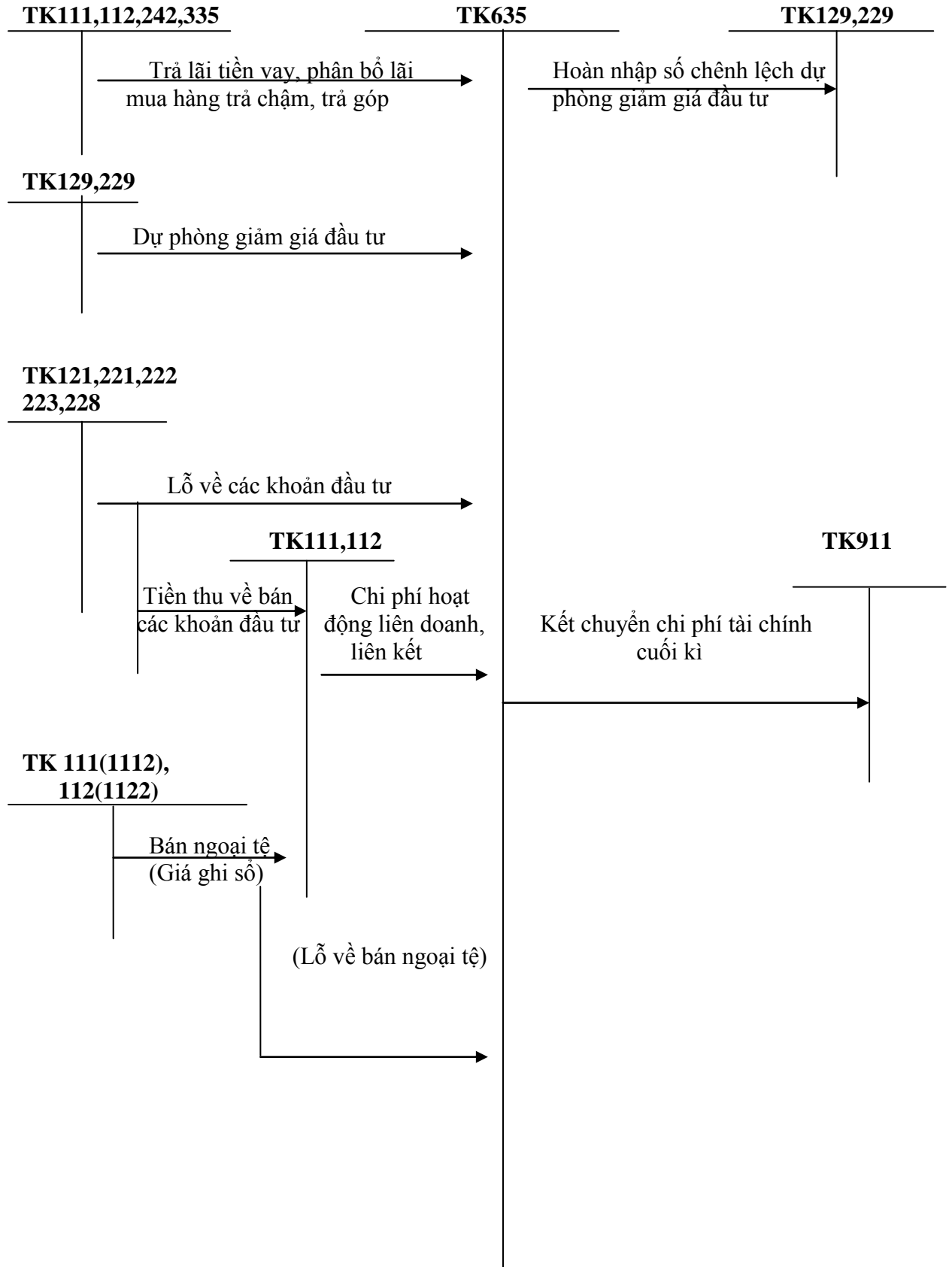
## ❖ Kết cấu của TK635

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; Lỗ bán ngoại tệ;</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua;</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lí, nhượng bán các khoản đầu tư;</li> <li>- Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh;</li> <li>- Lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;</li> <li>- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);</li> <li>- Cuối kì kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 635 không có số dư cuối kì**

➤ Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí tài chính**



**1.2.2.4 Kế toán chi phí khác**

**✚ Khái niệm**

**Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- ✓ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- ✓ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có )
- ✓ Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- ✓ Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- ✓ Các khoản chi phí khác

**✚ Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng

- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Các chứng từ liên quan khác

**✚ Tài khoản sử dụng:**

- Kết cấu TK 811:

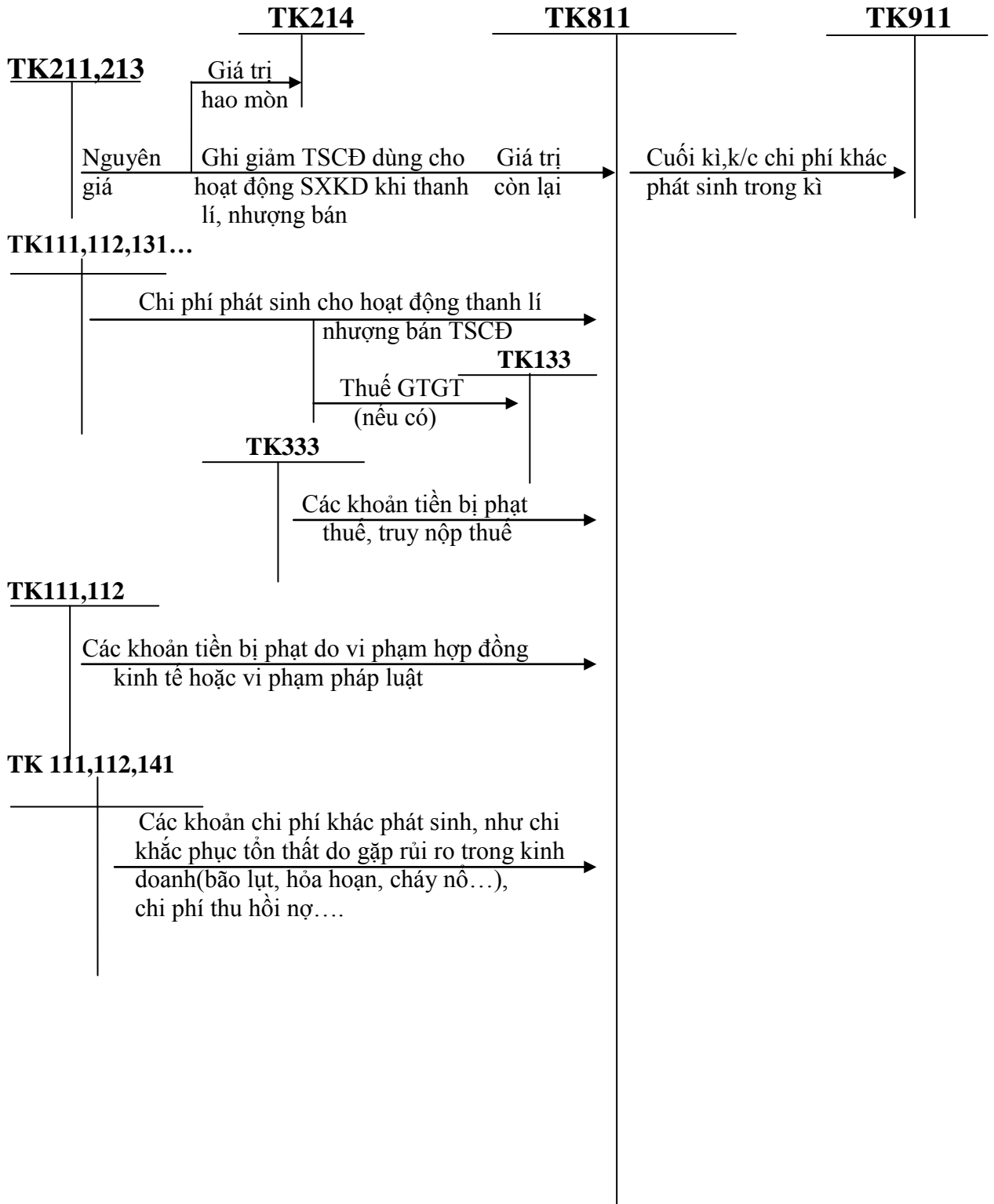
Nợ	TK811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kì.		- Cuối kì, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kì sang Tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh”.
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 811 không có số dư cuối kì**



➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí khác



### 1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Khái niệm

✓ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện tại.

✓ Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

#### Chứng từ sử dụng:

- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Các chứng từ liên quan khác

#### Tài khoản sử dụng

- ❖ TK821” Chi phí thuế TNDN”

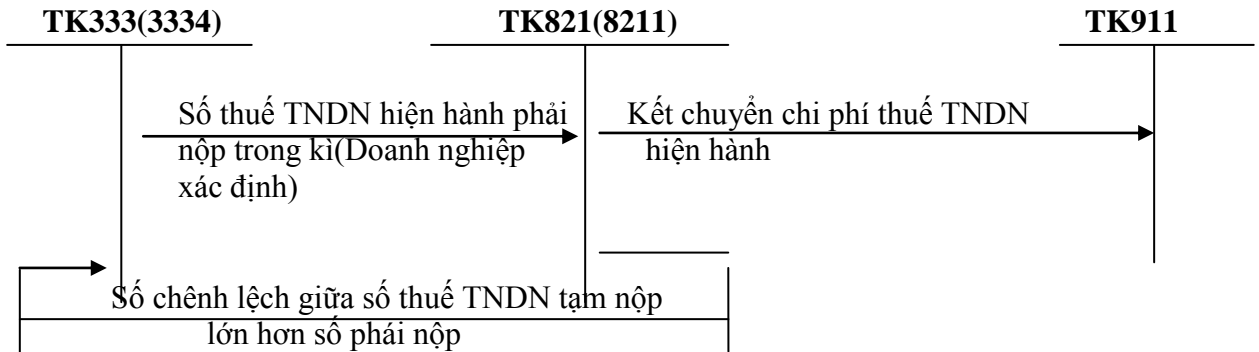
▪ **Kết cấu của TK821 như sau:**

Nợ	TK821	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;</li> <li>- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;</li> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);</li> <li>- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);</li> <li>- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 – “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212 phát sinh trong kì vào bên có tài khoản 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;</li> <li>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;</li> <li>- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại;</li> <li>- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);</li> <li>- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911;</li> <li>- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK8212 phát sinh trong kì vào bên Nợ TK911.</li> </ul>
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

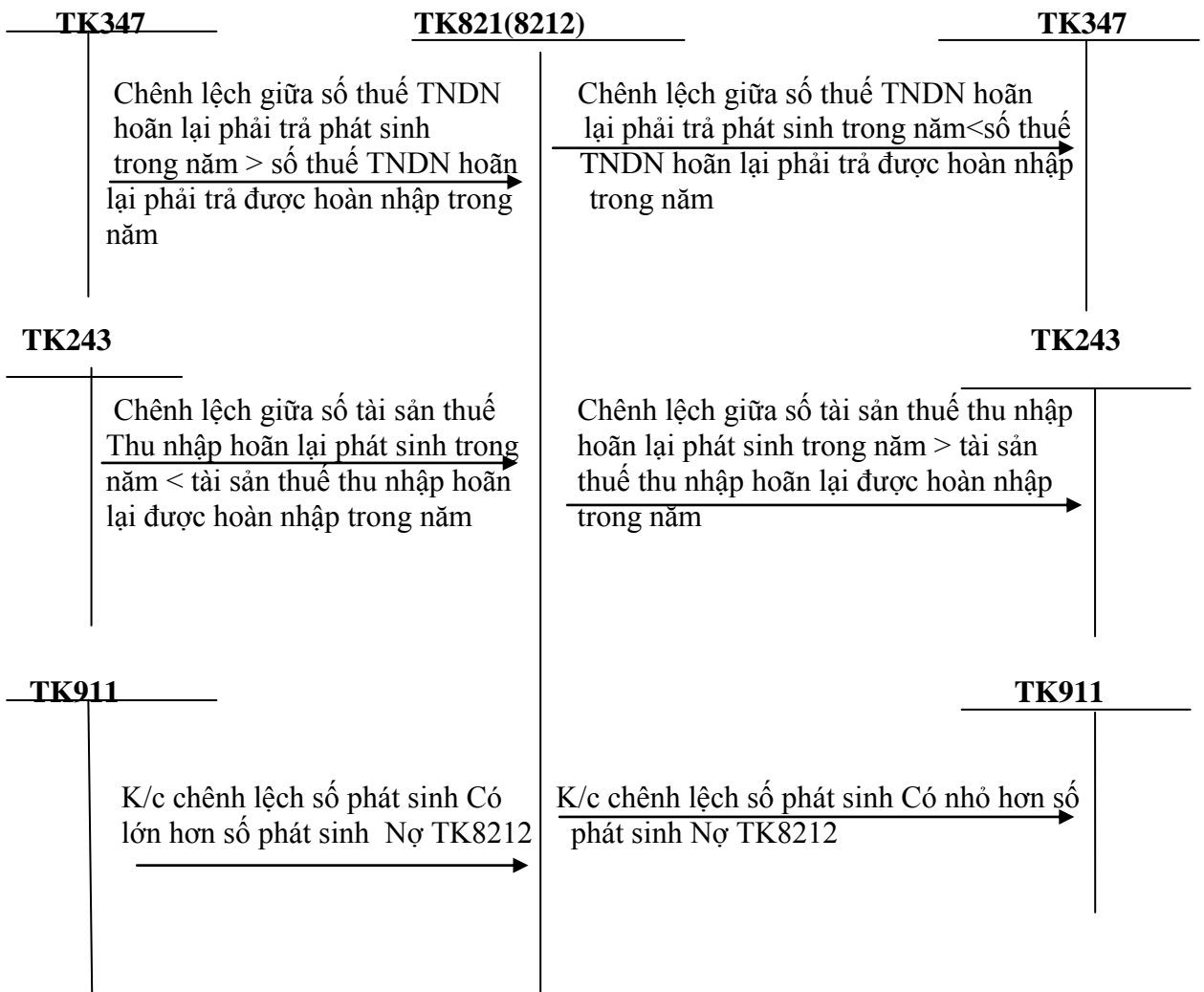
**TK 821 không có số dư cuối kì**

- ❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN, có 2 tài khoản cấp 2:
  - ✓ Tài khoản 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
  - ✓ Tài khoản 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- ❖ Phương pháp hạch toán:

**Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**



**Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**



### 1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### ✚ Khái niệm

✓ **Kết quả hoạt động kinh doanh** : là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

✓ **Hoạt động sản xuất kinh doanh**: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

✓ **Hoạt động tài chính**: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

✓ **Hoạt động khác**: là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

➤ *Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:*

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý DN} \end{array}$$

**Trong đó:**

$$\begin{array}{r} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí tài chính} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

#### ✚ Chứng từ sử dụng

✓ Phiếu kế toán

**✚ Tài khoản sử dụng**

**❖ TK911” Xác định kết quả kinh doanh”**

TK911 “ Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kì hạch toán.

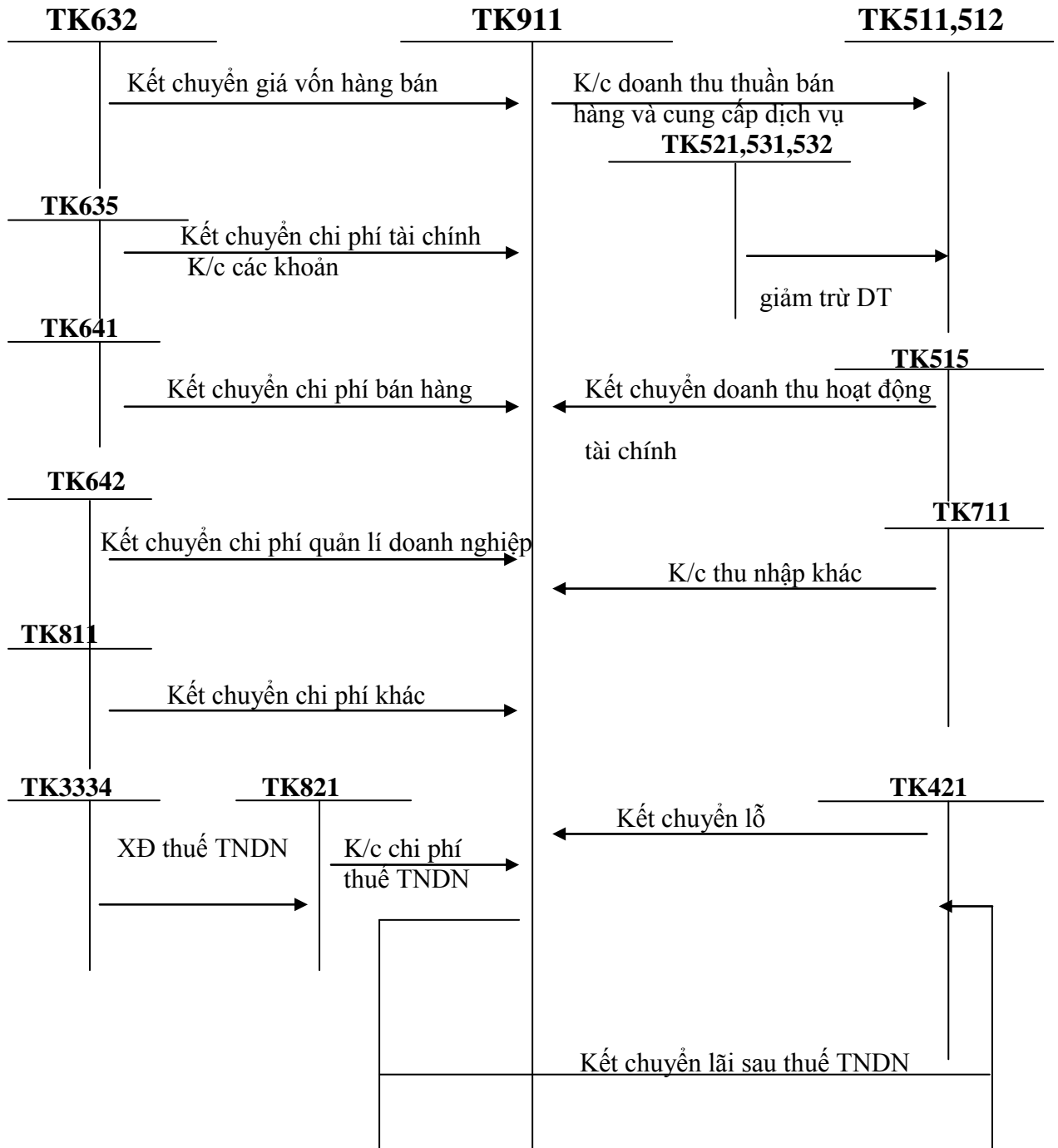
- Kết cấu của TK911 như sau:

Nợ	TK911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;</li> <li>- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;</li> <li>-Kết chuyển lãi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kì;</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**TK 911 không có số dư cuối kì**

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



### **1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:**

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- \_ Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- \_ Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- \_ Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.
- \_ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

### **1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### ***1.4.1. Hình thức Nhật ký chung:***

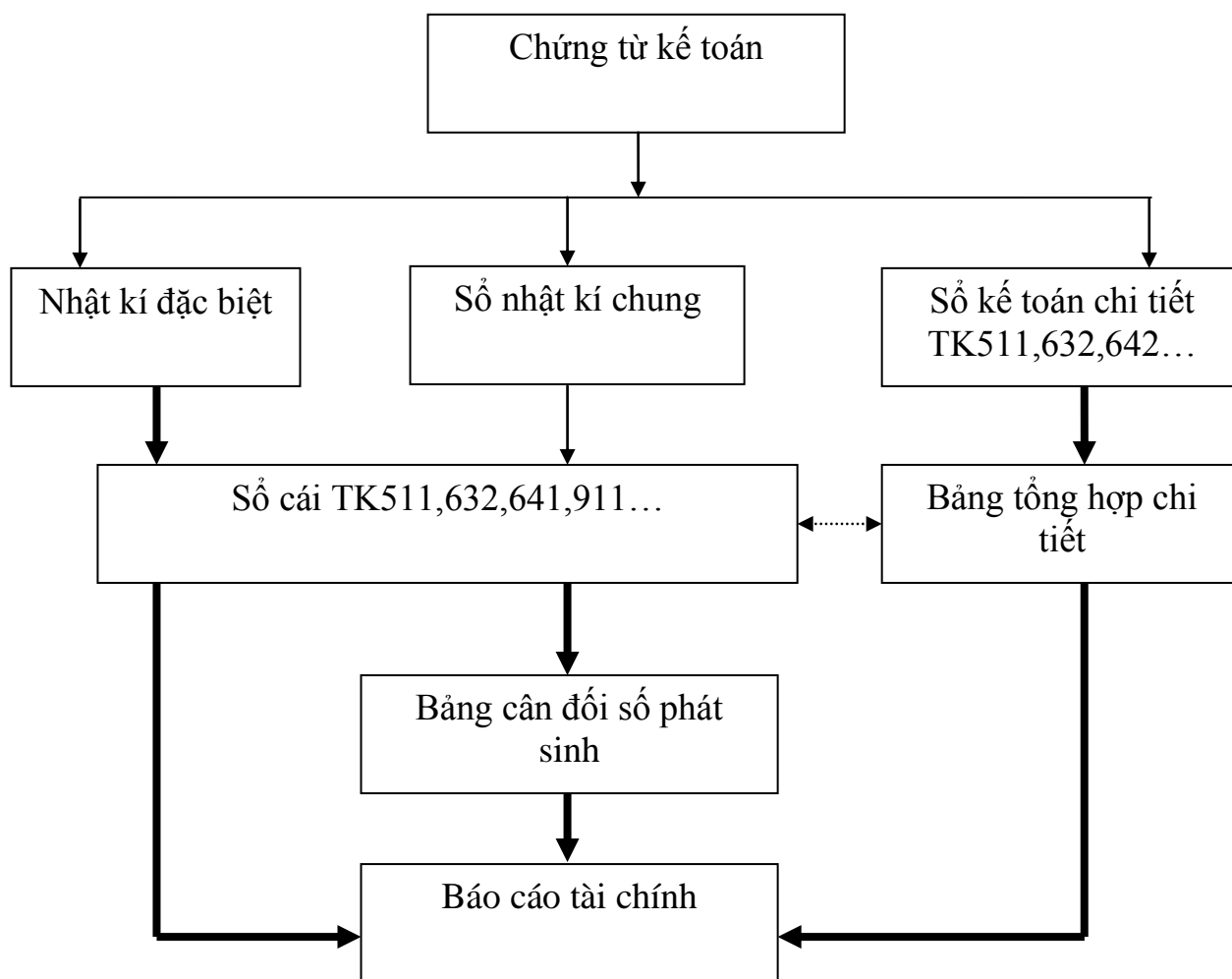
- \_ *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



✚ Các loại sổ chủ yếu:

- ✓ Sổ nhật kí chung, sổ nhật kí đặc biệt;
- ✓ Sổ cái;
- ✓ Các sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.20: Trình tự kế toán theo hình thức sau Nhật kí chung**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

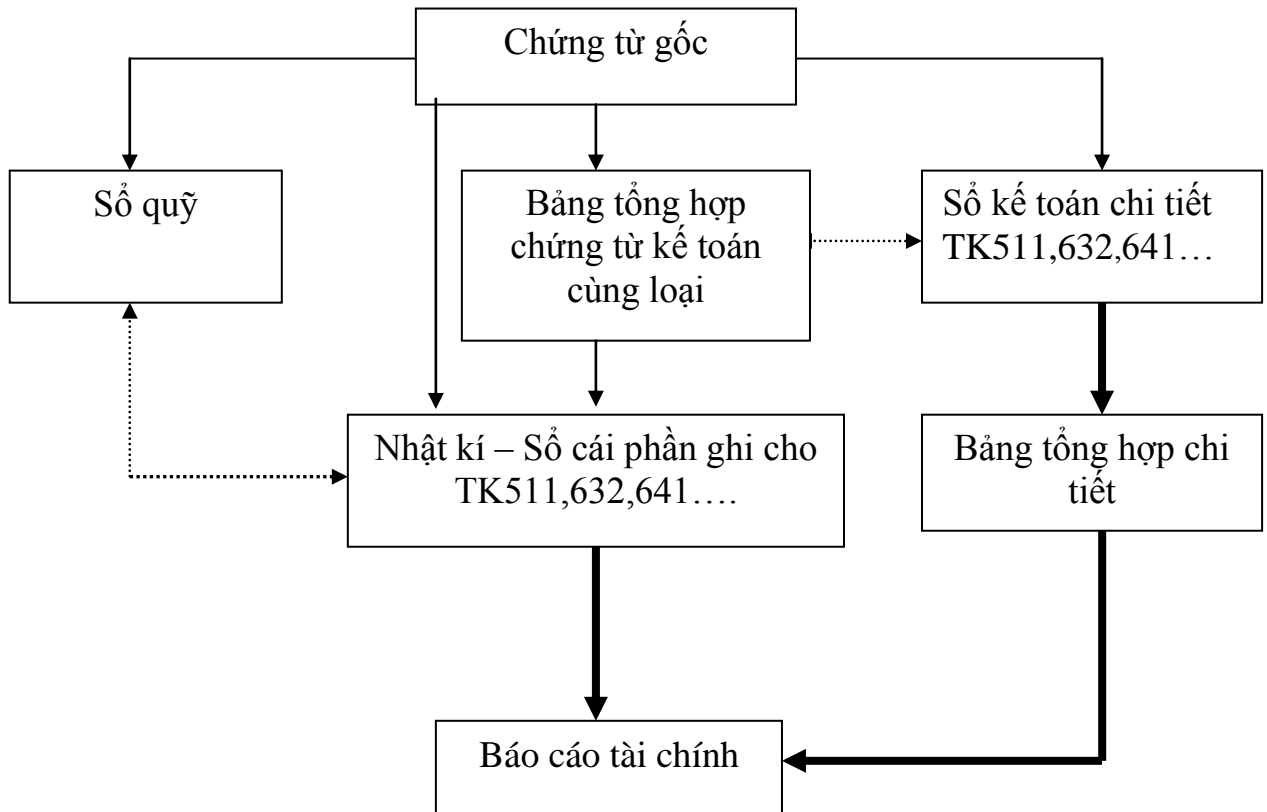
**1.4.2. Hình thức Nhật kí – sổ cái**

✚ *Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật kí – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật kí – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

✚ *Các khoản sổ chủ yếu:*

- ✓ Nhật kí – Sổ cái;
- ✓ Các sổ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật kí – Sổ cái**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

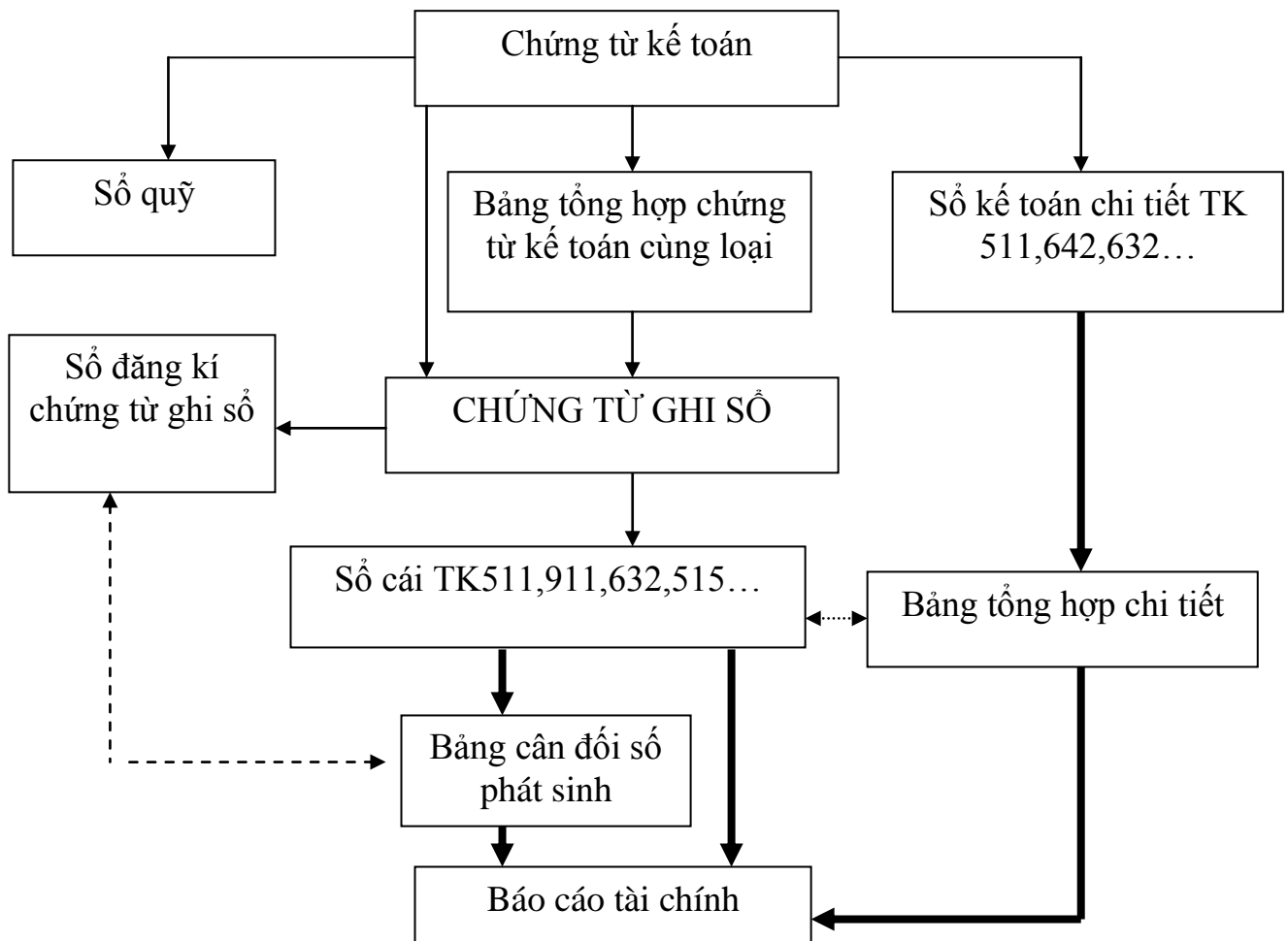
**1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:**

✚ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

✚ *Các loại sổ chủ yếu*

- ✓ Chứng từ ghi sổ;
- ✓ Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ;
- ✓ Sổ cái;
- ✓ Các sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.4.4. Hình thức Nhật kí – chứng từ:**

**+** *Đặc trưng cơ bản:*

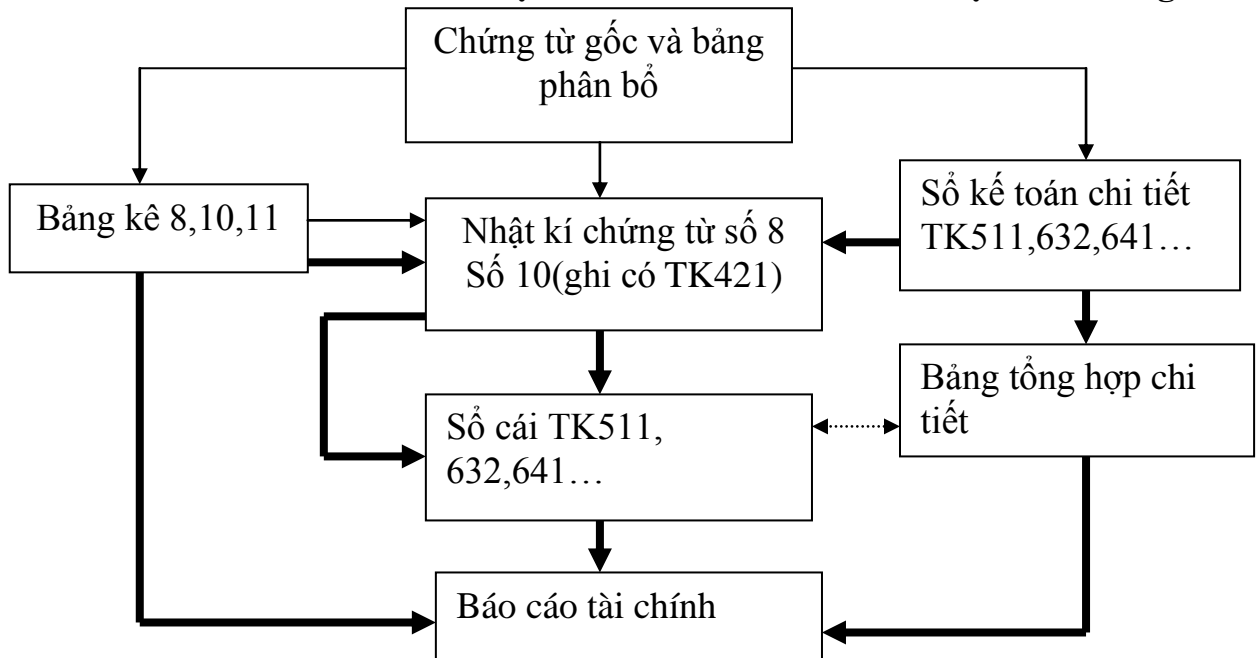
✓ Tập hợp hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các khoản đối ứng Nợ.

✓ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa công nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

**+** *Các khoản nợ chủ yếu:*

- ✓ Nhật kí chứng từ;
- ✓ Bảng kê;
- ✓ Sổ cái;
- ✓ Sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật kí – chứng từ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

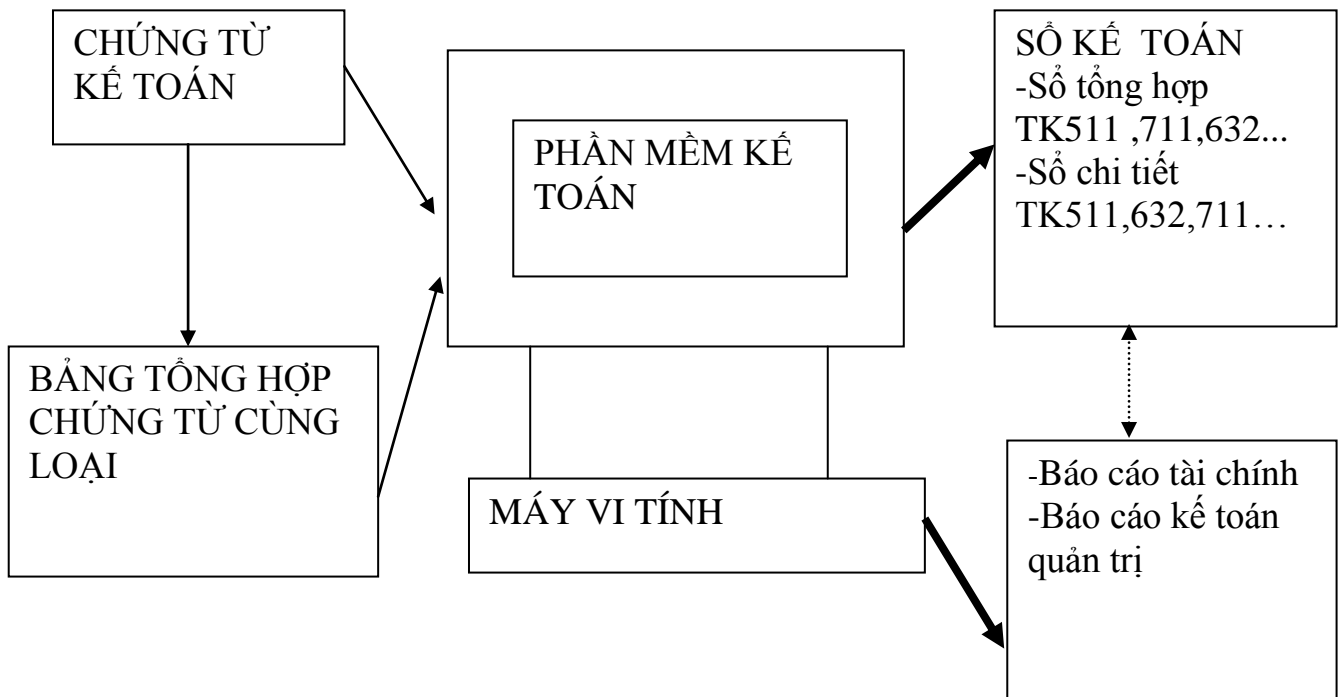
**1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

✚ *Đặc trưng cơ bản:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

✚ *Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính**



- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**Chương 2:****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
CONTAINER VIỆT NAM.****2.1: Khái quát chung về công ty cổ phần Container Việt Nam****2.1.1: Lịch sử hình thành phát triển của công ty**

Công ty cổ phần container Việt Nam được thành lập theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của thủ tướng chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số: 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7.2 triệu đồng.

Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tổ chức các hoạt động vận tải bằng container. Với phương châm tự tích lũy để phát triển, chuyển đổi phù hợp với nền kinh tế thị trường. Sau 10 năm hoạt động (1985-1995), công ty đã trưởng thành về mọi mặt, quy mô sản xuất tăng đáng kể.

- Tháng 2 năm 1995 Công ty đã cùng với 5 đối tác Nhật kí kết hợp đồng thành lập công ty liên doanh vận tải quốc tế Nhật Việt với tổng vốn điều lệ 5 triệu USD, tỷ lệ vốn góp giữa các bên là 50/50.
- Giai đoạn (1995-2000) đánh dấu thời kỳ phát triển mạnh về chuyển đổi cơ cấu tổ chức. Mô hình doanh nghiệp mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất cũng như phạm vi hoạt động:
  - Tháng 1/1999 cổ phần hóa một phần giá trị doanh nghiệp. Thành lập Công ty cổ phần giao nhận vận chuyển quốc tế trụ sở tại Hải Phòng.
  - Tháng 1/2000 tiếp tục cổ phần hóa đơn vị thành viên, thành lập công ty cổ phần Container Miền Trung tại TP Đà Nẵng.

- Ngày 01/04/2000 cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty cổ phần Container Phía Bắc. Sau khi đã tách VIJACO bàn giao lại cho tổng công ty Hàng Hải Việt Nam trực tiếp quản lý. Tháng 6/2002 sáp nhập hai đơn vị: Công ty cổ phần Giao nhận vận chuyển Quốc Tế và công ty cổ phần Container Miền Trung vào công ty cổ phần Container Phía Bắc và đổi tên thành công ty cổ phần Container Việt Nam.

Về tổ chức công ty đã mở rộng và phát triển thêm nhiều đơn vị thành viên, các chi nhánh, văn phòng đại diện rộng khắp cả nước như tại thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn, Hà Nội, Đà Nẵng... Nhằm tăng cường và mở rộng hệ thống marketing, giữ vững và phát triển thị phần dịch vụ Container trong điều kiện có nhiều đơn vị mới ra đời cùng cạnh tranh dịch vụ này.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã chú trọng cho công tác đầu tư phát triển: giai đoạn 2003-2005 Công ty đã triển khai và hoàn thành dự án xây dựng mới 02 cầu tàu cho tàu biển loại 10.000 DWT. Mua sắm, lắp đặt 02 cần trục chân đế có tầm với 32m tại cầu cảng, mua 1 xe nâng container hàng PPM sức nâng 45 tấn, 2 xe nâng container và đầu tư xây dựng cảng Green Port với tổng giá trị gần 100 tỷ đồng... năm 2006 công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng . Cải tạo nhiều hạng mục công trình mua sắm thêm trang thiết bị mới phục vụ cho công việc. Diễn hình phải kể đến 1/2006 công ty hoàn thành đưa vào khai thác cầu tàu số 2.

Với nỗ lực của công ty và những thành tựu đạt được trong quá trình hoạt động, phát triển công ty không chỉ vinh dự được nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý mà còn được các tổ chức danh tiếng quốc tế và trong nước trao tặng nhiều giải thưởng Chứng nhận về tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Những danh hiệu công ty được Nhà Nước trao tặng:

- Huân chương lao động hạng 3(1995)
- Huân chương lao động hạng 2(2000)

- Huân chương lao động hạng 1(2005)
- Những giải thưởng chứng nhận về tiêu chuẩn quản lý chất lượng:
- Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000
- Chứng nhận cảng biển phù hợp ngày 28/06/2004
- Cúp và giấy chứng giải thưởng vận tải quốc tế lần thứ 9.giải thưởng thiên niên kỷ mới
- .....

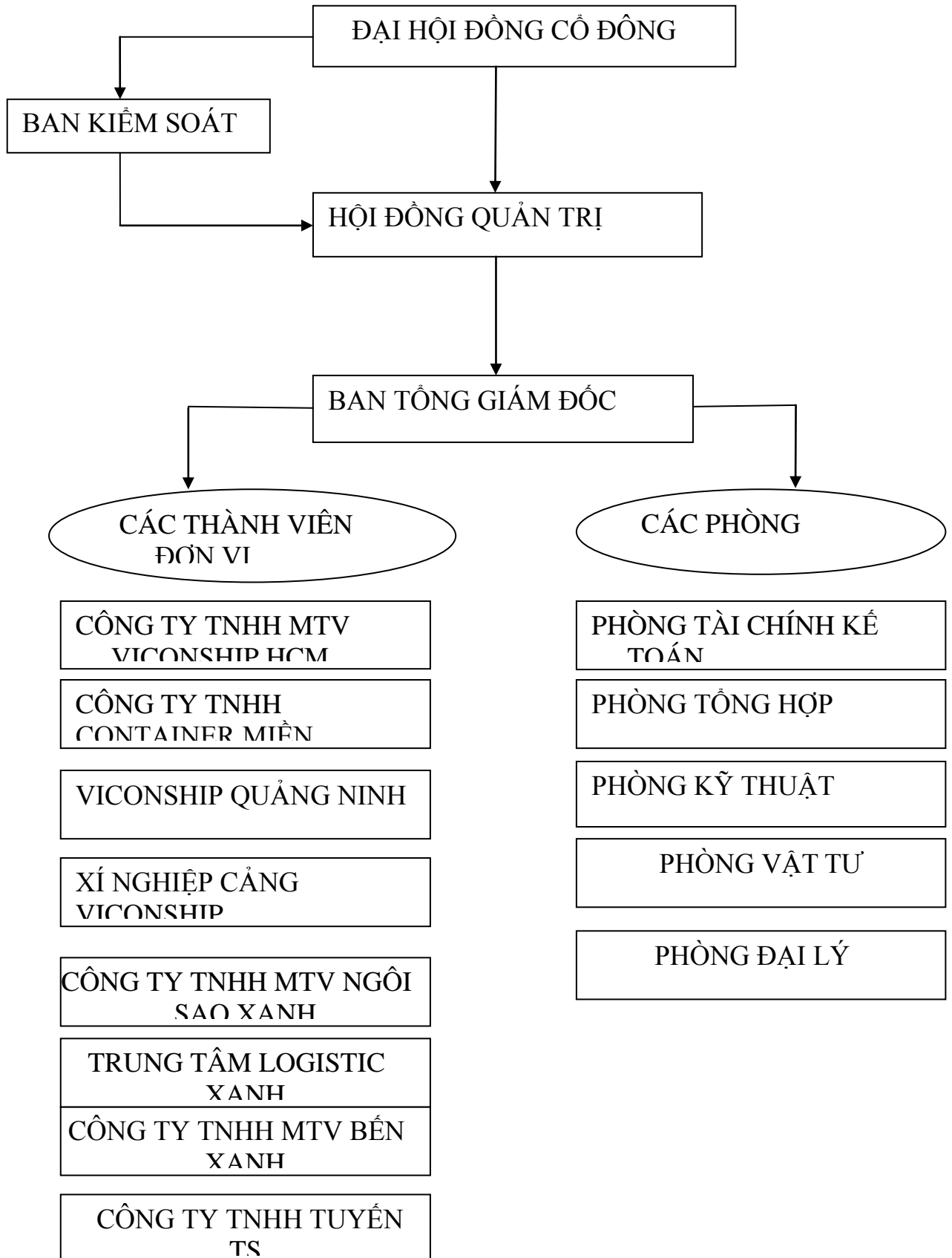
### **2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty**

- Cảng Biển
- Khai Thác Kho – Bãi
- Đại Lý
- Vận Tải Đa Phương Thức
- Sửa Chữa và Cho Thuê Container



**2.1.3:Đặc điểm bộ máy tổ chức quản lý của công ty**

**Sơ đồ 2.1:Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty**



**Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, có trách nhiệm quản lý và thực hiện các nghị quyết của hội đồng cổ đông

**Ban kiểm soát :** là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban tổng giám đốc, BKS do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong báo cáo quyết toán tài chính của Công ty.

**Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

**Ban tổng giám đốc:** Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động hàng ngày khác của công ty. Chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Phòng tài chính kế toán:** xây dựng kế hoạch tài chính, theo dõi toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tổ chức ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động, quản lý vốn và sử dụng vốn. Lập báo cáo tài chính và bảo quản lưu trữ chứng từ.

**Phòng tổng hợp:** Quản lý, lưu trữ hồ sơ nhân sự, sổ BHXH; theo dõi việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của CB-CNV, thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động. Theo dõi thanh toán lương và phụ cấp cho CB-CNV cơ hữu hàng tháng theo qui định

**Phòng kỹ thuật:** Tham mưu cho Tổng giám đốc và tổ chức thực hiện các lĩnh vực: Quản lý kỹ thuật công nghệ và môi trường, kế hoạch bảo dưỡng, kỹ thuật an toàn - bảo hộ lao động, xây dựng chiến lược phát triển sản xuất .

**Phòng vật tư:** Có chức năng cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư nguyên vật liệu cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên vật liệu để duy trì các hoạt động dịch vụ.

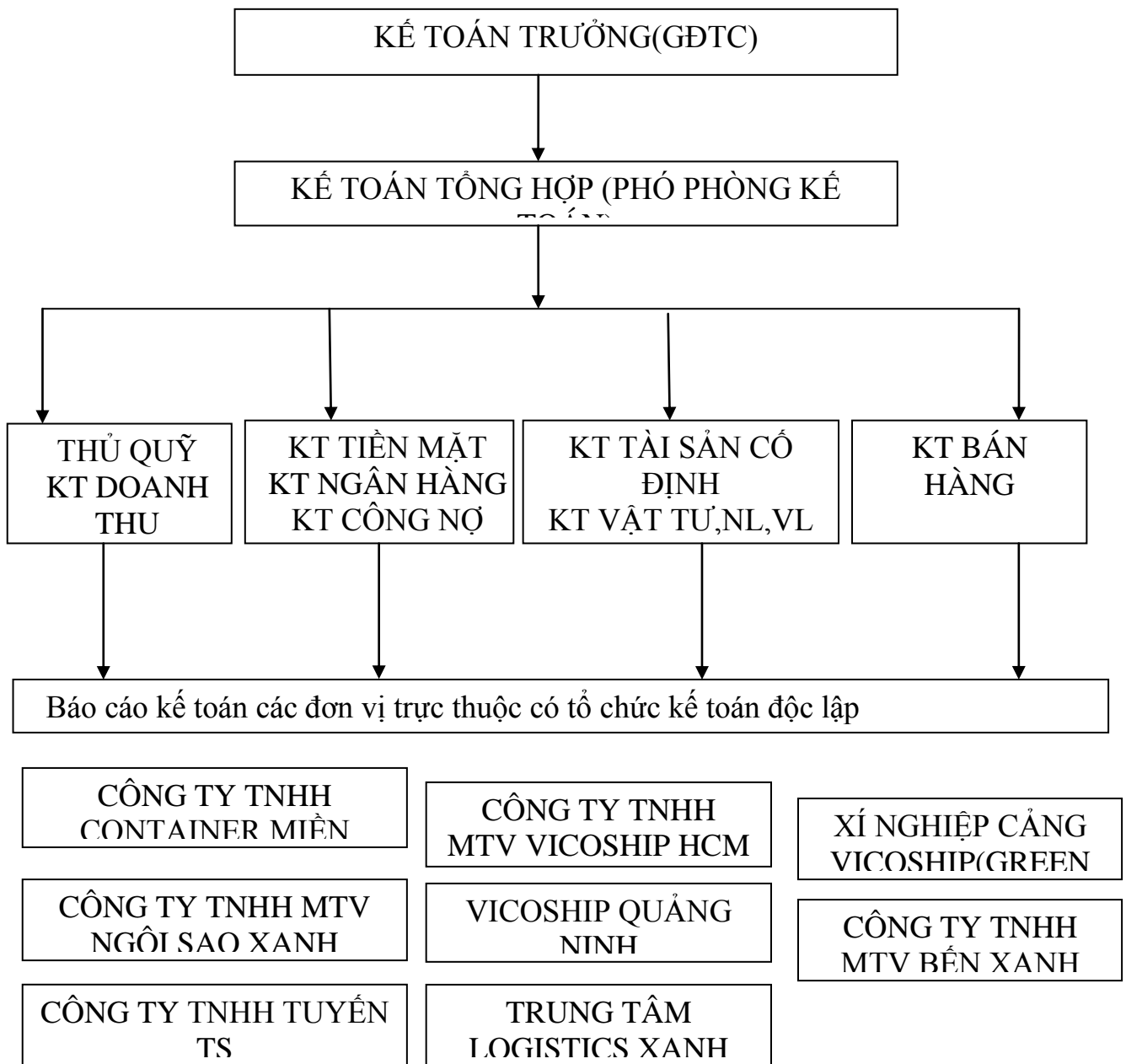
**Phòng đại lý:** Chuyên nhận và kí kết hợp đồng với các đối tác: đại lý tàu biển, đại lý container, đại lý giao nhận.

#### **2.1.4: Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Container Việt Nam.**

##### **2.1.4.1: Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần Container Việt Nam.**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình phân tán. Công tác kế toán không những tiến hành ở phòng kế toán doanh nghiệp mà còn tiến hành ở các công ty con, xí nghiệp cảng. Cuối năm kế toán tại công ty con, xí nghiệp cảng lập báo cáo tài chính chuyển lên phòng kế toán của doanh nghiệp để kế toán tổng hợp tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**



**KẾ TOÁN TRƯỞNG(GĐTC):** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn kế toán viên thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, đồng thời giúp giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.

**KẾ TOÁN TỔNG HỢP (PHÓ PHÒNG KẾ TOÁN):** Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo tài chính cuối kì.

**THỦ QUỸ, KT DOANH THU:** Theo dõi tiền mặt trong công ty, theo dõi các khoản doanh thu phát sinh.

**KT TIỀN MẶT, KT NGÂN HÀNG, KT CÔNG NỢ:** Quản lý tiền mặt, thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả. Theo dõi tài khoản tiền gửi ngân hàng.

**KT TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, KT VẬT TƯ, NLVL, KT THUẾ:** Theo dõi và quản lý tài sản cố định, theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho cả về số lượng và giá cả. Khai thuế và xác định các loại thuế phải nộp và được khấu trừ.

**KT BÁN HÀNG:** Theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của doanh thu, theo dõi chi phí liên quan đến công tác bán hàng

#### **2.1.4.2: hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

- Niên độ kế toán: là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và ngày kết thúc 31/12 hàng năm.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

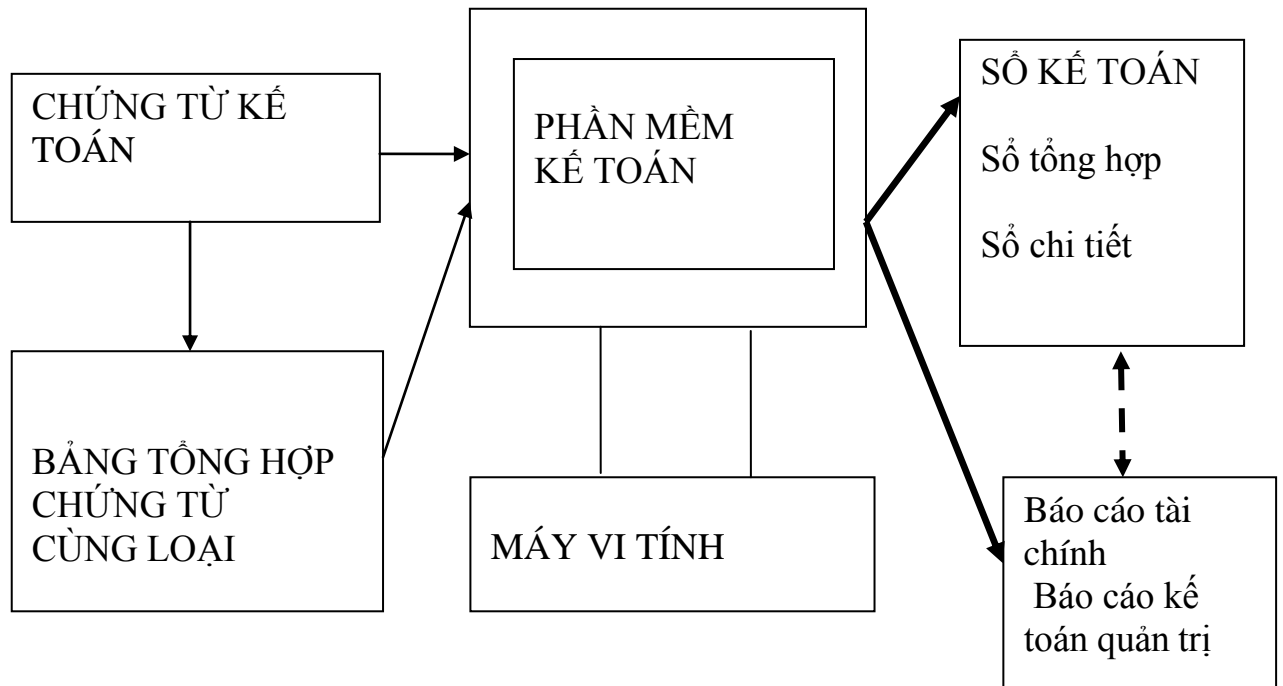
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính
- Hiện nay công ty sử dụng phần mềm BRAVO. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức nhật ký chung.

**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính**



—————> nhập số liệu hàng ngày

—————> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

← - - - - > Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo qui trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung và sổ cái.

Cuối năm kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn

đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kì. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo qui định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Từ màn hình nền của window, kích chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán BRAVO, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng. Giao diện màn hình sẽ hiện ra như sau:

### *Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán BRAVO*



## **2.2 thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần CONTAINER Việt Nam**

### **2.2.1 thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng ,doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.**

#### **2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng:**

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 511:Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

• Các tài khoản cấp 2:

- TK 5111:Doanh thu bán hàng
- TK 5113:Doanh thu cung cấp dịch vụ

• Các tài khoản cấp 3:

- TK 51111:Doanh thu bán hàng hóa
- TK 51131: Doanh thu cung cấp dịch vụ-VNĐ
- TK 51132: Doanh thu cung cấp dịch vụ- USD

➤ **Phương thức cung cấp dịch vụ:** Cung cấp dịch vụ trực tiếp

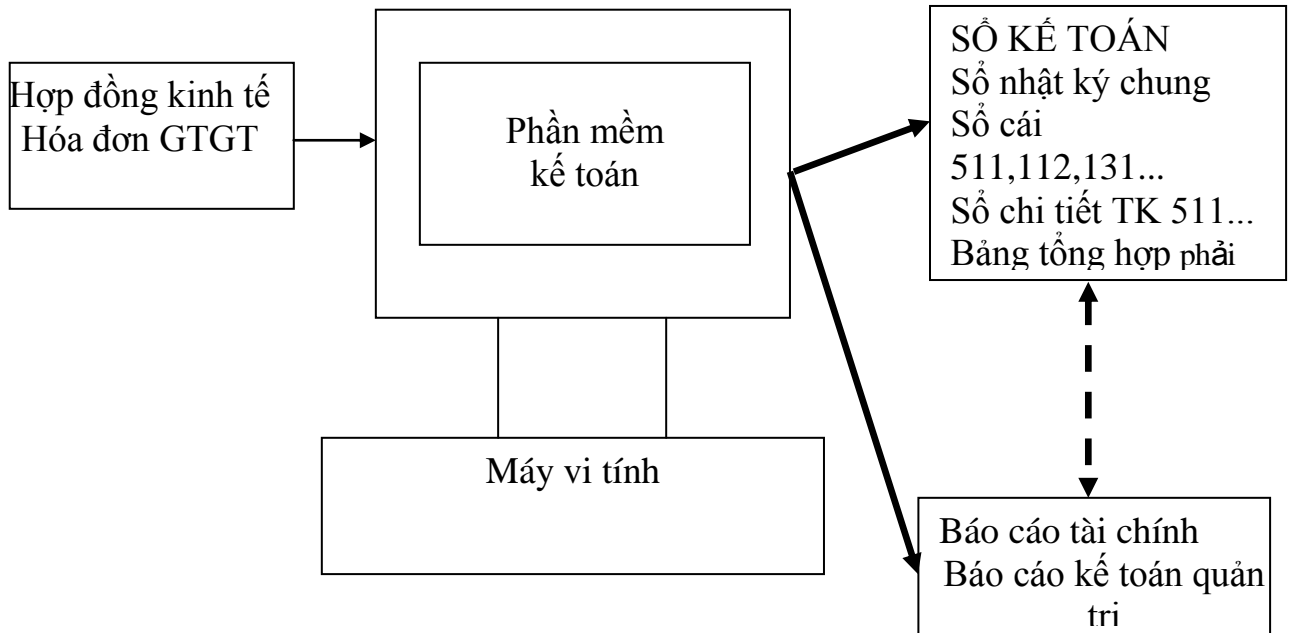
➤ **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

➤ **Phương pháp hạch toán:**



**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần Container Việt Nam**



- Ghi chú:
- > Nhập số liệu hàng ngày
  - > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
  - ← - - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

➤ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 28/04/2012 công ty cung cấp dịch vụ khai thác hàng CFS cho công ty TNHH TM và DV giao nhận vận tải quốc tế Tân Cả Lợi số tiền 12.244.050(Chưa bao gồm VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán .

Căn cứ hợp đồng kinh tế giữa công ty TNHH TM và DV giao nhận vận tải Tân Cả Lợi và công ty Cổ phần Container Việt Nam, Kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0002835.

**Biểu số 1:Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002835**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM  
 ĐC:11,Võ Thị Sáu,P. Máy tơ,Q.Ngô Quyền,TP Hải Phòng  
 Mã số thuế:0200453688

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(VAT INVOICE)

Mẫu số:01GTKT3/001

Liên 3:Nội bộ

Ký hiệu:AC/12P

Ngày hóa đơn:28/04/2012

Số: 0002835

Họ tên người mua hàng(Buyer):

Đơn vị(Company): CÔNG TY TNHH TM và DV giao nhận vận tải quốc tế Tân Cả Lợi.

Địa chỉ(address):P1125,Tầng 11,tòa nhà CT1.Đường Phạm Hùng,Mỹ Đình,Hà Nội.

Mã số thuế(Tax Code):0101304558

Hình thức thanh toán(Method of Payment):TM/CK

Đơn vị tiền tệ(Currency):VNĐ

STT (NO)	Tên hàng hóa,Dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantit y)	Đơn giá (unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Khai thác hàng CFS				12.244.050

Xin vui lòng trả vào tài khoản của chúng tôi  
 Please transfer to our bank A/C No  
 TK(VNĐ) 003.1.00.000.120.7  
 suất:10%)1.224.405  
 TK(USD) 003.1.37.001.725.7  
 VIETCOMBANK HAIPHONG  
 toán:13.468.455

Cộng tiền hóa đơn:12.244.050

Total invoice

Thuế GTGT:(Thuế

VAT

Tổng cộng tiền thanh

Grand Total

Tổng số tiền bằng chữ:Mười ba triệu bốn trăm sáu tám ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng chẵn.

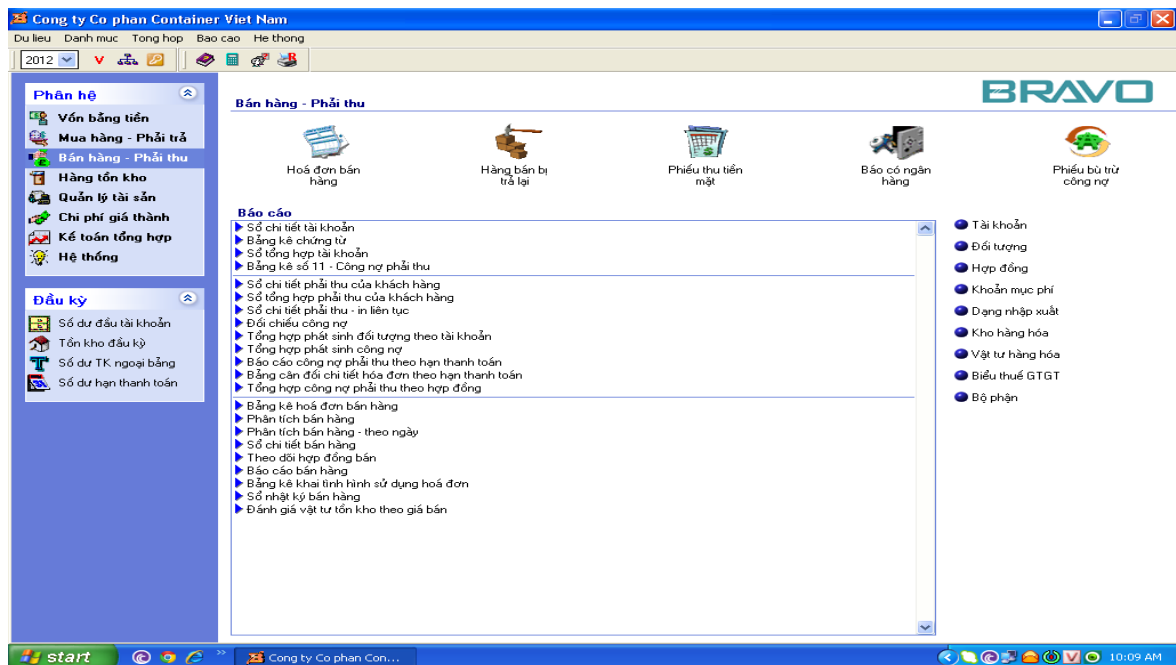
Grand total in words

**Người mua hàng**Ký, ghi rõ họ tên  
(Customer)**Người lập hóa đơn**Ký, ghi rõ họ tên  
(invoice maker)**VICONSHIP**Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên  
(For & on behalf of VSC)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002835, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:
- Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm BRAVO (version 6.0). Kế toán bán hàng nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ Bán hàng – Phải thu → Hóa đơn bán hàng → Chọn ‘Thêm’ để nhập số liệu từ hóa đơn GTGT.

### Màn hình giao diện phân hệ bán hàng-phải thu



- Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho, chọn ‘lưu’.

Màn hình giao diện hóa đơn bán hàng

The screenshot shows a software window titled "Sua chung tu (HD)" with the following fields and data:

- Ngày chứng từ: 28/04/2012
- Số c.từ: 000288E
- Số seri: AC/12P
- Mã hệ: VND
- Đơn vị: 1.00
- Hợp đồng: (empty)
- Đối tượng: TCL
- Địa chỉ: P1125 Tầng 11-Tòa nhà CT5, Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Hà Nội
- Diễn giải: BXLCL
- Bộ phận: KHAC
- Hoạt động: KHAC
- Mã nhập xuất: 1311
- Tk nợ: 1311
- Khoản mục phí: (empty)

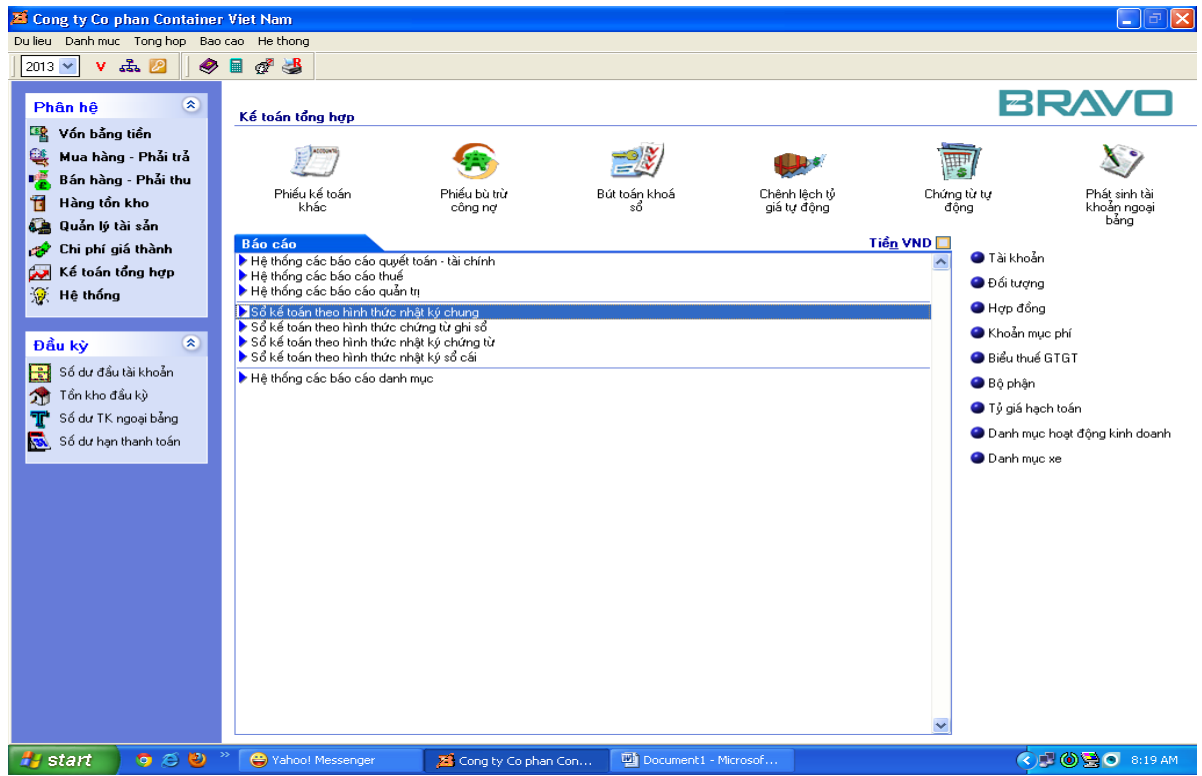
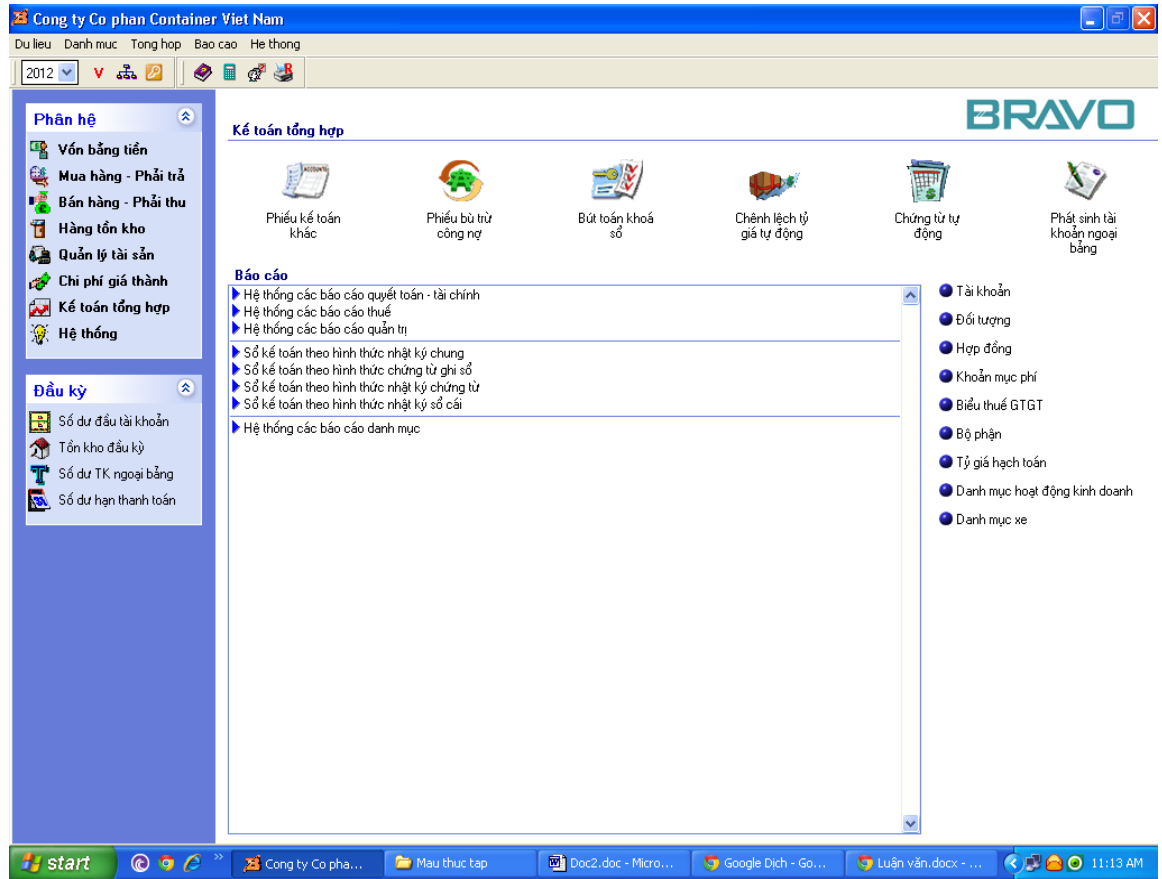
Below the fields is a table with the following data:

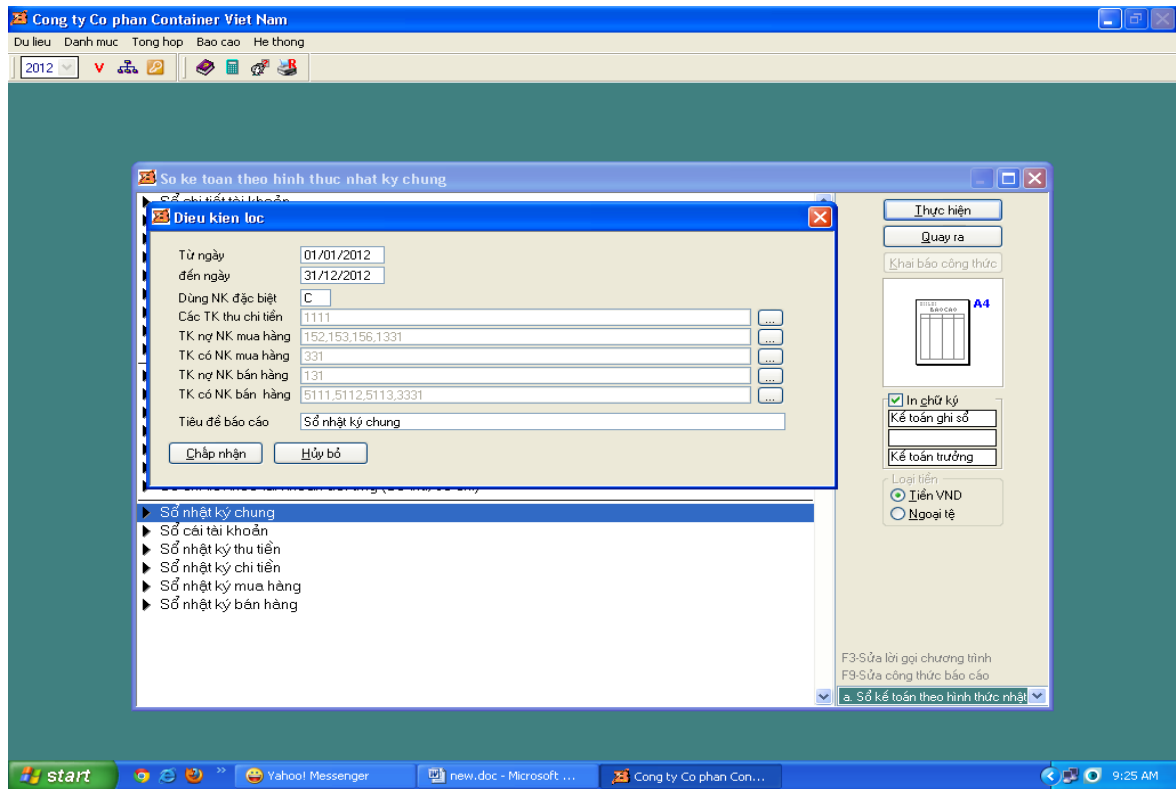
Tác nghiệp	Tên tác nghiệp	Tk có	Mã Đt có	Loại	Ngày T/h	Chi tiết	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
AKT	Phí khai thác hàng CFS	51131							12 244 050

At the bottom, there is a summary section:

- Hạn thanh toán: 90
- Mã loại VAT: R10
- Đối tượng VAT: Cty TNHH TMDV GNV T Quốc
- Chứng từ thanh toán
- Tk nợ: 1311
- Tk có: 33311
- M số thuế: 0101304558
- Chiết khấu: 0 %
- Tiền hàng: 12 244 050
- Chiết khấu: 0
- Thuế VAT: 1 224 405
- Tổng tiền: 13 468 455

Để in Sổ nhật ký chung chọn phân hệ Kế toán tổng hợp → sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung → Sổ Nhật ký chung. Tại mục "từ ngày đến ngày": từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Sau cùng chọn "chấp nhận" để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.





**Biểu số 2: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

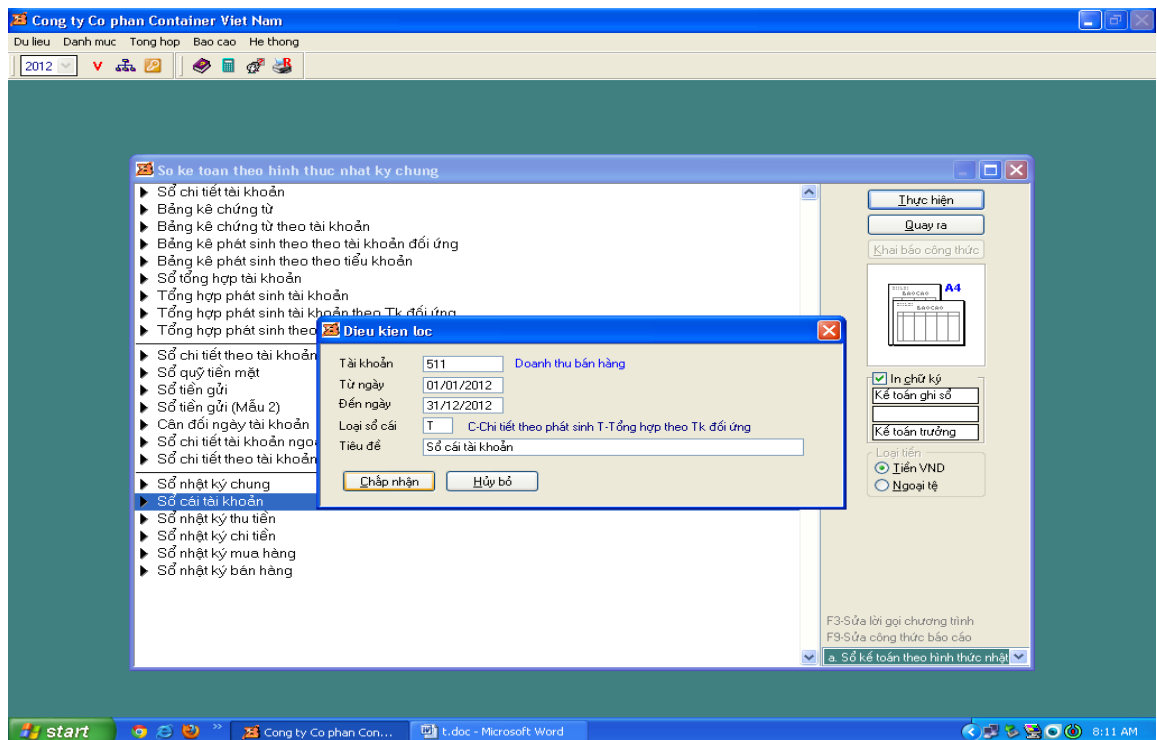
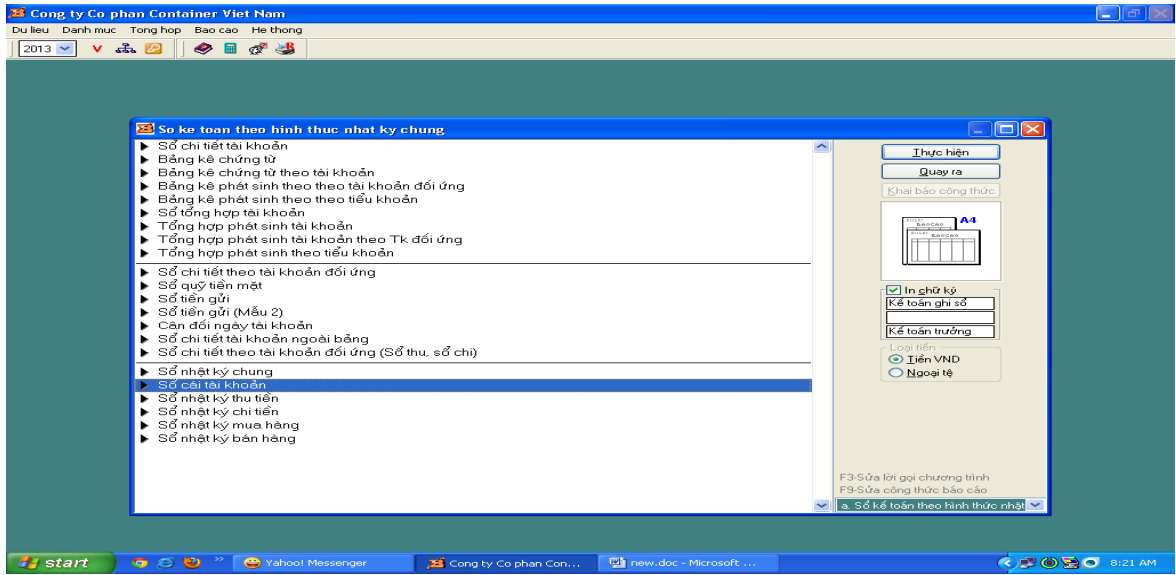
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....		.....	.....
064V	02/01/12	Thu tiền cước phí	1121	90.790.863	
			1311		90.790.863
.....	.....	.....		.....	.....
009VCB	12/02/12	Lãi tiền gửi CKH	1121	11.194.352	
			5154		11.194.352
.....	.....	.....		.....	.....
008ACB	28/04/12	Lãi tiền gửi CKH	1122	12.133.264	
			5154		12.133.264
.....	.....	.....		.....	.....
HĐ 0002835	28/04/12	Khai thác hàng CFS	1311	13.468.455	
			3331		1.224.405
			51131		12.244.050
.....	.....	.....		.....	.....
	//	Tổng số phát sinh		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

Để in ra sổ cái TK 511, Kế toán chọn phân hệ Kế toán tổng hợp → Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung → sổ cái tài khoản. Ở mục “tài khoản” : chọn tài khoản 511. Tại mục ”Từ ngày đến ngày”: 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Sau cùng nhấn chấp nhận để xem. F7 để in, ESC để thoát ra.





**Biểu số 3: Sổ cái tài khoản 511**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11- Võ Thị Sáu- Hải phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN****Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

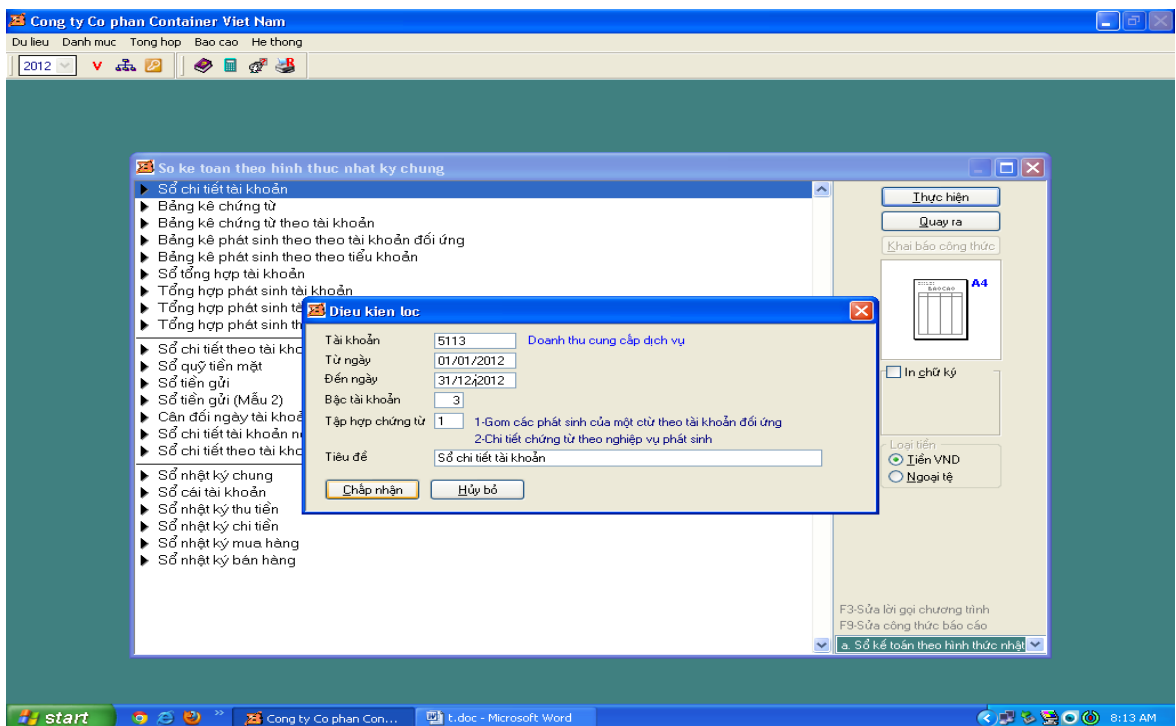
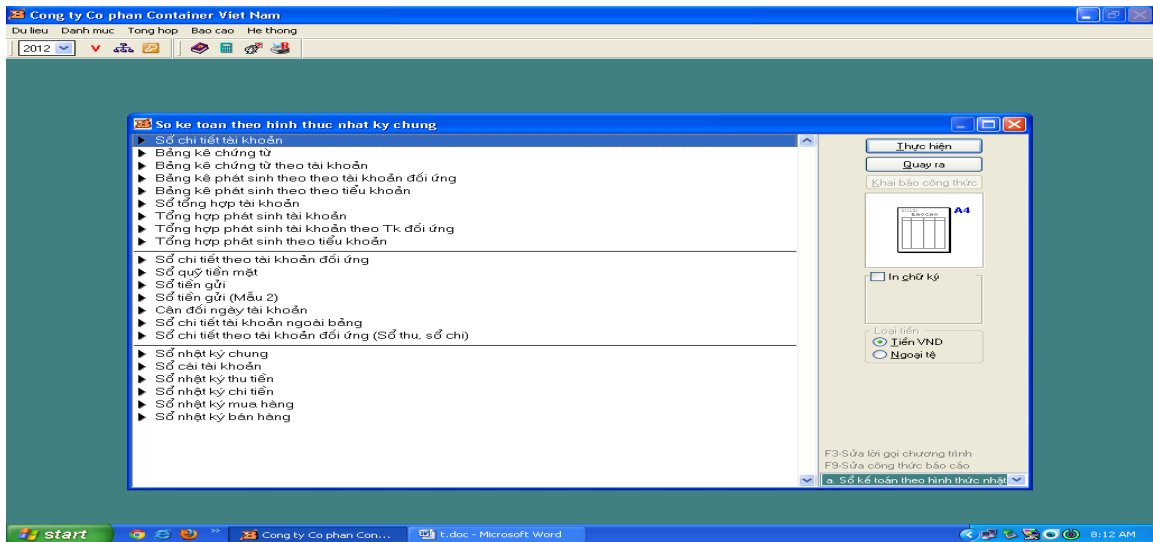
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/04/12	0002799	Phí chứng từ	1311		909.091
.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/04/12	0002834	Sửa chữa tàu	1311		28.616.127
28/04/12	0002835	Phí khai thác	1311		12.244.050
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	54	Kết chuyển doanh thu 5111→9111	9111	23.337.310.079	
31/12.12	54	Kết chuyển doanh thu 5113→9111	9111	216.008.613.021	
		<b>Tổng số phát sinh</b>		239.345.923.100	239.345.923.100
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

Để in ra sổ chi tiết TK 5113, Kế toán chọn phân hệ Kế toán tổng hợp → Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung → sổ chi tiết tài khoản. Ở mục “tài khoản” : chọn tài khoản 5113. Tại mục “Từ ngày đến ngày”: 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Sau cùng nhấn chấp nhận để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.



**Biểu số 4: Sổ chi tiết tài khoản 5113**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11- Võ Thị Sáu- Hải phòng

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....		.....
26/04/12	0002799	Phí chứng từ	1311		909.091
.....	.....	.....	.....		.....
28/04/12	0002835	Phí khai thác CFS	1311		12.244.050
28/04/12	0002836	Vận tải xuất tàu	1311		10.100.000
.....	.....	.....	.....		.....
31/12/12	54	Kết chuyển doanh thu 5113→9111	9111	216.008.613.021	
		Tổng SPS		216.008.613.021	216.008.613.021
		Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán trưởng**

**kế toán ghi sổ**

**2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

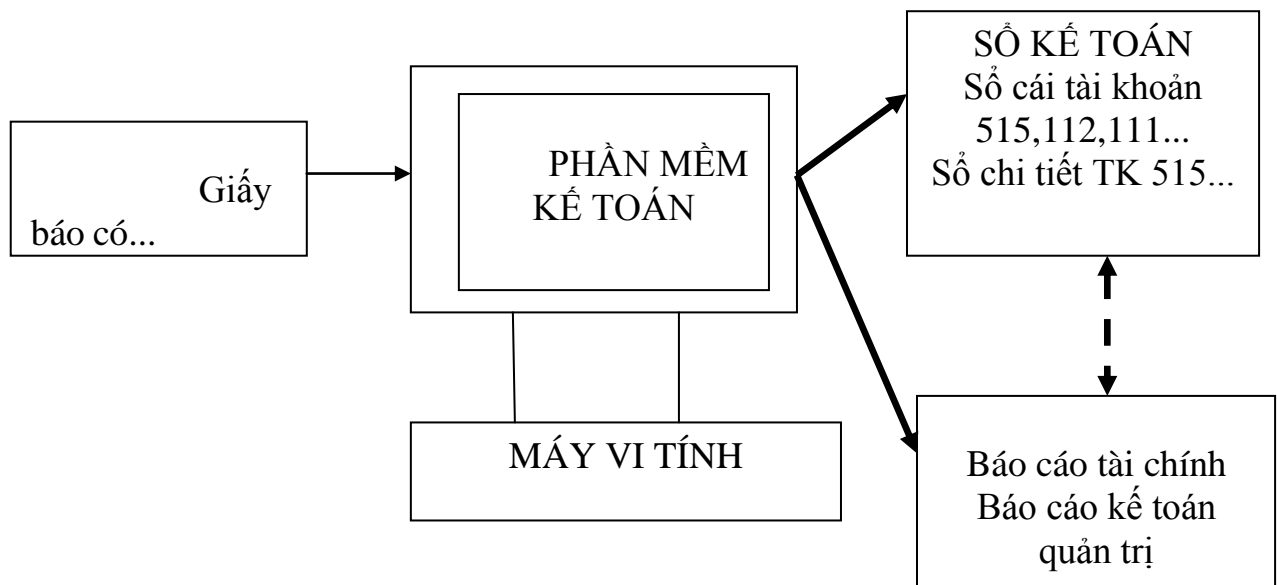
TK 515:Doanh thu hoạt động tài chính

• Các TK cấp 2:

- TK 5151:Thu nhập về hoạt động góp vốn kinh doanh
- TK 5154:Thu lãi tiền gửi
- TK5158:Thu nhập về hoạt động tài chính khác

➤ **Phương pháp hạch toán:**

**Sơ đồ 2.5:Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP Container Việt Nam**



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày

—————> In sổ,báo cáo cuối tháng,cuối quý,cuối năm

← - - - -> Đối chiếu,kiểm tra

**➤ Ví dụ minh họa**

Ngày 20/04/2012, công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng T4/2012 của ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương chi nhánh Hải Phòng, số tiền là 777.778 VNĐ

**GIẤY BÁO CÓ NGÂN HÀNG**

VIETCOMBANK

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 11 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã VAT:0200450688

**GIẤY BÁO CÓ****Ngày 20 tháng 4 năm 2012**

Kính gửi : Công ty cổ phần Việt Nam VICONSHIP

Mã số thuế:0200453688

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có:003.1.00.000120.7

Số tiền bằng số: 777.778

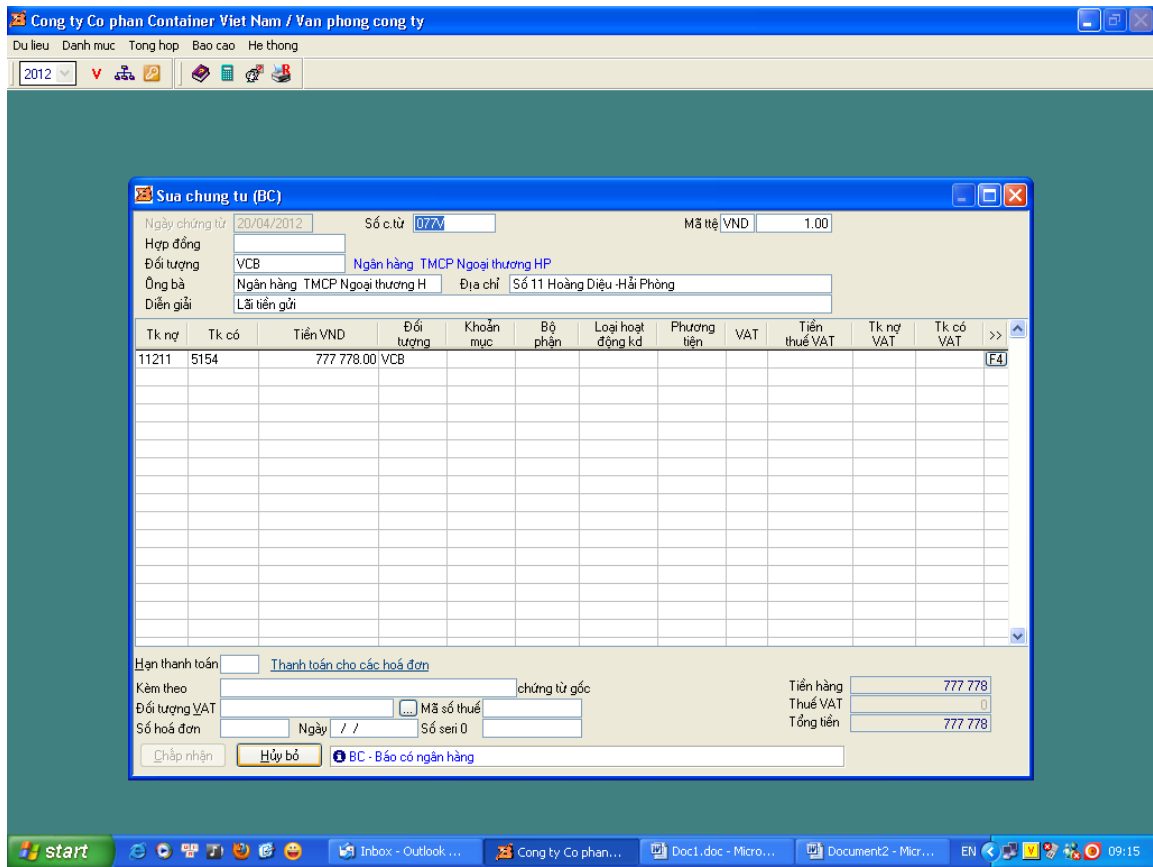
Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bảy bảy nghìn bảy trăm bảy tám đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 4 năm 2012.

**Giao dịch viên****Kiểm soát**

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Vietcombank, kế toán vào phân hệ Vốn bằng tiền → Báo có ngân hàng → Nhập số liệu vào giấy báo có của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy.

**Màn hình giao diện giấy báo có của ngân hàng**



Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách có liên quan :Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 515,Sổ chi tiết tài khoản 5154.

**Biểu số 6: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....		.....	.....
064V	02/01/12	Thu tiền cước phí	1121	90.790.863	
			1311		90.790.863
.....	.....	.....		.....	.....
009VCB	12/02/12	Lãi tiền gửi CKH	1121	11.194.352	
			5154		11.194.352
.....	.....	.....		.....	.....
077V	20/04/12	Lãi tiền gửi	1121	777.778	
			5154		777.778
.....	.....	.....		.....	.....
008ACB	28/04/12	Lãi tiền gửi CKH	1122	12.133.264	
			5154		12.133.264
.....	.....	.....		.....	.....
HD 0002835	28/04/12	Khai thác hàng CFS	1311	13.468.455	
			3331		1.224.405
			5113		12.244.050
.....	.....	.....		.....	.....
	//	Tổng số phát sinh		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 7: Sổ cái tài khoản 515**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

**Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/04/12	0045A	Lãi tiền gửi	1121		63.856
.....	.....	.....	.....	.....	.....
20/04/12	077V	Lãi tiền gửi	1121		777.778
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	61	Kết chuyển 5151→9112	9112	11.843.600.000	
31/12/12	61	Kết chuyển 5154→9112	9112	4.034.851.548	
31/12/12	61	Kết chuyển 5158→9112	9112	239.117.721	
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>16.117.569.269</b>	<b>16.117.569.269</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng



**Biểu số 08: Sổ chi tiết tài khoản 5154**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Tài khoản 5154: lãi tiền gửi

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....		.....
06/04/12	067V	Lãi tiền gửi	11211		972.222
06/04/12	039A	Lãi tiền gửi CKH	11212		1.458.333
.....	.....	.....	.....		.....
20/04/12	077V	Lãi tiền gửi	11211		777.778
20/04/12	044A	Lãi tiền gửi CKH	11212		1.166.667
.....	.....	.....	.....		.....
28/04/12	047A	Lãi tiền gửi CKH	11212		14.187.298
28/04/12	095T	Lãi tiền gửi	11212		1.458.333
.....	.....	.....	.....		.....
31/12/12	61	Kết chuyển 5154→9112	9112	4.034.851.548	
		<b>Tổng SPS</b>		<b>4.034.851.548</b>	<b>4.034.851.548</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

**2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác**

➤ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu thu

Hóa đơn GTGT

Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

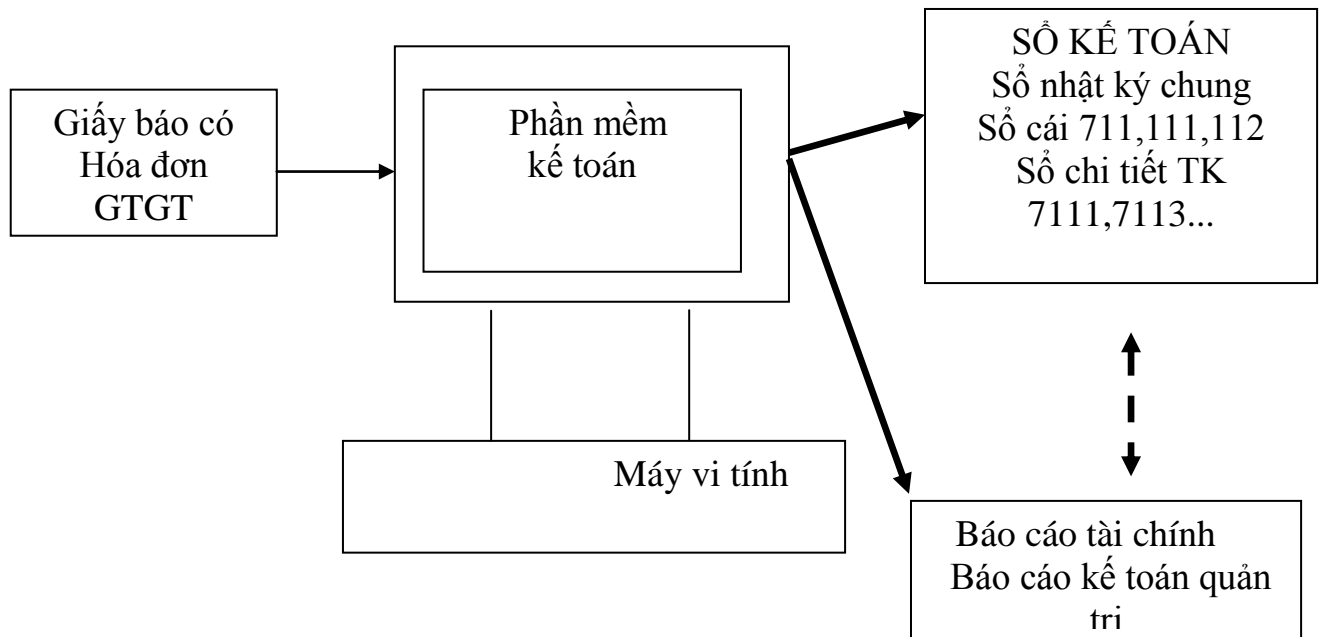
TK711:Thu nhập khác

- TK 7111: Thu về nhượng bán thanh lý TSCĐ.
- TK7113: Thu các khoản nợ khó đòi, đã xóa sổ.
- TK7118: Thu nhập bất thường khác.

➤ **Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 2.6:Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty CP Container**

**Việt Nam**



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày

—————> In sổ,báo cáo cuối tháng,cuối quý,cuối năm

← - - - -> Đối chiếu,kiểm tra.

- **Ví dụ minh họa:** Ngày 11/01/2012 thu tiền do bán thanh lý điều hòa số tiền 800.000

**Biểu số 09: Phiếu thu bằng tiền mặt**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM      Mẫu 01-TT  
11-Võ Thị Sáu-Hải Phòng      Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ - BTC  
Ngày 20 tháng 03 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Số 008

Ngày 11 tháng 01 năm 2012      Nợ 1111: 800.000

Có 7111 : 800.000

Nhận của: Hoàng Thể thao

Bộ phận: Phòng Tài chính- tiền lương

Số tiền: **800.000**      Viết bằng chữ: Tám trăm ngàn đồng chẵn

Về khoản: Thu tiền thanh lý điều hòa

Kèm theo:      Chứng từ gốc

**Kế toán thanh toán**

**Kế toán trưởng**

**Thủ Quỹ**

**Màn hình giao diện phiếu thu do thanh lý điều hòa**

Cong ty Co phan Container Viet Nam

Du lieu Danh muc Tong hop Bao cao He thong

2012

Sua chung tu (PT)

Ngày chứng từ: 11/01/2012 Số c. từ: 008 Mã tệ: VND 1.00

Hợp đồng: HTT Đối tượng: Hoàng Thế Thao Ông bà: Hoàng Thế Thao Địa chỉ: Phòng TC-TL

Diễn giải: Thu tiền do bán thanh lý điều hòa

Tk nợ	Tk có	Tiền VND	Đối tượng	Khoản mục	Bộ phận	Loại hoạt động kd	Phương tiện	VAT	Tiền thuế VAT	Tk nợ VAT	Tk có VAT	>>
11111	7111	800 000.00	HTT									F4

Hạn thanh toán: Thanh toán cho các hoá đơn

Kèm theo: chứng từ gốc

Đối tượng VAT: Mã số thuế

Số hoá đơn: Ngày / / Số seri 0

Chấp nhận Hủy bỏ PT - Phiếu thu tiền mặt

Tiền hàng: 800 000  
Thuế VAT: 0  
Tổng tiền: 800 000

start Cong ty Co phan Con... New Folder (2) 11:16 AM

**Biểu số 10: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....		.....	.....
008	11/01/12	Thu tiền thanh lý điều hòa	1111	800.000	
			7111		800.000
.....	.....	.....		.....	.....
065V	12/04/12	Mua máy vi tính	642	6.636.727	
			133	663.673	
			1121		7.300.400
067V	12/04/12	Chi tiền in mũ quảng cáo	641	5.500.000	
			133	550.000	
			1121		6.050.000
.....	.....	.....		.....	.....
095T	28/04/12	Thu tiền cước phí	1121	177.217.252	
			1311		177.217.252
HĐ 00028 35	28/04/12	Khai thác hàng CFS	1311	13.468.455	
			3331		1.224.405
			5113		12.244.050
.....	.....	.....		.....	.....
	//	Tổng cộng		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Biểu số 11: Sổ cái tài khoản 711**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

**Tài khoản: 711– Thu nhập khác**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
11/01/12	008	Thu do thanh lý điều hòa	1111		800.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/08/12	28050	Thanh lý container chưa thu tiền khách hàng	131		458.150.000
03/08/12	28051	Bán ô tô cũ 5 chỗ ngồi	131		300.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 7111→9113	9113	716.500.000	
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 7113→9113	9113	313.363.000	
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 7118→9113	9113	1.002.403.538	
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>2.032.266.538</b>	<b>2.032.266.538</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 12: Sổ chi tiết tài khoản 7111**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Tài khoản 7111: Thu về nhượng bán thanh lý TSCĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
11/01/12	008	Thu tiền do bán thanh lý điều hòa	1111		800.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 7111 → 9113	9113	716.500.000	
		Tổng phát sinh		716.500.000	716.500.000
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

## 2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác:

### 2.2.2.1: Kế toán giá vốn hàng bán

#### ➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

- Các tài khoản cấp 2
  - TK6321: Giá vốn hàng bán hàng hóa
  - TK 6322: Giá vốn hàng bán của dịch vụ

Đối với giá vốn hàng hóa, kế toán tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Đối với giá vốn dịch vụ, cuối năm kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm để tính giá vốn hàng bán.

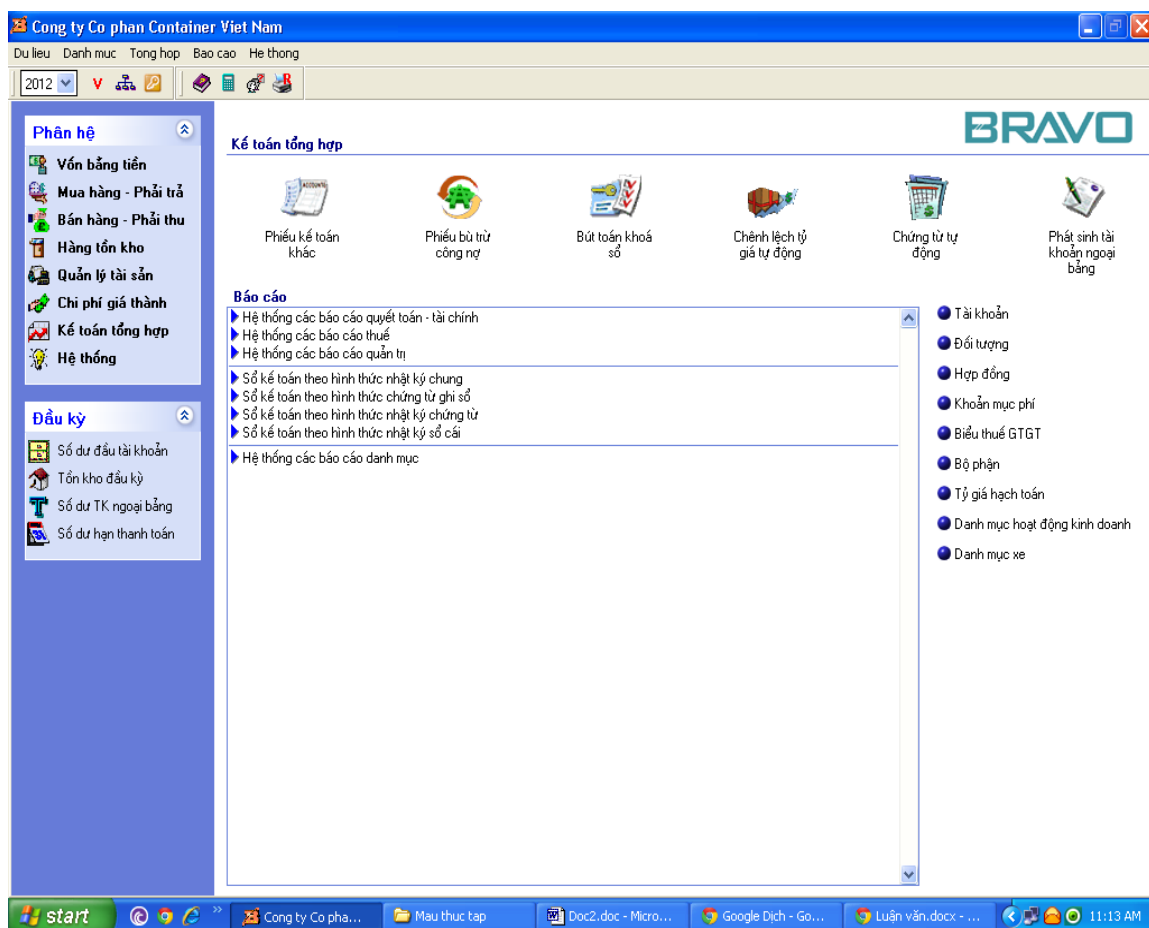
Kế toán tổng hợp vào phân hệ Kế toán tổng hợp → Bút toán khóa sổ.

Sau đó chọn năm kết chuyển: 2012 → chọn toàn bộ bằng cách ấn ctrl+A để đánh dấu các bút toán cần kết chuyển. Nhấn F10 để chọn tháng cần kết chuyển: T1 → T12.

➤ **Ví dụ minh họa:** Vào ngày 31/12/2012, kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm kế toán để tính được giá vốn hàng bán năm 2012.

Kế toán tổng hợp vào phân hệ Kế toán tổng hợp → Bút toán khóa sổ.





Sau đó chọn năm kết chuyên:2012→ chọn toàn bộ bằng cách ấn ctrl +A để đánh dấu các bút toán cần kết chuyên.Khi đó màn hình sẽ có giao diện như sau:

Chon So TT	Tk di	Tk đến	Diễn giải	Loại KC	Kiểu KC
x 11	621	154	Kết chuyển nguyên, nhiên vật liệu	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 12	622	154	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 13	627	154	Kết chuyển CP sản xuất chung	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 25	154	6322	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 51	531	511	Hàng bán bị trả lại	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 52	532	511	Giảm giá hàng bán	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 54	511	9111	Kết chuyển doanh thu	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 55	632	9111	Kết chuyển giá vốn	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 61	515	9112	Thu nhập hoạt động tài chính	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 62	711	9113	Kết chuyển thu nhập khác	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 63	635	9112	Chi phí hoạt động tài chính	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 64	811	9113	Kết chuyển chi phí khác	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 65	821	9111	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 71	641	9111	Kết chuyển chi phí bán hàng	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 72	642	9111	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 98	911	4212	Kết chuyển lãi lỗ	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 99	33311	1331	Thuế GTGT được khấu trừ	2-Kc số dư	1-Chương trình

Nhấn F10 để chọn tháng cần kết chuyển: T1 → T12

Chon So TT	Tk di	Tk đến	Diễn giải	Loại KC	Kiểu KC
x 11	621	154	Kết chuyển nguyên, nhiên vật liệu	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 12	622	154	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 13	627	154	Kết chuyển CP sản xuất chung	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 25	154	6322	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 51	531	511	Hàng bán bị trả lại	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 52	532	511	Giảm giá hàng bán	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 54	511	9111	Kết chuyển doanh thu	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 55	632	9111	Kết chuyển giá vốn	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 61	515	9112	Thu nhập hoạt động tài chính	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 62	711	9113	Kết chuyển thu nhập khác	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 63	635	9112	Chi phí hoạt động tài chính	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 64	811	9113	Kết chuyển chi phí khác	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 65	821	9111	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 71	641	9111	Kết chuyển chi phí bán hàng	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 72	642	9111	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 98	911	4212	Kết chuyển lãi lỗ	1-Kc số Ps	1-Chương trình
x 99	33311	1331	Thuế GTGT được khấu trừ	2-Kc số dư	1-Chương trình

**Xoa cac but toan ket chuyen**

Từ tháng:

Đến tháng:

**Biểu số 13: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....		.....	.....
11	31/12/12	Kết chuyển nguyên, nhiên vật liệu 621 → 154	154	15.040.548.390	
			621		15.040.548.390
12	31/12/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp 622 → 154	154	45.446.348.177	
			622		45.446.348.177
13	31/12/12	Kết chuyển chi phí sản xuất chung 627 → 154	154	129.677.330.110	
			627		129.677.330.110
25	31/12/12	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang 154 → 6322	6322	190.164.226.677	
			154		190.164.226.677
.....	.....	.....		.....	.....
	//	Tổng cộng		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 14:Sổ cái tài khoản 632**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

**Tài khoản:632 – Giá vốn hàng bán**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	
31/12/12	25	Kết chuyển CPSXKDD 154→ 6322	154	190.164.226.677	
31/12/12	55	Kết chuyển GV 6321→9111	9111		22.650.704.075
31/12/12	55	Kết chuyển GV 6322→9111	9111		190.164.226.677
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>212.814.930.752</b>	<b>212.814.930.752</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 15:Sổ chi tiết tài khoản 6322**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012****Tài khoản 6322:Giá vốn hàng bán dịch vụ**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12/12	25	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang 154→6322	154	190.164.226.677	
31/12/12	55	Kết chuyển giá vốn dịch vụ 6322→9111	9111		190.164.226.677
		Tổng số phát sinh		190.164.226.677	190.164.226.677
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính**

➤ **Chứng từ sử dụng**

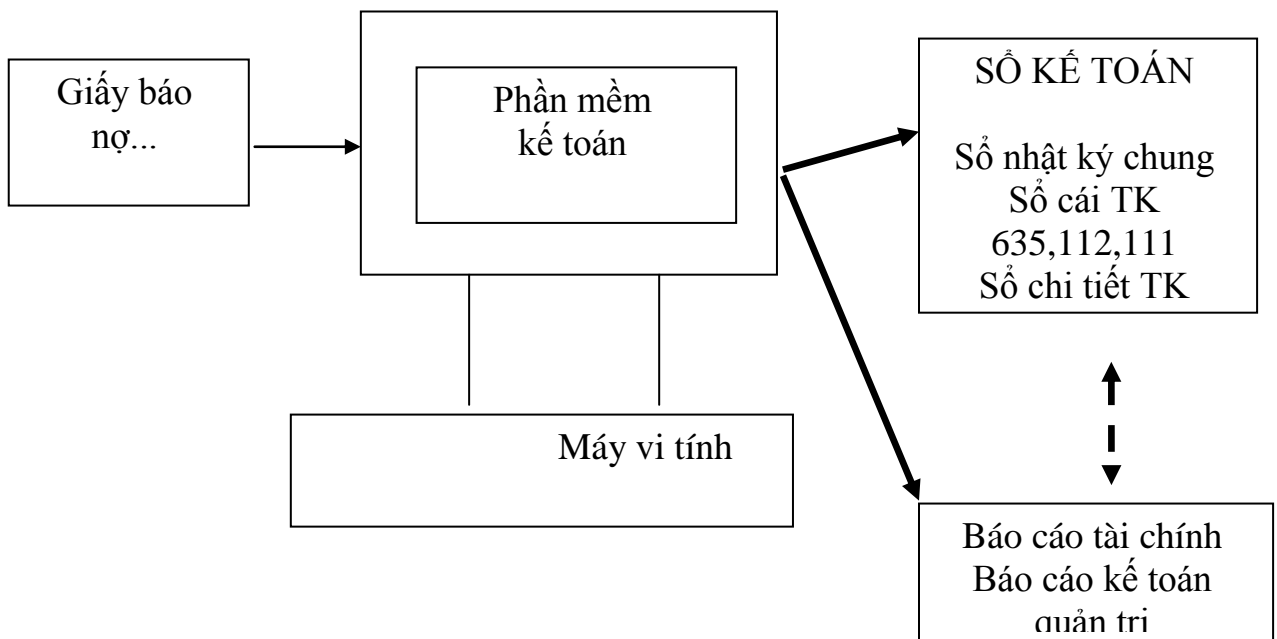
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK 635: Chi phí tài chính

- Các tài khoản cấp 2:
  - TK 6357: Chi hoạt động khác

**Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty CP Container Việt Nam.**



- Ghi chú:
- > Nhập số liệu hàng ngày
  - > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
  - ← - - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

➤ **Ví dụ minh họa:** Ngày 16 tháng 04 năm 2012 Trả tiền theo hóa đơn 54. Phát sinh chi phí tài chính do bù lỗ tỷ giá. Tổng số tiền là: 876.540.000

**Biểu số 17: Báo nợ của ngân hàng**

VIETCOMBANK

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 11 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã VAT:0200450688

**GIẤY BÁO NỢ**

**Ngày 16 tháng 04 năm 2012**

Kính gửi : Công ty cổ phần Việt Nam VICONSHIP

Mã số thuế:0200453688

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi nợ:003.1.00.000120.7

Số tiền bằng số:876.540.000

Số tiền bằng chữ: Tám trăm bảy sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Nội dung: nhận ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản của công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng Vietcombank, kế toán vào phân hệ Vốn bằng tiền → Báo nợ ngân hàng → Nhập số liệu vào giấy báo nợ trên phần mềm kế toán

**Màn hình giao diện giấy báo nợ của ngân hàng**



**Biểu số 18: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....		.....	.....
008	11/01/12	Thu tiền thanh lý điều hòa	1111	800.000	
			7111		800.000
.....	.....	.....		.....	.....
065V	12/04/12	Mua máy vi tính	642	6.636.727	
			133	663.673	
			1121		7.300.400
.....	.....	.....		.....	.....
073V	16/04/12	Thanh toán hóa đơn 54	3312	873.600.000	
			6357	2.940.000	
			1121		876.540.000
.....	.....	.....		.....	.....
095T	28/04/12	Thu tiền cước phí	1121	177.217.252	
			1311		177.217.252
HĐ 00028 35	28/04/12	Khai thác hàng CFS	1311	13.468.455	
			3331		1.224.405
			5113		12.244.050
.....	.....	.....		.....	.....
	//	Tổng cộng		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

**Biểu số 19: Sổ cái tài khoản 635**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN****Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012****Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
10/04/12	069V	Trả tiền theo hóa đơn 1414/23/24/46	11211	290.256	
16/04/12	073V	Trả tiền theo hóa đơn 54	11211	2.940.000	
17/04/12	074V	Trả tiền theo hóa đơn 10476/10507/8787	11211	797.658	
24/04/12	091T	Trả tiền theo hóa đơn 848/49/50/51/52/53/54	11215	10.416.771	
27/04/12	082V	Trả tiền theo hóa đơn 19447/48/802	11211	485.479	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	63	Kết chuyển chi phí hoạt động TC 635→9112	9112		505.458.801
		<b>Tổng phát sinh</b>		505.458.801	505.458.801
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ công cụ dụng cụ.
- Các chứng từ khác có liên quan

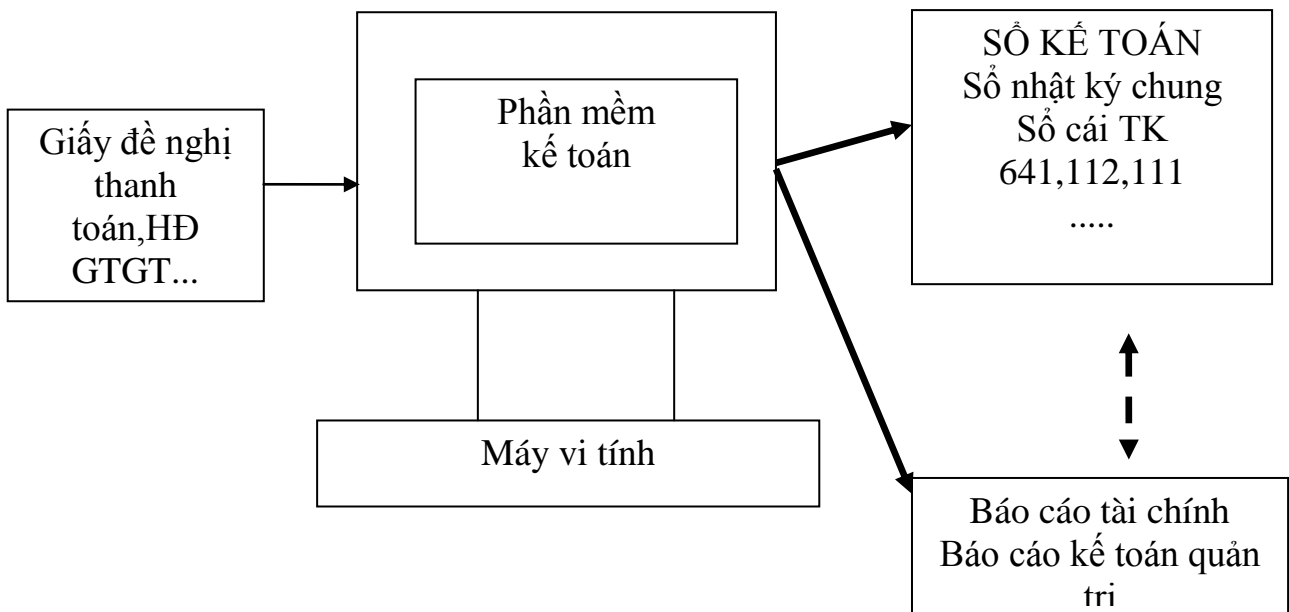
➤ **Tài khoản sử dụng**

TK 641: Chi phí bán hàng

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ **Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CP Container Việt Nam**



Ghi chú:   
 —————> Nhập số liệu hàng ngày  
 —————> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm  
 <--- --- ---> Đối chiếu, kiểm tra

## ➤ Ví dụ minh họa về chi phí bán hàng:

Ngày 22/02/2012 trả tiền viết báo cho tạp chí báo thi đua khen thưởng.Số tiền 6.000.000

**Biểu số 21: Hóa đơn GTGT số 889****HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số:01 GTKT 3/001****(Liên 2:Giao cho khách hàng)****Ký hiệu: TD/11P****Ngày 22 tháng 02 năm 2012****Số:0000889**

Đơn vị bán hàng: Tạp chí thi đua khen thưởng

Địa chỉ: 103, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội

MST:0101047452

Họ tên người mua hàng: Công ty CP CONTAINER Việt Nam

Địa chỉ: 11, Võ Thị Sáu, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Điện thoại:

MST:0200453688

STT	Tên hàng hóa, Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Viết bài cho công ty CP Container Việt Nam			5.454.000	5.454.000
Cộng tiền hàng:					5.454.545
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		545.455	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Biểu số 22: Ủy nhiệm chi của công ty VICONSHIP**

**Biểu số 23: Giấy báo nợ ngân hàng**

VIETCOMBANK  
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG  
Số 11 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng  
Mã VAT:0200450688

**GIẤY BÁO NỢ**  
**Ngày 22 tháng 02 năm 2012**

Kính gửi : Công ty cổ phần Việt Nam VICOSHIP  
Mã số thuế:0200453688

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi nợ:003.1.00.000120.7

Số tiền bằng số:6.000.000

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn.

Nội dung: chuyển tiền vào tài khoản của tạp chí thi đua- khen thưởng.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 889, kế toán nhập số liệu vào phần mềm Bravo theo các bước. Từ màn hình Window, kích chọn biểu tượng phần mềm / Khai báo tên người dùng và mật khẩu / Kế toán vào phân hệ vốn bằng tiền → Báo nợ ngân hàng. Các số liệu sẽ tự động chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641

**Màn hình giao diện chi phí bán hàng**

**Biểu số 24:Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
034V	22/02/12	Trả tiền báo cho tạp chí thi đua	641	5.454.545	
			133	545.455	
			1121		6.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
065V	12/04/12	Mua máy vi tính	642	6.636.727	
			133	663.673	
			1121		7.300.400
.....	.....	.....	.....	.....	.....
HĐ 0002835	28/04/12	Khai thác hàng CFS	131	13.468.455	
			511		12.244.050
			3331		1.224.405
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC453	23/05/12	TT tiền vòi nước bồn VS	642	1.100.000	
			133	110.000	
			1111		1.210.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
	//	Tổng số phát sinh		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 25: Sổ cái tài khoản 641**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Tài khoản 641 – chi phí bán hàng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
22/02/12	034V	Thanh toán tiền tạp chí thi đua	11211	5.454.545	
22/02/12	034V	Thanh toán tiền tạp chí xây dựng Đảng	11211	5.454.545	
22/02/12	034V	Thanh toán tiền báo Đời sống pháp luật	11211	4.545.454	
22/02/12	034V	Thanh toán tiền môi giới cho hiệp hội đại lý và môi giới Hàng hải Việt Nam	11211	7.272.727	
31/12/12	71	Kết chuyển chi phí bán hàng	9111		22.727.271
		<b>Tổng phát sinh</b>		<b>22.727.271</b>	<b>22.727.271</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**



## ➤ Ví dụ minh họa về chi phí quản lý doanh nghiệp:

Ngày 23 tháng 05 năm 2012 thanh toán tiền mua vòi nước bồn VS cho phòng kế toán. Tổng số tiền là 1.210.000.

**Biểu số 26: Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001100**

**HÓA ĐƠN** **Mẫu số:01 GTKT3/001**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG** **Ký hiệu: LH/11P**  
**(Liên 2:Giao cho khách hàng)** **Số: 0001100**  
**Ngày 23 tháng 05 năm 2012**

Đơn vị bán hàng:Công ty cổ phần thương mại Bảo Minh

Địa chỉ: Phòng 1501,Tòa nhà JSC34,Số 164 Khuất Duy Tiến,Thanh Xuân,Hà Nội

Số tài khoản:

MST:0105848703

Họ tên người mua hàng:Công ty CP CONTAINER Việt Nam

Địa chỉ:11,Võ Thị Sáu,Q.Ngô Quyền,Hải Phòng

Hình thức thanh toán: tiền gửi ngân hàng

Điện thoại: MST:0200453688

STT	Tên hàng hóa,Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Vòi nước bồn VS	Bộ	1	1.100.000	1.100.000
Cộng tiền hàng					1.100.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT 110.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.210.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm mười ngàn đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Biểu số 27: Đề nghị thanh toán**CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER  
NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&amp;-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

**KÍNH GỬI:**

- Ban lãnh đạo công ty
- Trưởng phòng tài chính kế toán

Tên tôi là: Vũ Văn Phong

Nhân viên: Phòng kế toán

Đề nghị được thanh toán số tiền như sau:

<b>TT</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>	<b>SỐ LẦN</b>	<b>ĐƠN GIÁ</b>	<b>THÀNH TIỀN</b>
1	Tiền mua vòi bồn nước VS	1	1.210.000	1.210.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				1.210.000

Bằng chữ: Một triệu hai trăm mười ngàn đồng chẵn

*Hải Phòng, Ngày 23 Tháng 05 Năm 2012*

**Lãnh đạo công ty    Kế toán trưởng                      P.tổng hợp            Người làm đơn**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001100 kế toán vào phân hệ vốn bằng tiền → Phiếu chi tiền mặt → Thêm để lập phiếu chi số 453 trên phần mềm kế toán máy.

**Màn hình giao diện phiếu chi tiền mặt:**

**Biểu số 28: Phiếu chi 453**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11-Võ Thị Sáu-Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Số 453

Ngày 23 Tháng 05 Năm 2012      Nợ 642    1.100.000

133    110.000

Có 111    1.210.000

Họ và tên: Vũ Văn Phong

Địa chỉ: Phòng kế toán

Số tiền: 1.210.000

Viết bằng chữ: Một triệu hai trăm mười ngàn đồng chẵn.

Lý do: Chi tiền mua vòi nước bồn VS

Kèm theo 01 Chứng từ gốc

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Thủ quỹ

Người nhận tiền

**Biểu số 29: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
034V	22/02/12	Trả tiền báo cho tạp chí thi đua	641	5.454.545	
			133	545.455	
			1121		6.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
065V	12/04/12	Mua máy vi tính	642	6.636.727	
			133	663.673	
			1121		7.300.400
.....	.....	.....	.....	.....	.....
HD 0002835	28/04/12	Khai thác hàng CFS	131	13.468.455	
			511		12.244.050
			3331		1.224.405
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC453	23/05/12	TT tiền vòi nước bồn VS	642	1.100.000	
			133	110.000	
			1111		1.210.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
	//	Tổng số phát sinh		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 30: Sổ cái tài khoản 642**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/ 2012

**Tài khoản:642- chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
23/05/12	PC453	TT tiền mua vòi nước bồn VS	1111	1.100.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
17/11/12	PC891	Thanh toán tiền đi công tác mua rượu chè tiếp khách	1111	5.161.500	
17/11/12	280T	Thanh toán tiền vé máy bay cho cán bộ đi công tác	1121	28.306.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	BTKH T12	Trích khấu hao T12	214	65.261.163	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	72	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		<b>10.271.129.360</b>
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>10.271.129.360</b>	<b>10.271.129.360</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**2.2.2.4 Kế toán chi phí khác**

➤ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu chi

Các chứng từ khác

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK 811:Chi phí khác

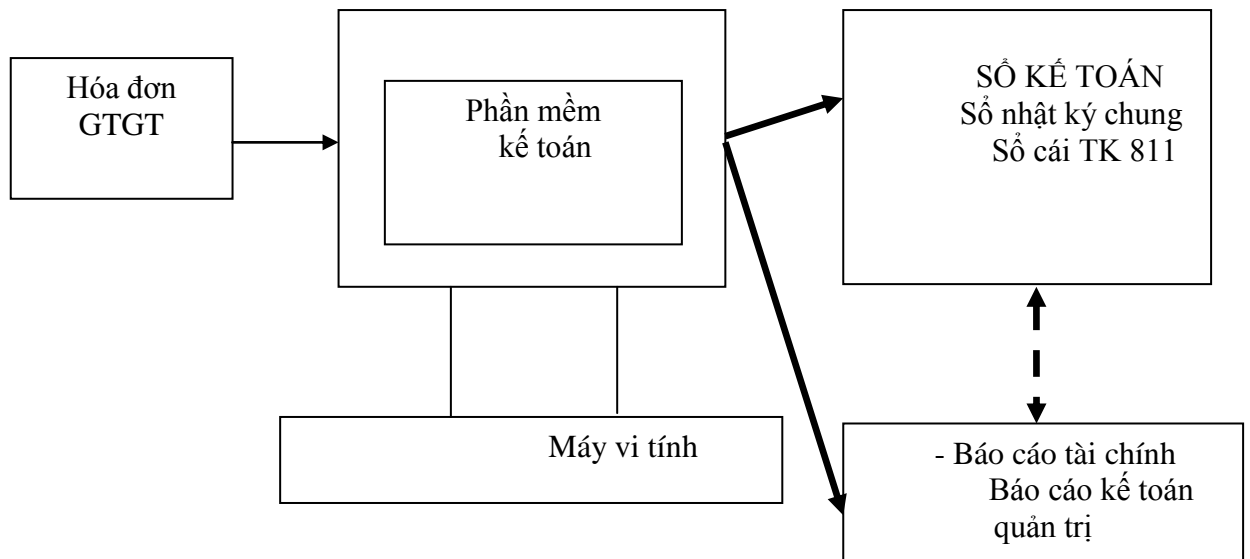
• TK cấp 2:

- TK 8111:Chi phí về nhượng bán thanh lý TSCĐ
- TK 8118:Chi phí bất thường khác

➤ **Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 2.10 Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty CP Container Việt**

**Nam.**



Ghi chú: —————>

Nhập số liệu hàng ngày

—————>

In sổ,báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

<--- --- --->

Đối chiếu, kiểm tra

➤ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 15 tháng 7 năm 2012 thanh lý xe ô tô 4 chỗ kí hiệu CO1 theo QĐ 14-12/QĐ.

Đơn vị: Công ty CP CONTAINER VIỆT NAM Mẫu số 02:-TSCĐ

Bộ phận: P.VẬT TƯ

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 15 tháng 07 năm 2012

Nợ 214: 86.805.178

Nợ 811: 29.658.436

Có 211: 116.463.614

Căn cứ Quyết định số: 14-12/QĐ-TSCĐ ngày 15 tháng 07 năm 2012 của Tổng giám đốc công ty cổ phần container Việt Nam về việc thanh lý tài sản cố định.

#### I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông: Nguyễn Văn Tuấn Chức vụ: Trưởng phòng vật tư
- Ông: Trần Xuân Bá Chức vụ: Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán

#### II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, Quy cách (Cấp hạng) TSCĐ: C01
- Nước sản xuất: Trung Quốc
- Năm đưa vào sử dụng :2008
- Nguyên giá TSCĐ: 116.463.614

III. Giá trị hao mòn đã trích tới thời điểm thanh lý: 86.805.178;

IV. Giá trị còn lại của TSCĐ: 29.658.436;

#### V. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Ban thanh lý tài sản cố định đồng ý và thống nhất với kết quả thanh lý.

Ngày 16 tháng 07 năm 2012

#### IV: Kết quả thanh lý TSCĐ

Chi phí thanh lý TSCĐ:

Giá trị thu hồi:

Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 16 tháng 07 năm 2012

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**



Kế toán phân hệ Kế toán tổng hợp → Phiếu kế toán khác → Thêm. Đề ghi giảm tài sản cố định.

**Màn hình giao diện phiếu kế toán khác**

**Biểu số 32: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
034V	22/02/12	Trả tiền báo cho tạp chí thi đua	641	5.454.545	
			133	545.455	
			1121		6.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
065V	12/04/12	Mua máy vi tính	642	6.636.727	
			133	663.673	
			1121		7.300.400
.....	.....	.....	.....	.....	.....
HĐ 0002835	28/04/12	Khai thác hàng CFS	131	13.468.455	
			511		12.244.050
			3331		1.224.405
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC453	23/05/12	TT tiền vòi nước bồn VS	642	1.100.000	
			133	110.000	
			1111		1.210.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
TSCD0001	15/07/12	Thanh lý ô tô 4 chỗ	2141	86.805.178	
			811	29.658.436	
			2113		116.463.614
.....	.....	.....	.....	.....	.....
	//	Tổng số phát sinh		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 33:Sổ cái tài khoản 811**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/ 2012

**Tài khoản:811- chi phí khác**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/07/12	TSCD 0001	Thanh lý ô tô 4 chỗ	2113	29.658.436	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/12	64	Kết chuyển chi phí khác 8111 → 9113	9113		<b>109.505.667</b>
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>109.505.667</b>	<b>109.505.667</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán trưởng****Kế toán ghi sổ**

**2.2.2.5: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****➤ Chứng từ sử dụng**

- \_ Phiếu kế toán
- \_ Các chứng từ có liên quan khác

**➤ Tài khoản sử dụng**

*TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

TK cấp 2

- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

*TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp*

**➤ Phương pháp hạch toán**

Cuối năm, kế toán vào phân hệ Kế toán tổng hợp → Hệ thống các báo cáo quyết toán tài chính → điền các thông tin cho màn hình điều kiện lọc chứng từ → Thực hiện để lập báo cáo kết quả kinh doanh trên phần mềm kế toán máy.

Kế toán sẽ lấy số liệu của chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh để tiến hành xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của luật thuế TNDN bằng cách tính thủ công.

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \left\{ \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Lãi từ hoạt} \\ \text{động của các} \\ \text{đơn vị liên doanh,} \\ \text{liên kết} \end{array} \right\} \times 25\%$$

Sau đó cập nhật dữ liệu vào phiếu kế toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

➤ **Ví dụ minh họa: Tại ngày 31/12/2012 công ty xác định số thuế TNDN phải nộp năm 2012**

Căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 33.842.007.100

-Lãi từ hoạt động của các đơn vị liên doanh, liên kết: 1.235.605.233

Thuế TNDN phải nộp =  $(33.842.007.100 - 1.235.605.233) \times 25\% =$   
8.151.600.467

Sau khi tính được thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Kế toán vào phân hệ Kế toán tổng hợp → Phiếu kế toán khác → Thêm để lập 1 phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ quyết toán thuế TNDN.

**Màn hình giao diện phiếu kế toán DK016/12**

**Biểu số 35: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11-Võ Thị Sáu-Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
54	31/12/12	Kết chuyển doanh thu	5111	23.337.310.079	
			9111		23.337.310.079
54	31/12/12	Kết chuyển doanh thu	5113	216.008.613.021	
			9111		216.008.613.021
55	31/12/12	Kết chuyển giá vốn	9111	22.650.704.075	
			6321		22.650.704.075
55	31/12/12	Kết chuyển giá vốn	9111	190.164.226.677	
			6322		190.164.226.677
61	31/12/12	K/C Thu nhập hoạt động tài chính	5151	11.843.600.000	
			9112		11.843.600.000
61	31/12/12	K/C Thu nhập hoạt động tài chính	5154	4.034.851.548	
			9112		4.034.851.548
.....	.....	.....	.....	.....	.....
DK01 6/12	31/12/12	Thuế TNDN năm 2012	821	8.151.600.467	
			3334		8.151.600.467
65	31/12/12	Kết chuyển CP thuế TNDN năm 2012	9113	8.151.600.467	
			8211		8.151.600.467
.....	.....	.....		.....	.....
	//	Tổng số phát sinh		5.091.440.621.99 2	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 36: Sổ cái TK 821**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/ 2012

**Tài khoản: 821- chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12/12	DK016/12	Thuế TNDN 2012	3334	8.151.600.467	
31/12/12	65	Kết chuyển thuế TNDN	9113		8.151.600.467
		<b>Tổng số phát sinh</b>		8.151.600.467	8.151.600.467
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

### 2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### ➤ Tài khoản sử dụng

*TK 911: Xác định kết quả kinh doanh*

- Các tài khoản cấp 2
  - TK 9111: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
  - TK 9112: Kết quả hoạt động tài chính
  - TK 9113: Kết quả từ hoạt động bất thường

*TK 421: Lãi chưa phân phối*

- Các TK cấp 2:
  - TK 4211: Lãi năm trước
  - TK 4212: Lãi năm nay

Tại công ty CP Container Việt Nam, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo năm. Cuối năm, kế toán tổng hợp vào phân hệ Kế toán tổng hợp → Bút toán khóa sổ để kết chuyển tổng số phát sinh năm của các tài khoản từ loại 5 tới loại 9, xác định lãi lỗ trong năm.

➤ **Ví dụ minh họa:** Ngày 31/12/2012 kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần Container Việt Nam.

Kế toán tổng hợp vào phân hệ Kế toán tổng hợp → Bút toán khóa sổ.



Sau đó chọn năm kết chuyển:2012→ chọn toàn bộ bằng cách ấn ctrl +A để đánh dấu các bút toán cần kết chuyển.Khi đó màn hình sẽ có giao diện như sau:

Nhấn F10 để chọn tháng cần kết chuyển: T1 → T12

Sau khi chương trình đã thực hiện xong các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK911, Sổ cái TK 421.

**Biểu số 37: Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11-Võ Thị Sáu-Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
54	31/12/12	Kết chuyển doanh thu	5111	23.337.310.079	
			9111		23.337.310.079
54	31/12/12	Kết chuyển doanh thu	5113	216.008.613.021	
			9111		216.008.613.021
55	31/12/12	Kết chuyển giá vốn	9111	22.650.704.075	
			6321		22.650.704.075
55	31/12/12	Kết chuyển giá vốn	9111	190.164.226.677	
			6322		190.164.226.677
61	31/12/12	Thu nhập hoạt động tài chính	5151	11.843.600.000	
			9112		11.843.600.000
61	31/12/12	Thu nhập hoạt động tài chính	5154	4.034.851.548	
			9112		4.034.851.548
61	31/12/12	Thu nhập hoạt động tài chính	5158	239.117.721	
			9112		239.117.721
62	31/12/12	Kết chuyển thu nhập khác	7111	716.500.000	
			9113		716.500.000
62	31/12/12	Kết chuyển thu nhập khác	7113	313.363.000	
			9113		313.363.000
62	31/12/12	Kết chuyển thu nhập khác	7118	1.002.403.538	
			9113		1.002.403.538
63	31/12/12	Chi phí hoạt động tài chính 635→911	9112	505.458.801	

			6357		505.458.801
64	31/12/12	Kết chuyển chi phí khác	9113	109.505.667	
			8111		109.505.667
DK01 6/12	31/12/12	Thuế TNDN năm 2012	821	8.151.600.467	
			3334		8.151.600.467
65	31/12/12	Kết chuyển thuế TNDN năm 2012	9113	8.151.600.467	
			8211		8.151.600.467
71	31/12/12	Kết chuyển CP bán hàng	9111	22.727.271	
			641		22.727.271
72	31/12/12	Kết chuyển CP QLDN	9111	10.271.129.360	
			642		10.271.129.360
98	31/12/12	Kết chuyển lợi nhuận HĐSXKD	9111	16.152.545.680	
			4212		16.152.545.680
98	31/12/12	Kết chuyển lợi nhuận HĐTC	9112	15.612.110.470	
			4212		15.612.110.470
98	31/12/12	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác	4212	6.228.839.736	
			9113		6.228.839.736
.....	.....	.....		.....	.....
	//	Tổng số phát sinh		5.091.440.621.992	5.091.440.621.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Biểu số 39: Sổ cái tài khoản 911**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/ 2012

**Tài khoản:911- Xác định kết quả kinh doanh**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12/12	54	Kết chuyển doanh thu 5111→9111	5111		23.337.310.079
31/12/12	54	Kết chuyển doanh thu 5113→9111	5113		216.008.613.021
31/12/12	55	Kết chuyển giá vốn 6321→9111	6321	22.650.704.075	
31/12/12	55	Kết chuyển giá vốn 6322→9111	6322	190.164.226.677	
31/12/12	61	Thu nhập hoạt động tài chính 5151→9112	5151		11.843.600.000
31/12/12	61	Thu nhập hoạt động tài chính 5154→9112	5154		4.034.851.548
31/12/12	61	Thu nhập hoạt động tài chính 5158→9112	5158		239.117.721
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 7111→9113	7111		716.500.000
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 7113→9113	7113		313.363.000
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 7118→9113	7118		1.002.403.538
31/12/12	63	Chi phí hoạt động tài chính 6357→9112	6357	505.458.801	
31/12/12	64	Kết chuyển chi phí khác 8111→9113	8111	109.505.667	
31/12/12	65	KC thuế TNDN 8211→9113	8211	8.151.600.467	
31/12/12	71	Kết chuyển CPBH 641→9111	641	22.727.271	
31/12/12	72	Kết chuyển CP QLDN 642→9111	642	10.271.129.360	
31/12/12	98	Kết chuyển lợi nhuận HĐSXKD(Lãi)	4212	16.152.545.680	
31/12/12	98	Kết chuyển Lợi nhuận HĐTC(Lãi)	4212	15.612.110.470	
31/12/12	98	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác(Lỗ)	4212		6.228.839.736
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>277.129.912.870</b>	<b>277.129.912.870</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

**Biểu số 40: Sổ chi tiết tài khoản 9111**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012****Tài khoản 9111: Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12/12	54	Kết chuyển doanh thu 5111→9111	5111		23.337.310.079
31/12/12	54	Kết chuyển doanh thu 5113→9111	5113		216.008.613.021
31/12/12	55	Kết chuyển giá vốn 6321→9111	6321	22.650.704.075	
31/12/12	55	Kết chuyển giá vốn 6322→9111	6322	190.164.226.677	
31/12/12	71	Kết chuyển CPBH 641→9111	641	22.727.271	
31/12/12	72	Kết chuyển CP QLDN 642→9111	642	10.271.129.360	
31/12/12	98	Kết chuyển lợi nhuận HĐSXKD(Lãi)	4212	16.152.545.680	
		Tổng số phát sinh		239.345.923.100	239.345.923.100
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 41:Sổ chi tiết tài khoản 9112**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012****Tài khoản 9112:Kết quả từ hoạt động tài chính**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12/12	61	Thu nhập hoạt động tài chính 5151→9112	5151		11.843.600.000
31/12/12	61	Thu nhập hoạt động tài chính 5154→9112	5154		4.034.851.548
31/12/12	61	Thu nhập hoạt động tài chính 5158→9112	5158		239.117.721
31/12/12	63	Chi phí hoạt động tài chính 6357→9112	6357	505.458.801	
31/12/12	98	Kết chuyển Lợi nhuận HĐTC(Lãi)	4212	15.612.110.470	
		Tổng số phát sinh		16.117.569.270	16.117.569.270
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**Biểu số 42:Sổ chi tiết tài khoản 9113**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012****Tài khoản 9113:Kết quả từ hoạt động khác**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 711→9113	7111		716.500.000
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 711→9113	7113		313.363.000
31/12/12	62	Kết chuyển thu nhập khác 711→ 9113	7118		1.002.403.538
31/12/12	64	Kết chuyển chi phí khác 811→9113	811	109.505.667	
31/12/12	65	Kết chuyển thuế TNDN năm 2012	821	8.151.600.467	
31/12/12	98	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác	4212		6.228.839.736
		Tổng số phát sinh		8.261.106.134	8.261.106.134
		<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**



**Biểu số 43: Sổ cái tài khoản 421**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11, Võ Thị Sáu, Hải Phòng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/ 2012

**Tài khoản: 421- Lợi nhuận chưa phân phối**

Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			<b>5.833.289.334</b>
31/12/12	98	Kết chuyển lợi nhuận HĐSXKD(Lãi)	9111		16.152.545.680
31/12/12	98	Kết chuyển Lợi nhuận HĐTC(Lãi)	9112		15.612.110.470
31/12/12	98	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác(Lỗ)	9113	6.228.839.736	
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>6.228.839.736</b>	<b>31.764.656.150</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>			<b>31.369.105.750</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng**

**CHƯƠNG 3:****GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM****3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM.****3.1.1. Kết quả đạt được:**

Sau thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Container Việt Nam, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

**3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:**

✓ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình phân tán là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Công tác kế toán không những tiến hành ở phòng kế toán doanh nghiệp mà còn tiến hành ở các công ty con, xí nghiệp cảng. Cuối năm kế toán tại công ty con, xí nghiệp cảng lập báo cáo tài chính chuyển lên phòng kế toán của doanh nghiệp để kế toán tổng hợp tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất.

✓ Về nhân sự, bộ phận kế toán có sáu người gồm một kế toán trưởng và năm kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (trình độ từ đại học trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

✓ Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

### 3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

#### Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :

✓ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

✓ Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

#### Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp:

✓ Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho hai loại doanh thu như doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

✓ Các bảng tổng hợp và sổ cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học, đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

#### Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty .

✓ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

✓ **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhập nhanh chóng vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai

thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

✓ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối mỗi năm, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên ban giám đốc.

### **3.1.1.3: Về ứng dụng công nghệ thông tin:**

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán BRAVO 6.0. Do công ty Cổ phần phần mềm BRAVO cung cấp. Phần mềm kế toán BRAVO 6.0 có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình có hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

### **3.1.2. Hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam còn một số mặt hạn chế như sau:

#### **3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng**

Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cấp 2 cho tài khoản 642 để theo dõi chi tiết hơn chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Bởi vậy, khó theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh cho chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng**

Hiện công ty chưa mở sổ chi tiết cho TK 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Gây khó khăn cho lãnh đạo công ty trong việc quản lý chi phí.

#### **3.1.2.3. Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Hiện công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán khiến cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không được khuyến khích. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

#### **3.1.2.4 Chưa lập dự phòng phải thu khó đòi**

Là một công ty lớn, đối tượng khách hàng đa dạng, nên việc nợ tồn đọng là khó tránh khỏi. Theo báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2012 công ty có 3 khách hàng đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng. Tuy nhiên, hiện nay công ty vẫn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi.

**Biểu số 43: Bảng theo dõi tình hình công nợ  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG THEO DÕI TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2012**

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Công nợ đến hết ngày 31/12/2011		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	CT TNHH kinh doanh vận tải	2.847.344.200		
2	CT TNHH KINDEN Việt Nam		8.954.264	
3	CT TNHH MTV Thép Hòa Phát	195.171.902		
4	CT TNHH C \$ P Quảng Ninh	217.715.600		Quá hạn thanh toán 9 tháng
5	CT Xây Dựng PENTA OCEAN	374.811.296		Quá hạn thanh toán 7 tháng
6	CT TNHH Quốc Tế Sao Bắc	230.519.000		
7	CT TNHH Vũ Hải	5.400.000		
8	CT CP Quản Lý Xây Dựng Nhật Bản	753.980.769		
9	CT TNHH JUNBO VINA		10.653.287	
10	CT TNHH MSC Việt Nam	378.402.999		Quá hạn thanh toán 6 tháng
...	...	....	.....	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>31.981.789.682</b>	<b>154.281.906</b>	

Kế toán ghi số

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Từ bảng theo dõi tình hình công nợ thấy công ty có những khách hàng có thời gian nợ quá hạn trên 6 tháng, nhưng công ty không lập dự phòng phải thu khó đòi. Dẫn đến không quản lý tốt các khoản vốn bị chiếm dụng. Khi xem xét bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp ta thấy khoản mục phải thu khách hàng của doanh nghiệp là một khoản mục quan trọng, chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong công tác hạch toán thanh toán với khách hàng thì doanh nghiệp lại không thực hiện việc đánh giá và lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

### **3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Container Việt Nam.**

#### **3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện:**

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Container Việt Nam chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

#### **3.2.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:**

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc gia quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra luôn là thấp nhất và lợi nhuận đạt được luôn là cao nhất.

### **3.2.3 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Container Việt Nam.**

#### **3.2.3.1 Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng.**

Công ty nên mở tài khoản cấp 2 cho tài khoản 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

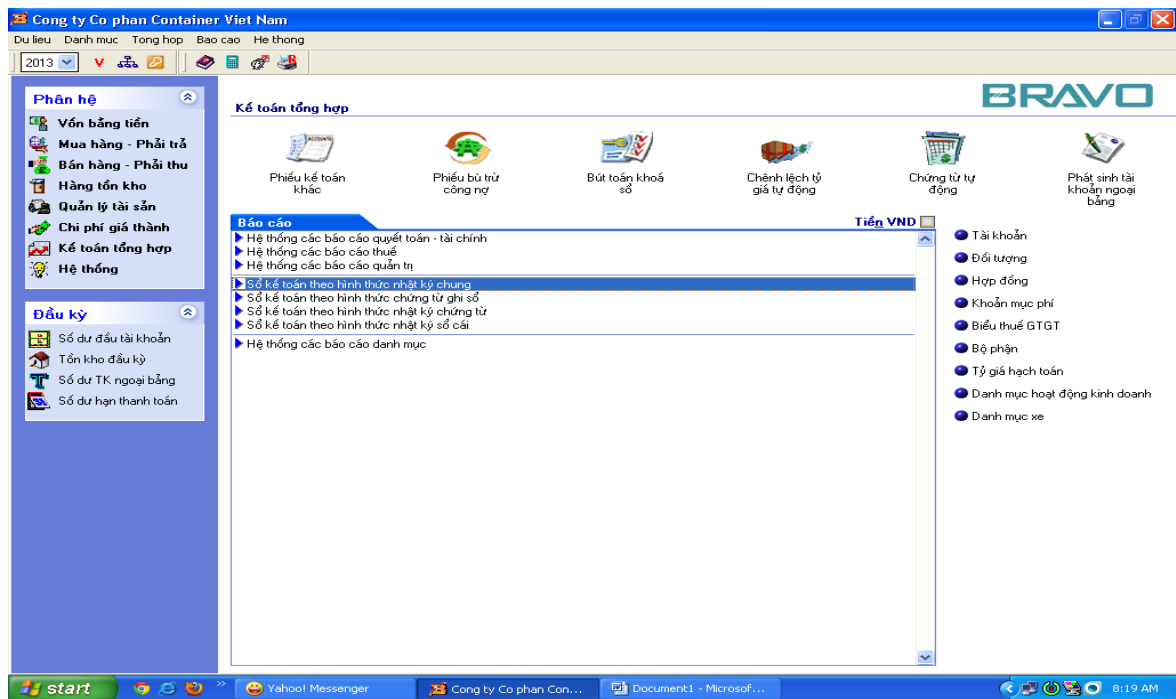
- \_ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- \_ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- \_ TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- \_ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- \_ TK 6426: Chi phí dự phòng
- \_ Tk 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- \_ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

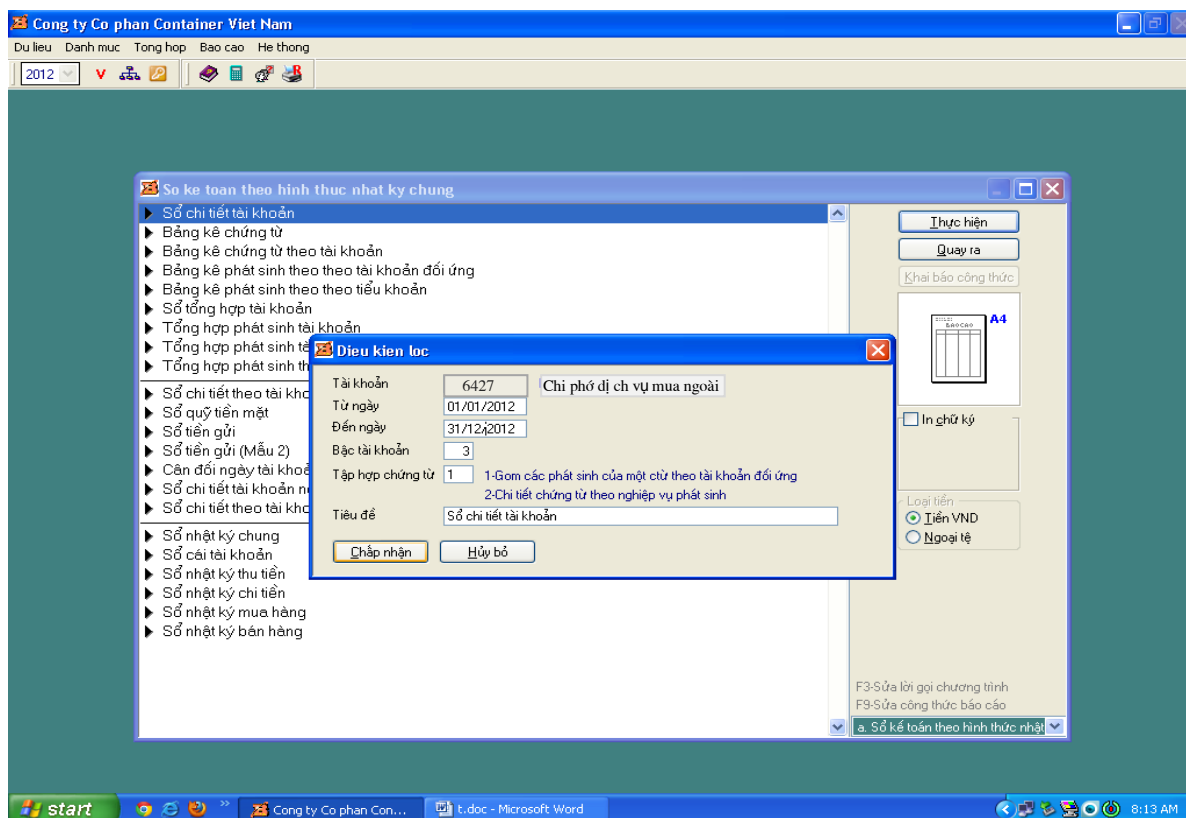
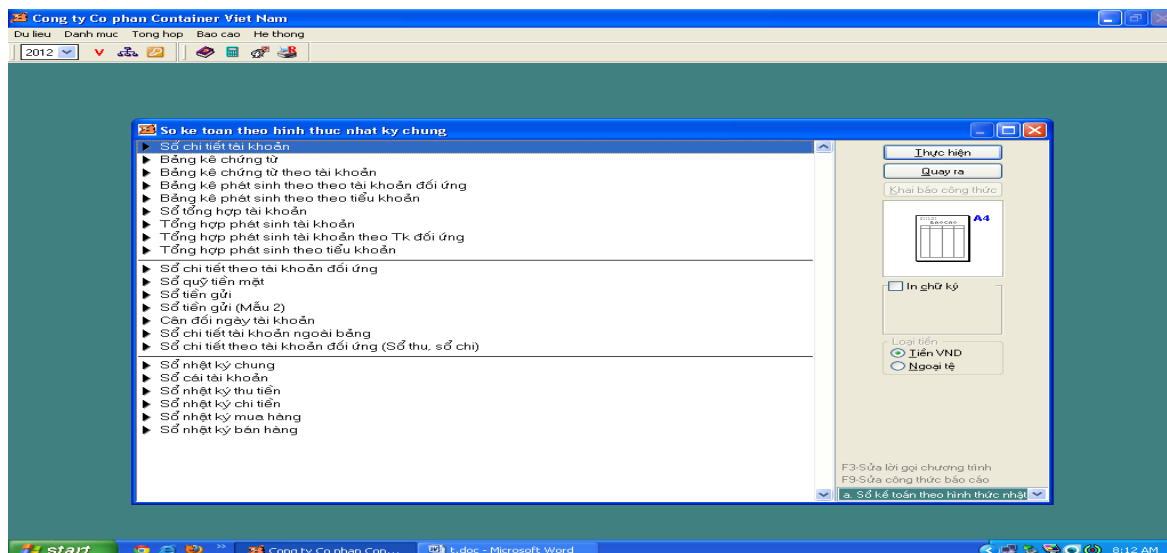


### 3.2.3.2 Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng

❖ Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Giúp doanh nghiệp đưa ra các biện pháp kiểm soát và làm giảm chi phí phát sinh không cần thiết.

VD: Để in ra sổ chi tiết TK 6427, Kế toán chọn phân hệ Kế toán tổng hợp → Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung → sổ chi tiết tài khoản. Ở mục “tài khoản” : chọn tài khoản 6427. Tại mục ”Từ ngày đến ngày”: 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Sau cùng nhấn chấp nhận để xem.F7 để in,ESC để thoát ra.





➤ Ví dụ mở sổ chi tiết cho chi phí dịch vụ mua ngoài:

**Biểu số 44: Sổ chi tiết tài khoản 6427**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

11- Võ Thị Sáu- Hải phòng

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	
17/04/12	074V	Cước điện thoại	1121	19.041.576	
17/04/12	PC295	TT tiền nước sạch T3/2012	1111	286.957	
.....	.....	.....	.....	.....	
23/04/12	PC308	TT tiền điện sinh hoạt	1111	10.367.186	
.....	.....	.....	.....	.....	
30/04/12	72	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	9111		1.674.223.468
		Tổng SPS		1.674.223.468	1.674.223.468
		Dư cuối kỳ			

**Kế toán trưởng**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**kế toán ghi sổ**

### 3.2.3 Giải pháp về áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

*Chiết khấu thanh toán:* là khoản tiền do doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ kích thích được khách hàng thanh toán trước thời hạn. Điều này sẽ làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

*Xây dựng tỷ lệ chiết khấu:* Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa ra những tỷ lệ (%) chiết khấu phù hợp. Nhưng công ty cũng có thể tham khảo một số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, tình hình trả nợ trước thời hạn, tỷ lệ lãi suất ngân hàng... Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần chú ý một số điểm sau:

- \_ Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn ảnh hưởng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và cũng không quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng.
- \_ Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền với các khoản phải thu, nhưng nó sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét rằng chi phí đầu tư khoản phải thu có bù đắp được thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không?

*Phương pháp hạch toán chiết khấu thanh toán:*

- \_ Tài khoản sử dụng TK 635 – “Chi phí hoạt động tài chính”
- \_ Phương pháp hạch toán:

B1. Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131,111,112...

B2. Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

### 3.2.4. Giải pháp về lập dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu, thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTT của năm báo cáo.

#### ❖ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- \_ Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như là một khoản tổn thất.
- \_ Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:
  - + Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần mà vẫn chưa được.
  - + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.
  - + Những khoản nợ qua 3 năm trở lên coi như không có khả năng thu hồi nợ và được xử lý xóa nợ.

#### ❖ Phương pháp xác định mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

- **Mức trích lập** : (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)
  - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán , mức trích lập dự phòng như sau:
    - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
    - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
    - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
    - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
  - Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.
- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

❖ **Trình tự kế toán lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Cuối kì kế toán doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi) kế toán phải xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập.

✓ Nếu số dự phòng cần trích lập của năm nay lớn hơn số dư của các khoản dự phòng đã trích lập cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được trích lập như sau:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

✓ Ngược lại số trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng trích lập của năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn lập như sau:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

✓ Các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ.

Nợ TK 139: Số đã trích lập

Nợ TK 642: Số chưa trích lập

Có TK 138,131:

Đồng thời ghi Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111,112....

Có TK 711

Đồng thời ghi có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

❖ **Căn cứ vào bảng theo dõi tình hình công nợ của công ty Cổ Phần Container Việt Nam. Em xin lập dự phòng phải thu khó đòi cho công ty như sau:**

✓ Tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2012:

+ Đối với khoản nợ 217.715.600đ của CT TNHH C&P Quảng Ninh- đã quá hạn thanh toán hơn 9 tháng nên số dự phòng phải thu khó đòi là:

$$217.715.600 \times 30\% = 65.314.680 \text{ đồng}$$

+ Đối với khoản nợ 374.811.296đ của Cty Xây dựng PENTA OCEAN đã quá hạn thanh toán 7tháng nên số dự phòng phải thu khó đòi là:

$$374.811.296 \times 30\% = 112.443.389 \text{ đồng}$$

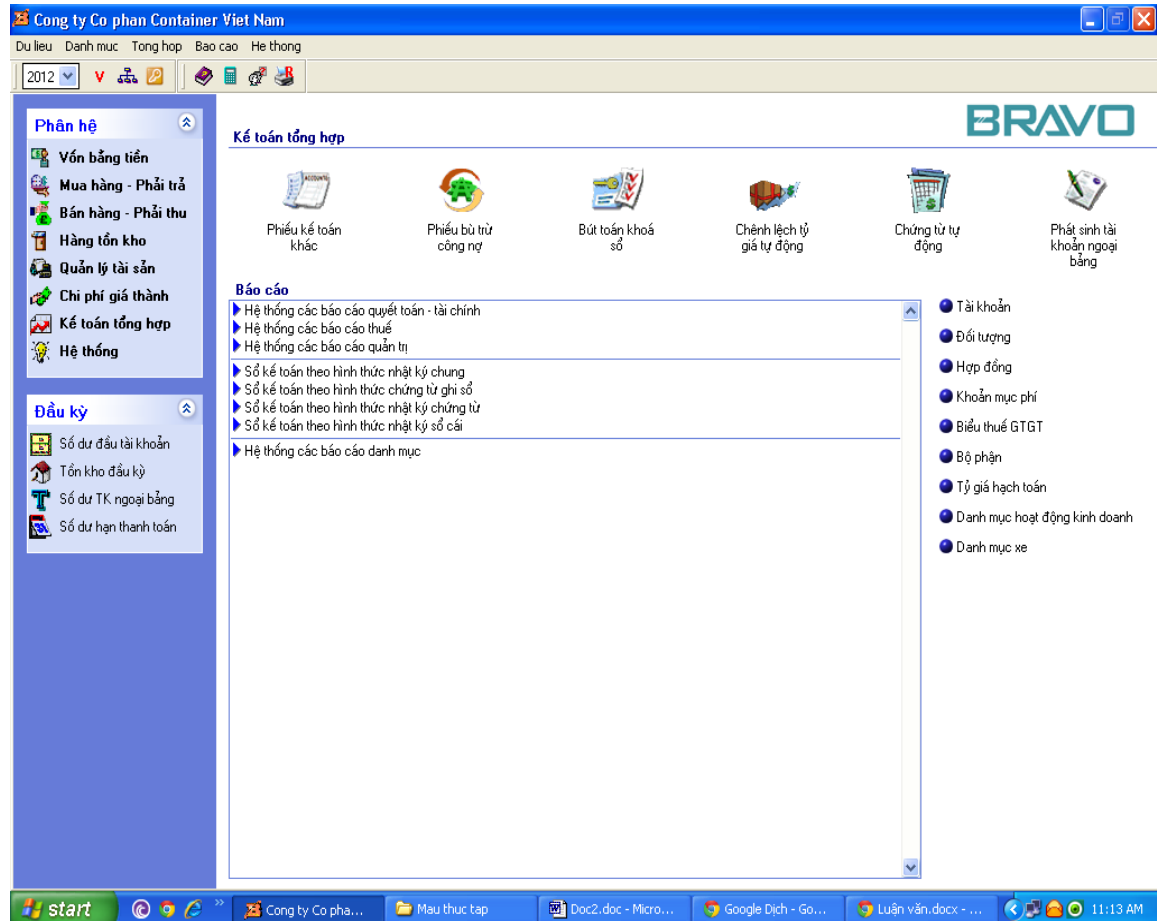
+ Đối với khoản nợ 378.402.999đ của CT TNHH MSC Việt Nam- đã quá hạn thanh toán hơn 6 tháng nên số dự phòng phải thu khó đòi là:

$$378.402.999 \times 30\% = 113.520.899 \text{ đồng}$$

Vậy số dự phòng nợ phải thu khó đòi = 65.314.680 + 112.443.389 + 113.520.899

= 291.278.968

Kế toán vào phân hệ **Kế toán tổng hợp** → **Phiếu kế toán khác** để lập phiếu kế toán. Các số liệu sẽ được cập nhật vào sổ sách có liên quan.







CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM  
11- Võ Thị Sáu- Hải phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: DK017/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	6426	139	291.278.968
<b>Cộng</b>			<b>291.278.968</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**KẾT LUẬN**

Hòa cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin đưa ra một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Container Việt Nam. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo - Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương thời gian qua đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em, cùng toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần Container Việt Nam đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Vũ Thị Thúy

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2012 của công ty cổ phần Container Việt Nam.
- 4/ Khóa luận của các khóa 11,12 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Kí hiệu viết tắt</b>	<b>Chữ viết tắt</b>
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
3	KH TSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
4	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
5	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
6	CPBH	Chi phí bán hàng
7	CP QLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
8	HĐSXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
9	HĐTC	Hoạt động tài chính
10	VNĐ	Việt Nam Đồng
11	BHXH	Bảo hiểm xã hội
12	BHYT	Bảo hiểm y tế
13	KPCĐ	Kinh phí công đoàn